

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH
TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH

DÀNH CHO BẬC ĐẠI HỌC - KHÔNG CHUYÊN NGÀNH
LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2019

MỤC LỤC

Chương I: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
Chương II: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	17
Chương III: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	42
Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	72
Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	100
Chương VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người	121

Chương I

KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH

MỤC TIÊU

- Về kiến thức: Góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Về kỹ năng: Qua nghiên cứu môn học này, sinh viên bước đầu có được tư duy và kỹ năng đúng đắn, phù hợp khi phân tích cả về lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.
- Về tư tưởng: Giúp cho sinh viên thấy rõ hơn vai trò của Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam, thêm tin tưởng vào chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần tiếp thêm sức mạnh cho sinh viên về ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.

I. KHÁI NIỆM TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2011) nêu khái niệm “Tư tưởng Hồ Chí Minh” như sau:

“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”.

Khái niệm trên đây chỉ rõ nội hàm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ sở hình thành cũng như ý nghĩa của tư tưởng đó.

Cụ thể:

Một là, khái niệm này đã nêu rõ bản chất khoa học và cách mạng cũng như nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ đó phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách

mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Để đạt mục tiêu đó, con đường phát triển của dân tộc Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu và con đường này đúng theo lý luận Mác - Lênin; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của nhà nước cách mạng; xác định lực lượng cách mạng là toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước, xây dựng con người Việt Nam có năng lực và phẩm chất đạo đức cách mạng; kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trên cơ sở quan hệ quốc tế hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển; với phương pháp cách mạng phù hợp...

Hai là, nêu lên cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin - giá trị cơ bản nhất trong quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng đó; đồng thời tư tư tưởng của Hồ Chí Minh còn bắt nguồn từ việc Hồ Chí Minh tiếp thu các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

Ba là, khái niệm đó đã nêu lên ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận cấu thành làm nên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Khái niệm trên đây là sự ghi nhận quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh. Sau đây là khái quát quá trình nhận thức đó:

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua các văn kiện làm thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh này thể hiện những nội dung rất cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.

Sau khi Đảng ra đời, tư tưởng Hồ Chí Minh trải qua thử thách và đã được được khẳng định lại. Việc nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam cũng như vai trò của Người đối với quá trình phát triển của dân tộc từ sau khi thành lập Đảng là một quá trình không đơn giản. Đã có sự hiểu không đúng từ Quốc tế Cộng sản và từ một số người trong Đảng Cộng sản Đông Dương do những người này chịu ảnh hưởng lớn của đường lối, quan điểm tả khuynh của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (năm 1928) trên vấn đề tập hợp lực lượng cách mạng ở những nước thuộc địa. Nhưng, thực tế đã chứng minh cho sự đúng đắn

của những quan điểm của Hồ Chí Minh và những người tham gia Hội nghị thành lập Đảng, vì vậy tư tưởng Hồ Chí Minh đã được肯定 định lại. Đại hội II của Đảng (2-1951) nêu rõ: "Đường lối chính trị, nền nếp làm việc và đạo đức cách mạng của Đảng ta hiện nay là đường lối, tác phong và đạo đức Hồ Chủ tịch... Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch; sự học tập ấy, là điều kiện tiên quyết làm cho Đảng mạnh và làm cho cách mạng đi mau đến thắng lợi hoàn toàn".

Ban chấp hành Trung ương Đảng tôn vinh Hồ Chí Minh là "Anh hùng dân tộc vĩ đại". Hồ Chí Minh qua đời ngày 2-9-1969. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng có đoạn nêu rõ: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta". Tiếp nối sự đánh giá ấy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976) đánh giá: "Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam ngót nửa thế kỷ nay mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người khai sinh nền Cộng hoà Dân chủ Việt Nam, người vun trồng khôi đại đoàn kết dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế"³. Tiếp theo, tháng 3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng nhấn mạnh: "Đảng phải đặc biệt coi trọng việc tổ chức học tập một cách có hệ thống tư tưởng, đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong toàn Đảng".

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện ở nước ta, trong đó nhấn mạnh: "Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê nin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh".

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) là một mốc lớn khi nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh. Đến thời điểm diễn ra Đại hội VII của Đảng, Hồ Chí Minh đã qua đời 22 năm và sự nghiệp đổi mới của đất nước đã diễn ra được 5 năm. Thực tế sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung và của những năm đổi mới nói riêng đã chứng tỏ rằng, không những chủ nghĩa Mác - Lê nin, mà còn là tư tưởng Hồ Chí Minh nữa, đã trở thành yếu tố chỉ đạo làm nên thắng lợi cho cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, một trong những điểm mới của Đại hội VII là Đảng nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội VII của Đảng khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”². Đại hội VII nêu rõ: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng ta và của cả dân tộc”³. Việc khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cũng đã được ghi nhận trong hai văn kiện nữa rất quan trọng của Đảng và Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đó là Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII năm 1991 thông qua (bổ sung, phát triển năm 2011) và trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 và năm 2013.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001), Đảng đã nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách đầy đủ hơn so với Đại hội VII: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4-2006), khi đề cập tư tưởng Hồ Chí Minh, đã nêu rõ: “Sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta 76 năm qua đã khẳng định rằng, tư tưởng vĩ đại của Người cùng với chủ nghĩa Mác - Lê nin mãi mãi là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng đó đã dẫn dắt chúng ta trên mỗi chặng đường xây dựng và phát triển đất nước, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là sức mạnh tập hợp và đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta hôm nay và mai sau”.

Các Đại hội đại biểu toàn quốc tiếp nối sau của Đảng cũng luôn khẳng định công lao vĩ đại của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và khẳng định tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là những nhân tố không thể thiếu trong tư tưởng và hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn

dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (năm 2016) nhấn mạnh rằng, phải “kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam”.

Ở bình diện quốc tế, nhiều đảng chính trị, nhiều chính phủ, nhiều tổ chức chính trị - xã hội, nhiều cá nhân đánh giá cao phẩm chất, năng lực và vai trò của Hồ Chí Minh đối với quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam cũng như đối với quá trình phát triển văn minh tiến bộ của nhân loại.

Một trong số tổ chức quốc tế đó là Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (Viết tắt tiếng Anh là UNESCO: United Nations Educational Scientific and Cultural Organization), tại Khóa họp Đại Hội đồng lần thứ 24 tại Pari, từ ngày 20-10-1987 đến ngày 20-11-1987 đến ngày 20-11-1987, đã ra Nghị quyết số 24C/18.6.5 về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đó có “Nhắc lại Quyết định số 18C/4.351 thông qua tại Khóa 18 Đại Hội đồng UNESCO về việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh của các danh nhân và việc kỷ niệm các sự kiện lịch sử đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại” và ghi nhận “việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh các nhân vật trí thức lỗi lạc và các danh nhân văn hóa trên phạm vi quốc tế góp phần thực hiện các mục tiêu của UNESCO và đóng góp vào sự hiểu biết trên thế giới”, trên cơ sở đó “Ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm Kỷ niệm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam”¹.

Vì sao nói rằng khái niệm tư tưởng HCM được đăng ta nêu ra ở đại hội lần thứ XI được xác định là khái niệm hoàn chỉnh và toàn diện nhất?

II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là một nội dung của chuyên ngành Hồ Chí Minh học (nằm trong ngành Khoa học chính trị). Đối tượng nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là toàn bộ những quan điểm của Hồ Chí Minh thể hiện trong di sản của Người. Đó là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Hệ thống quan điểm đó của Hồ Chí Minh phản ánh trong những bài nói, bài viết của Người, trong hoạt động cách mạng và trong cuộc sống hàng ngày của Người. Đó là những vấn đề lý luận và thực tiễn được rút ra từ cuộc đời hoạt động rất phong phú ở cả trong nước và trên thế giới của Hồ Chí Minh phần đầu cho sự nghiệp giải phóng không những ở tầm dân tộc Việt Nam mà còn ở tầm thế giới: Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Đối tượng nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh còn là quá trình hệ thống quan

điểm của Hồ Chí Minh vận động trong thực tiễn. Hay nói cách khác, đó là quá trình “hiện thực hóa” hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin có một quá trình được các đảng cộng sản vận dụng vào những điều kiện cụ thể của dân tộc mình và của thời đại. Quá trình này chính là sự thể hiện chủ nghĩa Mác - Lênin luôn luôn được bổ sung, làm phong phú thêm từ cuộc sống. Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như thế. Trong quá trình hiện thực hóa hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam luôn luôn là sự vận dụng sáng tạo và phát triển hệ thống quan điểm đó trong những điều kiện mới.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

Phương pháp luận Hồ Chí Minh lấy phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử Mác - Lênin làm cơ sở, được hình thành và phát triển qua quá trình hoạt động cách mạng của Người. Phương pháp luận đó chỉ đạo các phương pháp suy nghĩ và hành động trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Hồ Chí Minh sống và hoạt động cách mạng nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và cuối cùng đi đến giải phóng con người. Dưới đây là một số nguyên tắc phương pháp luận trong nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.

a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học

Nội dung chủ yếu của phương pháp luận này là: phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân, đứng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, quán triệt cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam để nhận thức và phân tích những quan điểm của Hồ Chí Minh. Đồng thời, phải bảo đảm tính khách quan, khoa học của các luận đề nêu ra. Sự thống nhất chặt chẽ giữa tính đảng và tính khoa học là một nguyên tắc rất cơ bản trong phương pháp luận nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ trên cơ sở thống nhất nguyên tắc tính đảng và tính khoa học, người nghiên cứu mới hiểu rõ và hiểu sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc phát hiện vai trò và sức mạnh to lớn của nhân dân không phải là công lao đầu tiên của những nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, và ở Việt Nam cũng không phải là sự phát hiện đầu tiên của Hồ Chí Minh. Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học và Hồ Chí Minh thấy rõ hơn vai trò và sức mạnh của nhân dân, coi đó là động lực của sự phát triển để hướng tới xây dựng một xã hội mới tốt đẹp, giải phóng cho con người theo chủ nghĩa nhân văn mácxít. Đó là mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản. Ở “xã hội cộng sản”,

như Hồ Chí Minh đã ghi thành mục tiêu của cách mạng Việt Nam trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930, thì con người được giải phóng khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, con người làm chủ xã hội, con người sống trong tự do thật sự. Cho nên vấn đề có tính phương pháp luận Hồ Chí Minh là ở chỗ, mọi suy nghĩ và hành động, mọi lúc, mọi nơi, người cách mạng đều phải hướng tới mục tiêu giải phóng con người. Mọi công cuộc giải phóng trước đó đều chỉ là mục tiêu của từng chặng đường. Chỉ có con người được giải phóng toàn diện thì mới thực sự là mục tiêu cuối cùng và cao cả nhất. Chính vì thế, thước đo duy nhất để nhận rõ hiệu quả tư duy và hành động của người cách mạng, của tổ chức cách mạng Việt Nam là ở chỗ tư duy và hành động đó có đưa lại quyền lợi chính đáng cho nhân dân hay không.

b. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

Cần vận dụng cơ sở phương pháp luận của Hồ Chí Minh về mặt này. Hồ Chí Minh coi trọng lý luận và thực tiễn thống nhất chặt chẽ với nhau. Về lý luận, Người cho rằng: “Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính. Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”. Hồ Chí Minh phê bình sự chủ quan, kém lý luận, “mắc phải cái bệnh khinh lý luận”, có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như “một mắt sáng, một mắt mờ”, “vì kém lý luận, cho nên mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại”.

Hồ Chí Minh chỉ rõ con người sẽ mắc phải căn bệnh “lý luận suông” nếu không áp dụng vào thực tế, “dù xem được hàng vạn quyền lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách. Xem nhiều sách để mà lòe, để làm ra ta đây, thế không phải là biết lý luận... Phải ra sức thực hành mới thành người biết lý luận... Phải đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận. Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung cũng như không có tên”.

Ở Hồ Chí Minh, chúng ta thấy không có sự tuyệt đối hóa mặt nào giữa chúng. Thậm chí, nhìn xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh thì trong lý luận của Người đã có thực tiễn, trong thực tiễn của Người đã có lý luận; chỉ khi muốn nghiên cứu thật sâu với tư cách là một yếu tố chuyên biệt thì chúng ta mới có thể tách riêng ra, nhưng việc tách riêng ra cũng chỉ là tạm thời trong một động thái nào đó

của thao tác nghiên cứu mà thôi, còn về bản chất của nội dung phương pháp luận này là sự thống nhất biện chứng.

c. Quan điểm lịch sử - cụ thể

Cùng với chủ nghĩa duy vật biện chứng, cần vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử vào việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong vấn đề phương pháp luận này, cần vận dụng quan điểm của V.I.Lênin về mối quan hệ biện chứng khi xem xét sự vật và hiện tượng trong mối liên hệ lịch sử căn bản, xem sự vật, hiện tượng đó đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào; đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xem xét hiện nay nó đã trở thành như thế nào. Nếu nắm vững quan điểm này, người nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ nhận thức được bản chất tư tưởng đó mang đậm dấu ấn của quá trình phát triển lịch sử, quá trình phát triển sáng tạo, đổi mới.

d. Quan điểm toàn diện và hệ thống

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam, có quan hệ thống nhất biện chứng nội tại của nó. Một yêu cầu về lý luận khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trên bình diện tổng thể hay từng bộ phận là phải luôn luôn quán triệt mối liên hệ qua lại của các yếu tố, các bộ phận khác nhau trong sự gắn kết tất yếu của hệ thống tư tưởng đó xung quanh hạt nhân cốt lõi là tư tưởng độc lập, tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nếu tách rời một yếu tố nào đó khỏi hệ thống sẽ hiểu sai tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh nhìn sự vật và hiện tượng trong một tổng thể vận động với những cái chung và cả những cái riêng, trong sự vận động cụ thể của điều kiện hoàn cảnh nhất định nào đó và xem xét chúng trong xu thế chung. Vì coi tính bao quát là một nguyên tắc tư duy và hành động, như là một phương pháp luận, cho nên Hồ Chí Minh xem xét cách mạng Việt Nam trong quan hệ tổng thể với cách mạng thế giới. Trong khi nhìn bao quát, phương pháp luận này còn chỉ rõ điểm nhấn, bộ phận nào có tính trọng điểm để hướng hành động một cách tập trung ưu tiên vào đó. Trọng điểm này có khi không chỉ là trọng điểm của cả một quá trình dài mà còn là trọng điểm của một giai đoạn, một thời kỳ nào đó. Phương pháp luận này chỉ dẫn cho những người nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết một cách biện chứng, đúng đắn một loạt các mối quan hệ trong tiến trình cách mạng Việt Nam mà tư tưởng Hồ Chí Minh đã thể hiện; chẳng hạn, đó là mối quan hệ rất trọng yếu trong cách mạng Việt Nam là giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp qua các thời kỳ; đồng thời, Hồ Chí Minh đã tìm thấy các điểm tương đồng, từ đó nhận các điểm tương đồng, hạn chế các điểm khác biệt trong các giai

cấp, tầng lớp của xã hội Việt Nam để tạo ra lực lượng cách mạng tổng hợp đấu tranh giành thắng lợi.

e. Quan điểm kế thừa và phát triển

Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi không chỉ biết kế thừa, vận dụng mà còn phải biết phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong điều kiện lịch sử mới, trong bối cảnh cụ thể của đất nước và quốc tế.

Hồ Chí Minh nhìn sự vật và hiện tượng trong một trạng thái vận động không ngừng. Đó là một quá trình giải phóng mọi trở lực, trở lực bên ngoài, trở lực bên trong, thậm chí trở lực nằm ngay trong mỗi con người, để phát triển bền vững. Phương pháp luận Hồ Chí Minh cho thấy rằng, con người phải luôn luôn thích nghi với mọi hoàn cảnh. Muốn thích nghi, phải luôn luôn tự đổi mới để phát triển. Quá trình phát triển là quá trình khẳng định cái mới, phủ định cái cũ; đó cũng là quá trình luôn luôn giải phóng, giải phóng mọi sự ràng buộc lạc hậu để bắt kịp những cái tiên tiến, tiến bộ.

2. Một số phương pháp cụ thể

"Phương pháp là toàn bộ những cách thức với tính chất là một hệ thống các nguyên tắc xuất phát từ các quy luật tồn tại và vận động của đối tượng, khách thể đã được nhận thức, để định hướng và điều chỉnh hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn của con người, nhằm tác động vào đối tượng, khách thể để thực hiện mục đích đã định".

Có thể nêu một số phương pháp chủ yếu thường được sử dụng để nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh:

Phương pháp lôgic, phương pháp lịch sử và sự kết hợp hai phương pháp này. Phương pháp logic nghiên cứu một cách tổng quát nhằm tìm ra được bản chất vốn có của sự vật, hiện tượng và khái quát thành lý luận. Muôn vàn sự kiện, sự vật và hiện tượng đều có mối dây liên hệ bản chất, vì thế giữa chúng có lôgic tất yếu, cần nhận biết rõ. Phương pháp lịch sử nghiên cứu sự vật và hiện tượng theo trình tự thời gian, quá trình diễn biến đi từ phát sinh, phát triển đến hệ quả của nó. Ở đây, phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng là cách vận dụng sát hợp với nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, rất cần thiết phải sử dụng kết hợp một cách chặt chẽ phương pháp lôgic và phương pháp lịch sử.

Phương pháp phân tích văn bản kết hợp với nghiên cứu hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh để lại những bài viết, bài nói đã được tập hợp thành bộ sách toàn tập. Nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, đương nhiên trước hết phải dựa vào những tác phẩm của Người để lại. Nhưng, di sản tinh thần quý báu của Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc Việt Nam không chỉ là những tác phẩm

đó, mà còn ở toàn bộ cuộc đời hoạt động của Người, những vần đè phản ánh cuộc sống hàng ngày của Người. Thực tiễn chỉ đạo của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam là một bộ phận cực kỳ quan trọng làm nên hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh. Có nhiều nội dung phản ánh tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ ở trong văn bản mà là ở trong chỉ đạo thực tiễn của chính bản thân Hồ Chí Minh; đồng thời phản ánh qua hoạt động của các đồng chí, qua học trò của Người. Tư tưởng Hồ Chí Minh không những thể hiện vai trò quan trọng ở thời kỳ Hồ Chí Minh sống, mà kể cả khi Người đã qua đời, tư tưởng đó còn có vai trò làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân phấn đấu cho mục tiêu của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh không những cần thiết có trong hành trang của dân tộc Việt Nam thế kỷ XX mà còn tiếp tục đi với dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XXI và các thế kỷ tiếp theo; không những góp phần thúc đẩy sự phát triển tiến bộ, văn minh của nhân loại trong thời kỳ trước đây mà còn cả trong tương lai.

Phương pháp chuyên ngành, liên ngành. Hồ Chí Minh thể hiện tư tưởng của mình thông qua nhiều lĩnh vực như chính trị, triết học, kinh tế, quân sự, văn hóa, v.v. Vì vậy, trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, các phương pháp chuyên ngành và liên ngành cần được sử dụng để nghiên cứu toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như mỗi tác phẩm lý luận riêng biệt của Người.

Để việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đạt được trình độ khoa học ngày một cao hơn, cần đổi mới và hiện đại hóa các phương pháp nghiên cứu cụ thể trên cơ sở không ngừng phát triển và hoàn thiện về lý luận và phương pháp luận khoa học nói chung. Ngoài các phương pháp nêu trên, cần thiết phải sử dụng cả các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, điều tra xã hội học, v.v. Những phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng cần xuất phát từ yêu cầu nghiên cứu nội dung cụ thể của tư tưởng Hồ Chí Minh.

IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận

Với ý nghĩa cùng với chủ nghĩa Mác - Lê nin làm thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh là những phương hướng về lý luận và thực tiễn hành động cho những người Việt Nam yêu nước. Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần trang bị cho sinh viên tri thức khao học về hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam; hình thành năng lực, phương pháp làm việc, niềm tin, tình cảm cách mạng; góp phần cung cấp cho sinh viên về lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư

tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Năng lực tư duy lý luận của con người là điều rất cần thiết để giúp con người giải quyết được yêu cầu do cuộc sống đặt ra. Năng lực đó được hình thành và phát triển từ nhiều nguồn, trải qua nhiều giai đoạn của cuộc sống, nhưng giai đoạn đang nghiên cứu ở trường đại học rất quan trọng, nó gắn với tuổi trẻ của con người. Hơn nữa, tri thức và kỹ năng của sinh viên hình thành và phát triển qua nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là những yếu tố bồi đắp năng lực lý luận để chỉ dẫn hành động rất quan trọng để trở thành một công dân có ích cho xã hội Việt Nam trong quá trình thực hiện mục tiêu cao cả: Xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, thực hiện lời mong muốn cuối cùng mà Hồ Chí Minh đã ghi vào bản Di chúc: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹.

2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, cung cấp niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước

Qua nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, người học có điều kiện hiểu biết sâu sắc và toàn diện về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh, lãnh tụ của Đảng, người con vĩ đại của dân tộc Việt Nam, một chiến sĩ kiên cường đấu tranh vì độc lập, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và tiến bộ giữa các dân tộc trên thế giới, trong đó đặc biệt là học tập tư tưởng của Người, học tập gương sáng của một con người suốt đời phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Sinh viên nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ có điều kiện tốt để thực hành đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, chống “giặc nội xâm” để lập thân, lập nghiệp, sống có ích cho xã hội, yêu và làm những điều thiện, ghét và tránh cái xấu, cái ác; nâng cao lòng tự hào về đất nước Việt Nam, về chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, về Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam và nguyện "Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Thông qua việc nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên sẽ nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định ý thức và trách nhiệm công dân của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện bản thân mình theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng của đất

nước, vững bước trên con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác

Qua nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên có điều kiện vận dụng tốt hơn những kiến thức và kỹ năng đã nghiên cứu, học tập vào việc xây dựng phương pháp học tập, tu dưỡng, rèn luyện phù hợp với điều kiện cụ thể của từng người, từng địa bàn. Người học có thể vận dụng xây dựng phong cách tư duy, phong cách diễn đạt, phong cách làm việc, phong cách ứng xử, phong cách sinh hoạt... phù hợp với từng lúc, từng nơi, theo phương châm mà Hồ Chí Minh đã nêu: Dĩ bất biến ứng vạn biến.

Tư tưởng Hồ Chí Minh có tác dụng góp phần tích cực trong việc giáo dục sinh viên tiếp tục hình thành và hoàn thiện nhân cách để ngày càng cao đẹp hơn, trở thành những chiến sĩ tiên phong trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, góp phần làm cho đất nước ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như khát vọng của Hồ Chí Minh và của mỗi người Việt Nam yêu nước.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Qua nhận thức nội hàm khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, hãy đưa ra nhận xét về quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Phân tích tầm quan trọng của việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.
3. Phân tích giá trị, ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

6. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
7. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - GS Song Thành (Chủ biên): *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.
8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
9. GS,TS Mạch Quang Thắng - PGS,TS Bùi Đình Phong - TS Chu Đức Tính (Đồng Chủ biên): “UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.

Chương II

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

MỤC TIÊU

- Về kiến thức: Giúp cho sinh viên hiểu rõ cơ sở thực tiễn, lý luận và nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; hiểu rõ các giai đoạn cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên tiếp cận với phương pháp khoa học nhận thức khái quát nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh và quá trình hình thành từng bước, lâu dài tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động lý luận và thực tiễn của Người.
- Về tư tưởng: Giúp cho sinh viên nhận thức khoa học giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, từ đó có tư tưởng, tình cảm tích cực trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thực tế học tập và cuộc sống hàng ngày.

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở thực tiễn

a. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Từ năm 1858, đế quốc Pháp bắt đầu tiến hành xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn lần lượt ký kết các hiệp ước đầu hàng, từng bước trở thành tay sai của thực dân Pháp.

Từ 1858 đến cuối thế kỷ XIX, các phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp xâm lược liên tục

nở ra. Ở miền Nam, có các cuộc khởi nghĩa của Trương Định, Nguyễn Trung Trực. Ở miền Trung, có các cuộc khởi nghĩa của Trần Tấn, Đặng Thai Mai, của Phan Đình Phùng. Ở miền Bắc, có các cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thiện Thuật, Phạm Bành và Đinh Công Tráng, Nguyễn Quang Bích, Hoàng Hoa Thám, v.v... Các cuộc khởi nghĩa, trong đó có những cuộc dưới ngọn cờ "Càn Vương" tức giúp vua cứu nước, tuy đều rất anh dũng, nhưng cuối cùng đều thất bại. Điều đó chứng tỏ nhân dân ta rất yêu nước, song giai cấp phong kiến và hệ tư tưởng của nó đã suy tàn, bất lực trước nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc.

Sau khi đã hoàn thành căn bản việc bình định Việt Nam về mặt quân sự, thực dân Pháp bắt tay vào khai thác thuộc địa Việt Nam một cách mạnh mẽ và từng bước biến nước ta từ một nước phong kiến thành nước thuộc địa và phong kiến dẫn tới có sự biến đổi về cơ cấu giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Thực dân Pháp vẫn duy trì nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu với khoảng 95% dân số là nông dân; giai cấp địa chủ được bổ sung, củng cố, tăng cường thêm các điền chủ người Pháp và nước ngoài. Bên cạnh tầng lớp thợ thủ công, tiểu thương, trong xã hội Việt Nam xuất hiện những giai tầng mới. Đó là giai cấp công nhân, giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản ở thành thị. Từ đó, liền với mâu thuẫn cơ bản trong xã hội phong kiến là nông dân với địa chủ phong kiến, xuất hiện các mâu thuẫn mới: Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân Việt Nam với giai cấp tư sản, mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Cùng với những biến đổi trên, đến đầu thế kỷ XX, trước ảnh hưởng của các cuộc vận động cải cách, của cách mạng dân chủ tư sản ở Trung Quốc và tấm gương Duy Tân Nhật Bản, ở Việt Nam xuất hiện các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản với sự dẫn dắt của các sĩ phu yêu nước có tinh thần cải cách: Phong trào Đông Du do Phan Bội Châu khởi xướng (1905-1909); Phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh phát động năm (1906-1908); Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương Văn Can, Nguyễn Quyền và một số nhân sĩ khác phát động (3-1907 đến tháng 11- 1907); Phong trào chống đi phu, chống sưu thuế ở Trung kỳ năm 1908.

Các Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản nói trên đều thất bại. Nguyên nhân sâu xa là giai cấp tư sản Việt Nam còn non yếu. Nguyên nhân trực tiếp là các tổ chức và người lãnh đạo của các phong trào đó chưa có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn. Tinh thần yêu nước vẫn sục sôi trong lòng nhân dân. Song, cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước diễn ra sâu sắc. Xuất hiện câu hỏi từ thực tiễn đặt ra là: Cứu nước bằng con đường nào để có thể đi đến thắng lợi?

Trong bối cảnh đó, sự ra đời giai cấp mới là giai cấp công nhân và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam đã làm cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam xuất hiện "dấu hiệu mới" của một thời đại mới sắp ra đời.

Cuối thế kỷ XIX, ở Việt Nam đã có công nhân, nhưng lúc đó mới chỉ là một lực lượng ít ỏi, không ổn định. Đầu thế kỷ XX, công nhân phát triển hơn và trở thành một giai cấp ngay trước chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918.

Công nhân Việt Nam chịu ba tầng áp bức bóc lột: thực dân, tư bản, phong kiến. Họ sớm vùng dậy đấu tranh chống lại giới chủ. Từ hình thức đấu tranh thô sơ như đốt lán trại, bô trốn tập thể, họ đã nhanh chóng tiến tới đình công, bãi công.

“Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân. Phong trào công nhân và các phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX là điều kiện thuận lợi để chủ nghĩa Mác - Lênin xâm nhập, truyền bá vào đất nước ta. Chính Hồ Chí Minh là người đã dày công truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, chuẩn bị về lý luận chính trị, tư tưởng và tổ chức, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam, đánh dấu bước hình thành cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam. Sau đó, chính thực tiễn Đảng lãnh đạo cách mạng Tháng tám thành công, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là nhân tố góp phần bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trên tất cả các phương diện.

b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản trên thế giới đã phát triển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Một số nước đế quốc Anh, Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha, Ý, Đức, Nga, Nhật Bản, Bỉ, Bồ Đào Nha, Hà Lan... đã chi phối toàn bộ tình hình thế giới. Phần lớn các nước châu Á, châu Phi, và khu vực Mỹ Latinh đã trở thành thuộc địa và phụ thuộc của các nước đế quốc.

Tình hình đó đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn vốn có trong lòng chủ nghĩa tư bản là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản ở các nước tư bản; mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau; mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc. Sang đầu thế kỷ XX, những mâu thuẫn này ngày càng phát triển gay gắt. Giành lại độc lập cho các dân tộc thuộc địa không chỉ là đòi hỏi của riêng họ, mà còn là mong muốn chung của giai cấp vô sản quốc tế; tình hình đó đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển.

Cách mạng Tháng Mười Nga thành công là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác - Lênin ở một nước lớn rộng một phần sáu thế giới. Cách mạng Tháng Mười Nga đã đánh đổ giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ phong kiến, lập nên một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Ngày 2-3-1919, Quốc tế Cộng sản ra đời ở Mátxcova trở thành Bộ tham mưu, lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Lênin, Quốc tế Cộng sản đẩy mạnh việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười Nga ra khắp thế giới, thúc đẩy sự ra đời và hoạt động ngày càng mạnh mẽ của các đảng cộng sản ở nhiều nước.

Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, sự ra đời của nhà nước Xôviết, Quốc tế Cộng sản và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô cùng với sự phát triển mạnh mẽ phong trào cộng sản, công nhân và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới ảnh hưởng sâu sắc tới Hồ Chí Minh trên hành trình đi ra thế giới đi tìm mục tiêu và con đường cứu nước.

2. Cơ sở lý luận

a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

Chủ nghĩa yêu nước là giá trị xuyên suốt trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Đó là động lực, sức mạnh giúp cho dân tộc Việt Nam tồn tại vượt qua mọi khó khăn trong dựng nước và giữ nước mà phát triển. Chính chủ nghĩa yêu nước là nền tảng tư tưởng, điểm xuất phát và động lực thúc đẩy Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, và tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin con đường cứu nước, cứu dân.

Hồ Chí Minh đã chú ý kế thừa, phát triển tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất vì độc lập, tự do của Tổ quốc, nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Trong Tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố với thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”. Không có gì quý hơn độc lập tự do - chân lý lớn của thời đại được Hồ Chí Minh khẳng định, đồng thời cũng chính là một điểm

cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong lãnh đạo nhân dân Việt Nam xây dựng và bảo vệ đất nước, Hồ Chí Minh hết sức chú trọng kế thừa, phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam là yêu nước gắn liền với yêu dân, có tinh thần đoàn kết, dân chủ, nhân ái, khoan dung trong cộng đồng và hòa hiếu với các dân tộc lân bang; tinh thần cần cù, dũng cảm, sáng tạo, lạc quan, vì nghĩa, thương người của dân tộc Việt Nam. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định thành công của cách mạng; dân là gốc của nước; nước lấy dân làm gốc; gốc có vũng cây mới bền; xây lâu thăng lợi trên nền nhân dân; đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế là một nguyên tắc chiến lược quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trong truyền thống dân tộc Việt Nam thường trực một niềm tự hào về lịch sử, trân trọng nền văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán và những giá trị tốt đẹp khác của dân tộc. Đó chính là một cơ sở hình thành nền tư tưởng, phẩm chất của nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh với chủ trương văn hóa là mục tiêu, động lực của cách mạng; cần giữ gìn cốt cách văn hóa dân tộc đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng nền văn hóa mới của Việt Nam. Chính Hồ Chí Minh là một biểu tượng cao đẹp của sự tích hợp tinh hoa văn hóa Phương Đông và Phương Tây.

b. Tinh hoa văn hóa nhân loại

- Tinh hoa văn hóa Phương Đông

Tinh hoa văn hóa, tư tưởng phương Đông kết tinh trong ba học thuyết lớn là Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo. Đó là những học thuyết có ảnh hưởng sâu rộng ở Phương Đông, và ở Việt Nam trước đây.

Đối với Nho giáo, Hồ Chí Minh phân tích: "Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học. Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu thái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại". Lênin dạy chúng ta như vậy".

Hồ Chí Minh chú ý kế thừa và đổi mới tư tưởng dùng nhân tri, đức tri để quản lý xã hội. Kế thừa và phát triển quan niệm của Nho giáo về việc xây dựng một xã hội lý tưởng trong đó công bằng, bác ái, nhân, nghĩa, trí, dũng, tín, liêm được coi trọng để có thể đi đến một thế giới đại đồng với hòa bình, không có chiến tranh, các dân tộc có quan hệ hữu nghị và hợp tác. Đặc biệt, Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, đổi mới, phát triển tinh thần trọng đạo đức của Nho giáo trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của con người; trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức.

Đối với Phật giáo, Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển tư tưởng từ bi, vị tha, yêu thương con người, khuyến khích làm việc thiện, chống lại điều ác; đề cao quyền bình đẳng của con người và chân lý; khuyên con người sống hòa đồng, gắn bó với đất nước của Đạo Phật. Những quan điểm tích cực đó trong triết lý của Đạo Phật được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo để đoàn kết đồng bào theo Đạo Phật, đoàn kết toàn dân vì nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Trong thư gửi Hội Phật tử năm 1947, Người viết: "Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muôn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma. Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hy sinh của cải xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giông nồi ra khỏi cái khổ ái nô lệ". Hồ Chí Minh chú trọng kế thừa, phát triển những tư tưởng nhân bản, đạo đức tích cực trong Phật giáo vào việc xây dựng xã hội mới, con người mới Việt Nam hiện nay.

Đối với Lão giáo, Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển tư tưởng của Lão Tử, khuyên con người nên sống gắn bó với thiên nhiên, hoà đồng với thiên nhiên, hơn nữa phải biết bảo vệ môi trường sống. Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân ta trồng cây, tổ chức "Tết trồng cây" để bảo vệ môi trường sinh thái cho chính cuộc sống của con người. Hồ Chí Minh chú ý kế thừa phát triển tư tưởng thoát mọi ràng buộc của vòng danh lợi trong Lão giáo. Người khuyên cán bộ, đảng viên ít lòng tham muốn về vật chất; thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; hành động theo đạo lý với ý nghĩa là hành động đúng với quy luật tự nhiên, xã hội.

Trong các bài nói, bài viết, Hồ Chí Minh còn chú ý kế thừa, phát triển nhiều ý tưởng của các trường phái khác nhau trong các nhà tư tưởng phương Đông cổ đại khác như Mắc Tử, Hàn Phi Tử, Quản Tử, v.v... Và, Hồ Chí Minh cũng chú ý tìm hiểu những trào lưu tư tưởng tiến bộ thời cận hiện đại ở Ấn Độ, Trung Quốc như chủ nghĩa Găngđi, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Hồ Chí Minh đã phát triển sáng tạo các quan điểm về dân tộc, dân quyền, dân sinh của Tôn Trung Sơn trong cách mạng dân chủ tư sản thành tư tưởng đấu tranh cho Độc lập - Tự do - Hạnh phúc của con người và dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. Là nhà mácxít sáng tạo, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển những tinh hoa trong tư tưởng, văn hóa phương Đông để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam thời hiện đại.

- Tinh hoa văn hóa phương Tây

Ngay từ khi còn học ở Trường tiểu học Pháp - bản xứ ở thành phố Vinh (1905), Hồ Chí Minh đã quan tâm tới những khẩu hiệu nổi tiếng của Đại Cách mạng Pháp năm 1789: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Đi sang Phương Tây, Người quan tâm tìm hiểu những khẩu hiệu nổi tiếng đó trong các cuộc cách mạng tư sản ở Anh, Pháp, Mỹ. Người đã kế thừa, phát triển những quan điểm nhân quyền, dân quyền trong Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mỹ, Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1791 của Pháp và đề xuất quan điểm về quyền mưu cầu độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc trong thời đại ngày nay.

Trong hành trình đi tìm đường cứu nước, cứu dân, Hồ Chí Minh đã sống, hoạt động thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa nhân loại tại những trung tâm chính trị kinh tế văn hóa lớn ở các cường quốc trên thế giới như Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, v.v. bằng chính ngôn ngữ của các nước đó. Người trực tiếp nghiên cứu tư tưởng nhân văn, dân chủ và nhà nước pháp quyền của các nhà khai sáng phương Tây như Vonte, Rutxô, Môngtétxkiô, tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, Trung Quốc, v.v.,; thích đọc sách văn học của Shakespeare bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa, Hugo, Zola bằng tiếng Pháp; hai nhà văn Anatole France và Lép Tônxtôi “có thể nói là những người đỡ đầu văn học” cho Hồ Chí Minh.

c. Chủ nghĩa Mác - Lênin

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và thời đại mới cũng như chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở lý luận quyết định bước phát triển mới về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khiến Người vượt hẳn lên phía trước so với những người yêu nước cùng thời. Ngay từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh khẳng định rằng: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lê nin”. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, Hồ Chí Minh đã giải quyết được cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước và người lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lê nin là thế giới quan, phương pháp luận trong nhận thức và hoạt động cách mạng. Trên cơ sở lập trường, quan điểm và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, Hồ Chí Minh đã triệt để kế thừa, đổi mới, phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tinh hoa văn hóa nhân loại kết hợp với thực tiễn cách mạng trong nước và thế giới hình thành nên một hệ thống các quan điểm cơ bản, toàn diện về cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lê nin,

tiền đề lý luận quan trọng nhất, có vai trò quyết định trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã trở thành người cộng sản với tâm vóc trí tuệ lớn như Lênin mong muốn: “Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra”.

Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản trên cơ sở hiểu biết sâu sắc kho tàng tri thức của nhân loại từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây. Về việc đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó, chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn “mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội”. Nếu hôm nay họ còn sống trên cõi đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”.

Tổng kết kinh nghiệm thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng - mà không phải chỉ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lênin - chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin”.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh không những đã vận dụng sáng tạo, mà còn bổ sung, phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới. Trong các vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; các vấn đề xây dựng Đảng, Nhà nước, văn hóa, con người, đạo đức, v.v... Hồ Chí Minh đều có những luận điểm bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bước nhảy vọt trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

a. Phẩm chất Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh có lý tưởng cao cả và hoài bão lớn cứu dân, cứu nước thoát khỏi cảnh lầm than, cơ cực để đuổi kịp các nước tiên tiến trên thế giới. Người có ý chí, nghị lực to lớn, một mình dám đi ra nước ngoài khảo sát các nước để quốc giầu có cũng như các dân tộc thuộc địa nghèo nàn, lạc hậu, mà

chỉ với hai bàn tay trắng. Người đã làm nhiều nghề nghiệp khác nhau để kiếm sống, biết rất nhiều ngoại ngữ, tự học hỏi và hoạt động cách mạng. Kết hợp học ở nhà trường, học trong sách vở, học trong thực tế hoạt động cách mạng, học ở nhân dân khắp những nơi Người đã đến, và đã có vốn học thức văn hóa sâu rộng Đông Tây kim cương để vận dụng vào hoạt động cách mạng.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh là người có bản lĩnh tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, giàu tính phê phán, đổi mới và cách mạng; đã vận dụng đúng quy luật chung của xã hội loài người, của cách mạng thế giới vào hoàn cảnh riêng, cụ thể của Việt Nam, để xuất tư tưởng, đường lối cách mạng mới đáp ứng đúng đòi hỏi thực tiễn; có năng lực tổ chức biến tư tưởng, đường lối thành hiện thực.

Hồ Chí Minh là người có tầm nhìn chiến lược, bao quát thời đại, đã đưa cách mạng Việt Nam vào dòng chảy chung của cách mạng thế giới. Hồ Chí Minh là người có năng lực tổng kết thực tiễn, năng lực tiên tri, dự báo tương lai chính xác và kỳ diệu để dẫn dắt toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đi tới bến bờ thắng lợi vinh quang.

Hồ Chí Minh là người suốt đời tận trung với nước, tận hiếu với dân. Là người suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và của cách mạng thế giới. Những phẩm chất cá nhân đó là một nhân tố quyết định những thành công sáng tạo của Hồ Chí Minh trong hoạt động lý luận và thực tiễn không vì cho sự nghiệp riêng mình mà vì cả dân tộc Việt Nam và nhân loại.

b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận

Hồ Chí Minh là người có vốn sống và thực tiễn cách mạng phong phú, phi thường. Trước khi trở thành Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã sống, học tập, hoạt động, công tác ở khoảng 30 nước trên thế giới. Người hiểu sâu sắc chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và chế độ thực dân không chỉ qua tìm hiểu trên các loại tài liệu, sách, báo, đài mà còn hiểu biết sâu sắc về chúng qua đã sống và hoạt động thực tiễn tại các cường quốc đế quốc. Người đặc biệt xác định rõ bản chất, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, thực dân; thấu hiểu tình cảnh người dân ở nhiều nước thuộc hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.

Người thấu hiểu về phong trào giải phóng dân tộc, về xây dựng chủ nghĩa xã hội, về xây dựng Đảng cộng sản, v.v,... không chỉ qua nghiên cứu lý luận mà còn qua việc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, qua hoạt động trong Đảng Cộng sản Trung Quốc, qua tham gia phong trào cộng sản quốc tế ở nhiều nước, qua nghiên cứu đời sống xã hội ở Liên Xô - nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, v.v...

Hồ Chí Minh là nhà tổ chức vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Người đã hiện thực hóa tư tưởng, lý

luận cách mạng thành hiện thực sinh động; đồng thời tổng kết thực tiễn cách mạng, bổ sung, phát triển lý luận, tư tưởng cách mạng. Cùng với việc tìm thấy mục tiêu, phương hướng cách mạng Việt Nam ở chủ nghĩa Mác - Lê nin, Người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp; chuẩn bị về nhiều mặt cho sự ra đời của

Đảng Cộng sản Việt Nam - tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam theo chủ nghĩa Mác - Lê nin. Người sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất; sáng lập Quân đội nhân dân Việt Nam; khai sinh Nhà nước kiêm mới ở Việt Nam.

Những phẩm chất cá nhân cùng những hoạt động thực tiễn phong phú trên nhiều lĩnh vực khác nhau ở trong nước và trên thế giới là nhân tố chủ quan hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới

Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh tiếp thu truyền thống tốt đẹp của quê hương, gia đình và của dân tộc hình thành nên tư tưởng yêu nước và tìm đường cứu nước.

Nghệ An là vùng đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống yêu nước, lăm nhâm tài và anh hùng yêu nước nổi tiếng trong lịch sử dân tộc. Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình khoa bảng. Cụ Nguyễn Sinh Sắc đỗ phó bảng. Cụ thường tâm sự: "Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ", nghĩa là: làm quan là nô lệ trong đám nô lệ, lại càng nô lệ hơn. Cụ thường dạy các con: "Vật dĩ quan gia vi ngô phong dạng", nghĩa là: đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình. Tinh thần yêu nước, thương dân và nhân cách của cụ Nguyễn Sinh Sắc có ảnh hưởng lớn lao đến tư tưởng, nhân cách Hồ Chí Minh thuở niên thiếu.

Hồ Chí Minh cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc tình cảm của người mẹ, cụ Hoàng Thị Loan, người mẹ Việt Nam điển hình về tính cần mẫn, tận tảo, đảm đang, hết mực thương yêu chồng, thương yêu các con và ăn ở nhân đức với mọi người, được bà con láng giềng mến phục. Cụ Hoàng Thị Loan có ảnh hưởng lớn đến các con bằng tấm lòng nhân hậu và mẫn cảm của người mẹ.

Tiếp thu truyền thống tốt đẹp của quê hương, gia đình, được theo học các vị túc nho và tiếp xúc với nhiều loại sách báo tiến bộ ở các trường, lớp tại Vinh, tại kinh đô Huế, hiểu rõ tình cảnh nước nhà bị giặc ngoại xâm đô hộ, Hồ Chí Minh sớm có tư tưởng yêu nước và thể hiện rõ tư tưởng yêu nước trong hành động. Hồ Chí Minh đã tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (năm 1908). Là thày giáo ở Trường Dục Thanh, Phan Thiết. Khi dạy học cũng như trong sinh hoạt, Hồ Chí Minh

thường đem hết nhiệt tình truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước và những suy nghĩ về vận mệnh nước nhà (năm 1910).

Điểm đặc biệt của tuổi trẻ Hồ Chí Minh là sự suy ngẫm sâu sắc về Tổ quốc và thời cuộc. Tuy rất khâm phục tinh thần yêu nước của các vị tiền bối cách mạng nổi tiếng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hoàng Hoa Thám, v.v... nhưng Người sáng suốt phê phán, không tán thành, không đi theo các phương pháp, khuynh hướng cứu nước của các vị đó. Hồ Chí Minh muốn tìm hiểu những gì ẩn giấu sau sức mạnh của kẻ thù và học hỏi kinh nghiệm cách mạng trên thế giới. Ngày 5-6-1911, Hồ Chí Minh đi ra nước ngoài tìm con đường cứu nước, cứu dân.

2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường của cách mạng vô sản được hình thành từng bước trong quá trình Hồ Chí Minh đi tìm đường cứu nước; đó là quá trình sống, làm việc, học tập, nghiên cứu lý luận và tham gia đấu tranh trong thực tế cách mạng ở nhiều nước trên thế giới.

Trước hết, Người xác định đúng đắn bản chất, thủ đoạn, tội ác của chủ nghĩa thực dân và tình cảnh nhân dân các nước thuộc địa. Từ năm 1911 đến năm 1917, từ Pháp, Hồ Chí Minh đến nhiều nước trên thế giới. Qua cuộc hành trình này, ở Người hình thành một nhận thức mới: Nhân dân lao động các nước, trong đó có giai cấp công nhân, đều bị bóc lột có thể là bạn của nhau; còn chủ nghĩa đế quốc, bọn thực dân ở đâu cũng là kẻ bóc lột, là kẻ thù của nhân dân lao động.

Năm 1917 trở lại Pháp, Hồ Chí Minh tham gia phong trào công nhân Pháp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Năm 1919, Người gia nhập Đảng Xã hội của giai cấp công nhân Pháp, bởi theo Người, đây là tổ chức theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại Cách mạng Pháp: Tự do, bình đẳng, bác ái.

Bước nhận thức mới về quyền tự do, dân chủ của nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh diễn ra qua hoạt động Người thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, gửi Yêu sách của nhân dân An Nam tới Hội nghị

Véc Xây (18-6-1919), đòi quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Đây là tiếng nói chính nghĩa đầu tiên của đại biểu phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trên diễn đàn quốc tế. Tiếng nói chính nghĩa đó có ảnh hưởng lớn tới các phong trào yêu nước ở Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã tìm thấy và xác định rõ phương hướng đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản qua nghiên cứu “Sơ thảo lần thứ nhất những

luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa (để trình bày tại Đại hội II Quốc tế Cộng sản)" của Lenin, và nhiều tài liệu liên quan đến Quốc tế Cộng sản vào tháng 7-1920. Cùng với việc tích cực tham gia các hoạt động thực tế trong Đảng Xã hội Pháp, Người hiểu biết sâu sắc hơn về chủ nghĩa Lenin, Quốc tế Cộng sản, về cách mạng vô sản, về phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Với những nhận thức cách mạng mới, Hồ Chí Minh cùng những người phái tá trong Đảng Xã hội Pháp tại Đại hội ở thành phố Tua (từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920), bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời Hồ Chí Minh, bước ngoặt chủ nghĩa yêu nước kết hợp chặt chẽ với lập trường cách mạng vô sản.

3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

Đây là thời kỳ mục tiêu, phương hướng cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam từng bước được cụ thể hóa, thể hiện rõ trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hồ Chí Minh tích cực sử dụng báo chí Pháp lên án chủ nghĩa thực dân Pháp, thúc đẩy lương tri nhân dân Pháp và nhân loại tiến bộ, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân các dân tộc thuộc địa và của dân tộc Việt Nam.

Đầu thời kỳ này, Hồ Chí Minh có một số bài báo đáng chú ý như: Vấn đề dân bản xứ, báo L' Humanite' 8-1919, Ở Đông Dương, báo L' Humanite' 4-11-1920, v.v... Năm 1921, Hồ Chí Minh tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa. Năm 1922, Người được bầu là Trưởng Tiểu ban nghiên cứu vấn đề dân tộc thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, sáng lập báo Le Paria bằng tiếng Pháp. Người vừa làm chủ bút, tổng biên tập và kiêm cả việc tổ chức phát hành báo đó trong nước Pháp và gửi đến các thuộc địa của Pháp, trong đó có Đông Dương, để thức tỉnh tinh thần giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa.

Hồ Chí Minh đẩy mạnh hoạt động lý luận chính trị, tổ chức, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua báo chí và các hoạt động thực tiễn, Người tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lenin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Phương hướng của cách mạng giải phóng dân tộc trong các nước thuộc địa, trong đó có Việt

Nam được Hồ Chí Minh cụ thể hóa một bước trên cơ sở phân tích sâu sắc bản chất, thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân Pháp. Những nội dung đó được thể hiện rõ trong nhiều bài báo của Người đăng trên các báo của Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản Liên Xô, của Quốc tế Cộng sản và trong tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp viết bằng tiếng Pháp của Người được xuất bản ở Pari năm 1925.

Hồ Chí Minh sáng lập tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản: Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng (tháng 6-1925), ra báo Thanh niên bằng tiếng Việt, từng bước truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và lý luận cách mạng trong những người yêu nước và công nhân.

Tổng kết kinh nghiệm các cuộc cách mạng tư sản Anh, Pháp, Mỹ và nhất là từ kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh vạch rõ cách mạng Việt Nam phải có Đảng Cộng sản với chủ nghĩa Mác - Lênin làm cốt đế lãnh đạo; lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc là toàn thể nhân dân Việt Nam trong đó nòng cốt là liên minh công nông. Những nội dung cốt lõi đó và nhiều vấn đề trong đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam được hình thành trong tác phẩm Đường cách mệnh của Người, xuất bản năm 1927 ở Quảng Châu, Trung Quốc. Tác phẩm Đường cách mệnh là sự chuẩn bị mọi mặt về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam (từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930), thông qua các văn kiện do Người khởi thảo. Các văn kiện này là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chính thức khẳng định rõ những quan điểm cơ bản về đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam, việc tổ chức, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu mục tiêu và con đường cách mạng là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổi địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”, “đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng”, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; liên minh công nông là lực lượng nòng cốt; cách mạng Việt Nam là một bộ phận cách mạng thế giới. Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc thẩm trong từng câu chữ của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Bản Cương lĩnh đầu tiên này đã thể hiện rõ sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong giải quyết mối quan hệ giai cấp - dân tộc - quốc tế trong đường lối cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đúng đắn và sáng tạo đã chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam kéo dài suốt từ cuối thế kỷ XIX sang đầu năm 1930.

4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo

Những thử thách lớn với Hồ Chí Minh xuất hiện không chỉ từ phía kẻ thù, mà còn từ trong nội bộ những người cách mạng. Một số người trong Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam có những nhìn nhận sai lầm về Hồ Chí Minh do chịu ảnh hưởng quan điểm giáo điều tả khuynh xuất hiện trong Đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản. Do không nắm vững tình hình các dân tộc thuộc địa và ở Đông Dương, nên tư tưởng mới mẻ, đúng đắn, sáng tạo của Hồ Chí Minh trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên chẳng những không được hiểu và chấp nhận mà còn bị họ phê phán, bị coi là “hữu khuynh”, “dân tộc chủ nghĩa”.

Hội nghị Trung ương Đảng họp tháng 10-1930 ra nghị quyết cho rằng: Hội nghị hiệp nhất Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì có nhiều sai lầm, “chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu, ấy là một sự rất nguy hiểm”; việc phân chia thành trung, tiểu, đại địa chủ trong sách lược của Đảng là không đúng. Hội nghị ra án nghị quyết: “Thủ tiêu chánh cương, sách lược và điều lệ Đảng”; bỏ tên Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh và những người tham gia Hội nghị thành lập Đảng xác định, lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động theo như chỉ thị của Quốc tế Cộng sản. v.v.

Thoát khỏi nhà tù của thực dân Anh, năm 1934, Hồ Chí Minh trở lại Liên Xô, vào học trường Quốc tế Lenin. Sau đó, Người làm nghiên cứu sinh tại Ban Sử của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản. Trong quãng thời gian từ năm 1934 đến năm 1938, Hồ Chí Minh vẫn còn bị hiểu lầm về một số hoạt động thực tế và quan điểm cách mạng.

Khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, nhận thấy thời cuộc sẽ có những chuyển biến lớn, nên cần phải trở về nước trực tiếp tham gia lãnh đạo cách mạng Việt Nam, ngày 6-6-1938, Hồ Chí Minh gửi thư cho một lãnh đạo Quốc tế Cộng sản, đề nghị cho phép trở về nước hoạt động, trong đó, có đoạn viết:

"Xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này... Đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng"¹. Đề nghị này được chấp nhận.

Tháng 10-1938, Hồ Chí Minh rời Liên Xô, đi qua Trung Quốc để trở về Việt Nam. Tháng 12-1940, Hồ Chí Minh về gần biên giới Việt - Trung, liên lạc với Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Người mở lớp huấn luyện cán bộ, viết sách: Con

đường giải phóng, trong đó nêu ra phương pháp cách mạng giành chính quyền (1-1941).

Tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định, trở thành yếu tố chỉ đạo cách mạng Việt Nam từ Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5/1941. Cuối tháng 1-1941, Hồ Chí Minh về nước. Tháng 5-1941, tại Pác Bó (huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng), với tư cách cán bộ Quốc tế Cộng sản, Người chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Hội nghị này đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Người khẳng định rõ: "Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng"².

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng nêu rõ: "Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc.

Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được".

Hội nghị Trung ương Đảng đã tạm thời gác lại khẩu hiệu cách mạng điền địa, xóa bỏ vấn đề lập Chính phủ Liên bang Cộng hòa dân chủ Đông Dương, thay vào đó là chủ trương sẽ thành Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nêu chủ trương lập Mặt trận Việt Minh, thực hiện đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở nòng cốt liên minh công nông, nêu ra phương hướng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, v.v...

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941 đã hoàn chỉnh thêm một bước sự chuyển hướng chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam được vạch ra từ Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11-1939. Sự chuyển hướng được vạch ra từ hai cuộc Hội nghị này thực chất là sự trở về với quan điểm của Hồ Chí Minh đã nêu ra từ trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

Trải qua sóng gió, thử thách, những quan điểm cơ bản nhất về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam của Hồ Chí Minh được Đảng khẳng định đưa vào thực tiễn tổ chức nhân dân biến thành các phong trào cách mạng để dẫn tới thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta

Trong thời kỳ này, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng cơ bản là thống nhất. Trong những lần làm việc với cán bộ, đảng viên, nhân dân các địa phương, ban, bộ, ngành, Hồ Chí Minh

nhiều lần đưa ra những quan điểm sáng tạo, đi trước thời gian, ngày càng được Đảng ta làm sáng tỏ và tiếp tục phát triển soi sáng con đường cách mạng Việt Nam.

Ngày 19-5-1941, Hồ Chí Minh sáng lập Mặt trận Việt Minh; ngày 22-12-1944, sáng lập Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân

Việt Nam. Ngày 18-8-1945, chớp đúng thời cơ, Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi Tống khôi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công lật đổ chế độ phong kiến hơn ngàn năm, lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp hơn 80 năm và giành lại độc lập dân tộc trực tiếp từ tay phát xít Nhật. Đây là thắng lợi to lớn đầu tiên của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam.

Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Từ ngày 2-9-1945 đến ngày 19-12-1946, Hồ Chí Minh đề ra chiến lược sách lược cách mạng sáng suốt, lãnh đạo Đảng và chính quyền cách mạng non trẻ trải qua thử thách ngàn cân treo sợi tóc. Với phương châm Dĩ bất biến ứng vạn biến, giữ vững mục tiêu đấu tranh cho chủ quyền độc lập dân tộc, tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân bằng các sách lược cách mạng linh hoạt, mềm dẻo. Người đã chỉ đạo thành công sách lược: Khi thì tạm hoà hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với thực dân Pháp, lúc thì tạm hoà hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng và quét sạch bọn phản động tay sai của Tưởng về nước, giành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Những biện pháp sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng Việt Nam như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù và sự nhân nhượng có nguyên tắc; thêm bạn bớt thù, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc.

Từ năm 1946 đến năm 1954, Hồ Chí Minh là linh hồn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đảng, do Người làm lãnh tụ, đã đề ra đường lối kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh. Đồng thời, Người lãnh đạo, tổ chức, chỉ đạo kháng chiến chống thực dân Pháp. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh ngày 19-12-1946 vừa thể hiện khái quát đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, vừa là lời thề thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam, với ý chí, quyết tâm thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh hoàn thiện lý luận cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, và từng bước hình thành tư tưởng về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt

Nam. Năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Nam thắng lợi, mở ra thời kỳ sụp đổ của hệ thống thuộc địa kiểu cũ trên phạm vi toàn thế giới. Hòa bình lập lại ở miền Bắc Việt Nam; và miền Bắc bắt đầu bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 1954 đến năm 1969, Hồ Chí Minh xác định và lãnh đạo thực hiện đường lối cùng một lúc thi hành hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Tất cả nhằm giành được hòa bình, độc lập, thống nhất nước nhà.

Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh bổ sung hoàn thiện hệ thống quan điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, *đạo đức, đối ngoại*, v.v... nhằm hướng tới mục tiêu nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, dân chủ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Trong những giờ phút gay go nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khi đế quốc Mỹ tăng cường quân đội viễn chinh Mỹ vào miền Nam và đẩy mạnh đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân Mỹ, ngày 17-7-1966, Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước*, trong đó nêu ra một chân lý lớn của thời đại: *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Người khẳng định nhân dân Việt Nam chẳng những không sợ, mà còn quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. "Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"¹

Trước khi đi xa, Người để lại *Di chúc*, một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh tư tưởng, trí tuệ, tâm hồn, đạo đức, phong cách của một lãnh tụ cách mạng, anh hùng dân tộc vĩ đại, nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà văn hóa kiệt xuất, suốt đời vì dân, vì nước. Điều mong muôn cuối cùng của Hồ Chí Minh là: "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"¹.

Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiếp tục lãnh đạo miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đi đến thắng lợi hoàn toàn. Từ năm 1975, cả nước hòa bình, độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đang đưa sự nghiệp đổi mới vững bước đi lên.

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Đối với cách mạng Việt Nam

a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta.

Hồ Chí Minh tìm thấy con đường cứu nước cứu dân, sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta thành một đảng cách mạng chân chính toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân đã lãnh đạo cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam - Thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Với tư tưởng Hồ Chí Minh, Người cùng Đảng ta lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Sau đó, lãnh đạo miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân từng bước đi đến thắng lợi. Từ 1975, cả nước hòa bình, độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Có được những thắng lợi to lớn đó là bởi có tư tưởng Hồ Chí Minh gắn liền với sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng ta biến tư tưởng Hồ Chí Minh thành hiện thực.

Tư tưởng Hồ Chí Minh từ khi ra đời đã trở thành ngọn cờ tư tưởng dẫn đường cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, và chính thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam chứng minh, khẳng định tính đúng đắn, giàu sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là một hệ thống những quan điểm lý luận về chiến lược, sách lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, về sự cải biến cách mạng xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, về xây dựng những điều kiện đảm bảo cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi cuối cùng, đó là xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền trong sạch, vững mạnh, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất và các đoàn thể chính trị xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc gắn với đoàn kết quốc tế, v.v... Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống mở đầy sức sống được Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển trong sự nghiệp đổi mới hiện nay và trong tương lai.

b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam

Lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, tư tưởng định hướng, soi đường, chỉ đạo sự phát triển của cách mạng Việt Nam và dân tộc Việt Nam là của chính người Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục soi đường cho Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam trên con đường thực

hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong suốt các chặng đường cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh là ánh sáng soi đường, là kim chỉ Nam định hướng hành động cho Đảng ta và nhân dân ta. Khi nào làm đúng với tư tưởng Hồ Chí Minh thì cách mạng thắng lợi. Khi nào xa rời hoặc làm sai với tư tưởng Hồ Chí Minh thì cách mạng Việt Nam bị tổn thất hoặc thất bại.

Trong bối cảnh của thế giới ngày nay, tư tưởng Hồ Chí Minh giúp Đảng ta, nhân dân ta nhận thức đúng những vấn đề có liên quan đến việc bảo vệ nền độc lập dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tự do và hạnh phúc của con người, tiến tới xã hội xã hội chủ nghĩa. Tất cả các quan điểm lý luận và phương pháp cách mạng cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh đều là nhằm tới mục tiêu: Độc lập, thống nhất cho Tổ quốc, tự do, dân chủ cho nhân dân, công bằng và hạnh phúc cho mọi người, hòa bình và hữu nghị cho các dân tộc với sự phát triển các quan hệ văn hóa, nhân văn của thời đại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là chỗ dựa vững chắc để Đảng Cộng sản Việt Nam vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn, là sợi chỉ đỏ dẫn đường cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Việt Nam đi tới thắng lợi. Tư tưởng Hồ Chí Minh trường tồn, bất diệt cùng với sự phát triển vững mạnh của dân tộc Việt Nam.

2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại

a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội

C. Mác cho rằng, mỗi thời đại xã hội đều cần những con người vĩ đại của nó và nếu không có những con người vĩ đại như thế thì thời đại sẽ sáng tạo ra những con người như thế. Hồ Chí Minh là nhân vật lịch sử vĩ đại, đáp ứng đúng yêu cầu của dân tộc Việt Nam cần phát triển mạnh mẽ trong thời đại mới. Người không chỉ là sản phẩm của dân tộc Việt Nam, mà còn là sản phẩm của thời đại, của nhân loại tiến bộ, người anh hùng giải phóng dân tộc tiêu biểu của thế kỷ XX.

Công hiến lý luận lớn đầu tiên của Hồ Chí Minh là về cách mạng giải phóng dân tộc. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn giành thắng lợi triệt để phải đi theo con đường cách mạng vô sản, được tiến hành bởi toàn thể nhân dân với nòng cốt liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo, có thể thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc, bằng con đường bạo lực: kết hợp đấu tranh chính trị của quần chúng với đấu tranh vũ trang.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm một hệ thống các luận điểm

giải quyết một cách đúng đắn, sáng tạo vấn đề dân tộc và thuộc địa, dân tộc và giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về cách mạng giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp và giải phóng con người, góp phần bổ sung, phát triển kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin. Và trên thực tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc dẫn tới phá tan hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, được thế giới tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc được đặt trên cơ sở hiện thực của Việt Nam nhưng có ý nghĩa lớn đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới.

b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới

Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên khẳng định hợp tác quốc tế là xu thế tất yếu của thời đại, phá bỏ sự biệt lập, mở đường cho sự phát triển, liên kết các dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Người là một nhà hoạt động quốc tế lỗi lạc trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào vì hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.

Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã chỉ ra nhu cầu, khả năng, điều kiện hợp tác giữa các dân tộc. Điểm nổi bật trong tư tưởng của Người lúc bấy giờ là sự đoàn kết, hợp tác giữa các dân tộc nhỏ yếu, lạc hậu, bị áp bức tạo nên sức mạnh chống đế quốc, thực dân, chống lại chính sách “chia đế trị”, giành độc lập, tự do.

Hồ Chí Minh đã gắn cách mạng Việt Nam với các phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trong các nước tư bản và phong trào cộng sản quốc tế, phong trào vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Hồ Chí Minh chủ trương hòa bình, hữu nghị, hợp tác lâu dài giữa các nước, không chỉ xuất phát từ những mục tiêu chính trị vì độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội của thời đại, mà còn vì sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất thế giới. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, hợp tác quốc tế không chỉ để giành độc lập dân tộc, mà còn là để xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, tiến kịp các nước tiên tiến và sâu xa là đặt chiến lược phát triển đất nước gắn với những chuyển biến của thời đại về chính trị, kinh tế, giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác.

Một nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh là “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không thù oán với một ai”¹. Hợp tác quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập chủ quyền, bình đẳng cùng có lợi; phát huy sức mạnh nội lực kết hợp sức mạnh thời đại, đồng thời không quên nghĩa vụ

quốc tế. Ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh được giương cao đã thúc đẩy sự phát triển của Việt Nam trong quá trình hội nhập, đồng thời góp phần tích cực củng cố hòa bình, thúc đẩy tình hữu nghị, sự hợp tác và phát triển giữa các quốc gia trên thế giới ngày nay. Thế giới còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi.

Trong lòng nhân dân thế giới, Hồ Chí Minh là bất diệt. Bạn bè năm châu khâm phục và coi Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp của những giá trị về tư tưởng, lương tri và phẩm giá làm người.

Nhận thức về giá trị vô cùng to lớn của di sản tư tưởng Hồ Chí Minh là cả một quá trình lâu dài, ngày càng đi đến hoàn thiện và đầy đủ hơn. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, tổng kết 86 năm hoạt động của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định:

“Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta, người thầy vĩ đại cầu cách mạng Việt Nam, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta, người chiến sĩ cộng sản mẫu mực, người bạn thân thiết của các dân tộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Tư tưởng của Người, cùng với chủ nghĩa Mác - Lê nin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta”.

Việc nghiên cứu và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh cần góp phần thiết thực vào việc là cho tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành một bộ phận cấu thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội Việt Nam hiện đại.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Phân tích những cơ sở khách quan hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; chỉ ra tiền đề lý luận giữ vai trò quyết định trong việc hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Hãy chỉ ra những bước tiến trong nhận thức, những dấu mốc cơ bản trong quá trình hình thành, trong quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại sao đó là những bước tiến trong nhận thức, là những dấu mốc cơ bản trong quá trình hình thành, trong quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh?

Hãy phân tích những phẩm chất cá nhân, mối quan hệ giữa hoạt động lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; ý nghĩa sự ra đời

tư tưởng Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Chinh: Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cách mạng Việt Nam, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng: Toàn tập, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
5. Phạm Văn Đồng: Hồ Chủ tịch tinh hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976.
6. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
7. Trần Văn Giàu: Hồ Chí Minh - vĩ đại một con người, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
8. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Song Thành (Chủ biên): Hồ Chí Minh - Tiểu sử, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.
9. Hồ Chí Minh: “Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng”, Toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
10. Hồ Chí Minh: “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lenin”, Toàn tập, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
11. Duiker William J.: Ho Chi Minh a life, Hyperion, New York, 2000.

Chương III

TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

MỤC TIÊU

- Về kiến thức: Giúp cho sinh viên nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; nắm được tính quy luật của cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên có khả năng nhận diện và phản bác được những luận điểm xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Về tư tưởng: Làm cho sinh viên thêm tự hào về sức mạnh của dân tộc, tin tưởng sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

I. TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

1. Vấn đề độc lập dân tộc

a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa đến nay gắn liền với truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Điều đó nói lên một khát khao to lớn của dân tộc ta là, luôn mong nuối có được một nền độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và đó cũng là một giá trị tinh thần thiêng liêng, bất hủ của dân tộc mà Hồ Chí Minh là hiện thân cho tinh thần ấy. Người nói rằng: cái mà tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập.

Nhân cơ hội các nước đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp Hội nghị Vécxây (Pháp) năm 1919 mà ở đó Tổng thống Mỹ Uynxon đã kêu gọi trao quyền tự quyết cho các dân tộc trên thế giới, thay mặt nhóm những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Hồ Chí Minh đã gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam, với hai nội dung chính là đòi quyền bình đẳng về mặt pháp lý và đòi các quyền tự do, dân chủ. Bản yêu sách không được Hội nghị chấp nhận nhưng qua sự kiện trên cho thấy lần đầu tiên, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền của các dân tộc thuộc địa mà trước hết là quyền bình đẳng và tự do đã hình thành. Căn cứ vào những quyền tự do, bình đẳng và quyền con người - “những quyền mà không ai có thể xâm phạm được” đã được ghi trong bản Tuyên ngôn Độc lập của cách mạng Mỹ năm 1776, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm

1791, Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định những giá trị thiêng liêng, bất biến về quyền dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do... Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”¹.

Trong Chánh cương văn tắt của Đảng năm 1930, Hồ Chí Minh cũng đã xác định mục tiêu chính trị của Đảng là:

“a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.

b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”¹.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trong Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập áy”².

Ý chí và quyết tâm trên còn được thể hiện trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong thư gửi Liên hợp quốc năm 1946, một lần nữa Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhân dân chúng tôi thành thật mong nuốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”³. Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ hai, trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946, Người ra lời hiệu triệu, thể hiện quyết tâm sắt đá, bảo vệ cho bằng được nền độc lập dân tộc - giá trị thiêng liêng mà nhân dân Việt Nam mới giành được: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁴.

Năm 1965, đế quốc Mỹ tăng cường mở rộng chiến tranh ở Việt Nam: ô ạt đưa quân viễn chinh Mỹ, chư hầu vào miền Nam tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc. Trong hoàn cảnh khó khăn, chiến tranh ác liệt đó, Hồ Chí Minh đã nêu lên một chân lý thời đại, một tuyên ngôn bất hủ của các dân tộc khao khát nền độc lập, tự do trên thế giới: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”⁵. Với tư tưởng trên của Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, buộc chúng phải ký kết Hiệp định Paris, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, rút quân Mỹ về nước.

b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn với tự do của nhân dân. Người đánh giá cao học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn về độc lập và tự do: dân tộc độc lập, dân

quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Và bằng lý lẽ đầy thuyết phục, trong khi viện dẫn Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”¹, Hồ Chí Minh khẳng định dân tộc Việt Nam đương nhiên cũng phải được tự do và bình đẳng về quyền lợi. “Đó là lẽ phải không ai chối cãi được”². Trong Chánh cương văn tắt của Đảng, Người cũng đã xác định rõ ràng mục tiêu của đấu tranh của cách mạng là “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.... dân chúng được tự do., thủ tiêu hết các thứ quốc trai., thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo., thi hành luật ngày làm 8 giờ”³. Tống khôi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, nước nhà được độc lập và một lần nữa Hồ Chí Minh khẳng định độc lập phải gắn với tự do. Người nói: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁴.

Ngoài ra, độc lập cũng phải gắn với cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong hoàn cảnh nhân dân đói rét, mù chữ., Hồ Chí Minh yêu cầu: “Chúng ta phải.

Làm cho dân có ăn.

Làm cho dân có mặc.

Làm cho dân có chỗ ở.

Làm cho dân có học hành”⁵.

Có thể thấy rằng, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, Người luôn coi độc lập luôn gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm cho nhân dân, như

Người từng bộc bạch đầy tâm huyết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁶.

c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để

Trong quá trình đi xâm lược thuộc địa, bọn thực dân đế quốc hay dùng chiêu bài mị dân, thành lập các chính phủ bù nhìn bản xứ, tuyên truyền cái gọi là “độc lập tự do” giả hiệu cho nhân dân các nước thuộc địa nhưng thực chất là nhằm che đậy bản chất “ăn cướp” và “giết người” của chúng.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để trên tất cả các lĩnh vực. Người nhấn mạnh: độc lập mà người dân không có quyền tự quyết về ngoại giao, không có

quân đội riêng, không có nền tài chính riêng..., thì độc lập đó chẳng có ý nghĩa gì. Trên tinh thần đó và trong hoàn cảnh đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám còn gặp nhiều khó khăn, nhất là nạn thù trong giặc ngoài bao vây từ phía, để bảo vệ nền độc lập thật sự mới giành được, Người đã thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, trong đó “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình”¹.

d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

Trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, dân tộc ta luôn đứng trước âm mưu chia cắt đất nước của kẻ thù. Thực dân Pháp khi xâm lược nước ta đã chia đất nước ta ra ba kỳ, mỗi kỳ có chế độ cai trị riêng. Sau Cách mạng Tháng Tám, miền Bắc nước ta thì bị quân Tưởng Giới Thạch chiếm đóng, miền Nam thì thực dân Pháp xâm lược và sau khi độc chiếm hoàn toàn Việt Nam, một lần nữa thực dân Pháp lại bày ra cái gọi là “Nam kỳ tự trị” hòng chia cắt nước ta một lần nữa. Trong hoàn cảnh đó, trong bức thư gửi đồng bào Nam bộ (1946), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bào Nam bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh tiếp tục kiên trì đấu tranh để thống nhất Tổ quốc. Tháng 2-1958, Người khẳng định: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”. Trong Di chúc, Người cũng đã thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng, vào sự thống nhất nước nhà: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”. Có thể khẳng định rằng tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời cách mạng của Hồ Chí Minh.

2. Về cách mạng giải phóng dân tộc

Trước sự thất bại của những phong trào yêu nước chống thực dân Pháp vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, một vấn đề cấp bách đặt ra cho cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi thì phải đi theo con đường nào, ai lãnh đạo, lực lượng và phương pháp cách mạng ra sao...? Hồ Chí Minh đã có lời giải đáp và đã dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi đến thành công.

a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

Từ khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược và đặt ách thống trị nước ta, vấn đề sống còn của dân tộc được đặt ra là phải đấu tranh để giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân đế quốc. Hàng loạt những phong trào yêu nước đã nổ ra nhưng không thành công, sự thất bại của những phong trào yêu nước trong thời kỳ này đã nói lên sự khủng hoảng, bế tắc về giai cấp lãnh đạo và đường lối cách mạng. Vượt qua tầm nhìn của các bậc tiền bối lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh có chí hướng là muốn tìm kiếm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc ở phương Tây, như Người đã nói: “Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”¹. Nhưng qua tìm hiểu thực tế sau đó, Người quyết định không chọn con đường cách mạng tư sản vì cho rằng: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lực công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hăng háng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức”².

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi đã ảnh hưởng sâu sắc tới Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Người cho rằng: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam... Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mă Khắc Tư và Lênin”³.

Năm 1920, sau khi đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin, Hồ Chí Minh tìm thấy ở đó con đường cứu nước, giải phóng dân tộc: con đường cách mạng vô sản, như sau này Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”⁴. Đây là con đường cách mạng triệt để nhất phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Trong bài Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin, Người kể lại: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”¹. Học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin được Người vận dụng một cách sáng tạo trong điều kiện cách mạng Việt Nam.

Giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, trong đó giải phóng dân tộc là trước hết, trên hết. Theo Mác và Ăngghen, con đường cách mạng vô sản ở châu Âu là đi từ giải phóng giai cấp - giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng con người. Còn theo Hồ Chí Minh thì ở Việt Nam và các nước thuộc địa do hoàn cảnh lịch sử - chính trị khác với châu Âu nên phải là: giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng giai cấp - giải phóng con người.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong Chánh cương văn tắt của Đảng năm 1930, Hồ Chí Minh đã ghi rõ phương hướng chiến lược cách mạng Việt Nam: làm tư sản dân quyền cách mạng và thô địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Phương hướng này vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại vừa hướng tới giải quyết một cách triệt để những yêu cầu khách quan, cụ thể mà cách mạng Việt Nam đặt ra vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Trong văn kiện Đại hội VI Quốc tế cộng sản, khái niệm “cách mạng tư sản dân quyền” không bao hàm đầy đủ nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Còn trong Chánh cương văn tắt, Hồ Chí Minh nêu rõ: Cách mạng tư sản dân quyền trước hết là phải đánh đổ đế quốc và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập... Cũng theo Quốc tế cộng sản, thì hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến phải được thực hiện đồng thời, khăng khít với nhau, nương tựa vào nhau, nhưng xuất phát từ một nước thuộc địa, Hồ Chí Minh không coi hai nhiệm vụ đó nhất loạt phải thực hiện ngang nhau, mà đặt lên hàng đầu nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc, còn nhiệm vụ chống phong kiến, mang lại ruộng đất cho nông dân thì sẽ từng bước thực hiện. Cho nên trong Chánh cương văn tắt, Người chỉ nêu “thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công, chia cho dân cày nghèo” mà chưa nêu ra chủ trương “người cày có ruộng”. Đây là nét độc đáo, sáng tạo của Hồ Chí Minh.

b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng cộng sản lãnh đạo

Về tầm quan trọng của tổ chức Đảng đối với cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ: Đảng cộng sản là nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Giai cấp công nhân phải tổ chức ra chính đảng, đảng đó phải thuyết phục, giác ngộ và tập hợp đông đảo quần chúng, huấn luyện quần chúng và đưa quần chúng ra đấu tranh. Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và rất chú trọng đến việc thành lập đảng cộng sản, khẳng định vai trò to lớn của Đảng đối với cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Trong tác phẩm Đường cách mệnh (1927), Người đặt vấn đề: Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách

mệnh, đế trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công.

Trong hoàn cảnh Việt Nam là một nước thuộc địa - phong kiến, theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản vừa là đội tiên phong của giai cấp công nhân vừa là đội tiên phong của nhân dân lao động kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc. Đó còn là Đảng của cả dân tộc Việt Nam. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội II của Đảng (1951), Người viết: Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam.

Đây là một luận điểm quan trọng của Hồ Chí Minh có ý nghĩa bổ sung, phát triển lý luận mácxít về đảng cộng sản.

c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công - nông làm nền tảng

Các nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lenin khẳng định rằng: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử. V.I.Lênin viết: “Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiên phong của mình tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được”¹.

Kết thừa tư tưởng các nhà lý luận nói trên, Hồ Chí Minh quan niệm: có dân là có tất cả, trên đời này không gì quý bằng dân, được lòng dân thì được tất cả, mất lòng dân thì mất tất cả. Người khẳng định: “Cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”². Người lý giải rằng, dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Vậy nên phải tập hợp và đoàn kết toàn dân thì cách mạng mới thành công.

Năm 1930, trong Sách lược văn tắt của Đảng, Hồ Chí Minh xác định lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân: Đảng phải thu phục đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận dân cày và phải dựa vào dân cày nghèo làm chỗ địa cách mạng; liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để lôi kéo họ về phía vô sản giai cấp; còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng làm cho họ trung lập.

Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ hai, Hồ Chí Minh thiết tha kêu gọi mọi người không phân biệt giai, tầng, dân tộc, tôn giáo, đảng phái. đoàn kết đấu tranh chống kẻ thù chung của dân tộc. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (12-1946), Người viết: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hết là người Việt Nam thì phải

đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”¹.

Trong khi xác định lực lượng cách mạng là toàn dân, Hồ Chí Minh lưu ý rằng, không được quên “công nông là chủ cách mệnh... là gốc cách mệnh”². Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Người giải thích: giai cấp công nhân và nông dân là hai giai cấp đông đảo và cách mạng nhất, bị bóc lột nặng nề nhất, vì thế “lòng cách mạng càng bền, chí cách mạng càng quyết. công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc”.

d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

Do chưa đánh giá hết tiềm lực và khả năng to lớn của cách mạng thuộc địa nên Quốc tế cộng sản có lúc xem nhẹ vai trò của cách mạng thuộc địa, coi cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Đại hội VI Quốc tế cộng sản năm 1928 đã thông qua Những luận cương về phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, trong đó có đoạn viết rằng: chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các nước thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến. Quan điểm này có tác động không tốt, làm giảm đi tính chủ động, sáng tạo của nhân dân các nước thuộc địa trong công cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc, giành độc lập cho dân tộc.

Quán triệt tư tưởng của V.I.Lenin về mối quan hệ chặt chẽ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa, từ rất sớm Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ khắng khít, tác động qua lại lẫn nhau giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc - mối quan hệ bình đẳng, không lệ thuộc, phụ thuộc vào nhau. Năm 1924, tại Đại hội V của Quốc tế cộng sản, Người nói: “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”¹. Trong tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Người cũng viết: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”².

Là một người dân thuộc địa, là người cộng sản và là người nghiên cứu rất kỹ về chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh cho rằng: cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước. Người viết: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân

châu Á bị tàn sát và áp bức thực tinh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”¹. Luận điểm sáng tạo trên của Hồ Chí Minh dựa trên các cơ sở sau:

- Thuộc địa có một vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt đối với chủ nghĩa đế quốc, là nơi duy trì sự tồn tại, phát triển, là món mồi “béo bở” cho chủ nghĩa đế quốc. Tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản, trong Phiên họp thứ Tám, ngày 23-6-1924, Hồ Chí Minh đã phát biểu về “thực tinh, về vấn đề thuộc địa”. Người cho rằng: “Nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc”; nếu thò ơ về vấn đề cách mạng ở thuộc địa thì như “đánh chết rắn đằng đuôi”. Cho nên, cách mạng ở thuộc địa có vai trò rất lớn trong việc cùng với cách mạng vô sản ở chính quốc tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc.

- Tinh thần đấu tranh cách mạng hết sức quyết liệt của các dân tộc thuộc địa, mà theo Người nó sẽ bùng lên mạnh mẽ, hình thành một “lực lượng khổng lồ” khi được tập hợp, hướng dẫn và giác ngộ cách mạng.

Căn cứ vào luận điểm của C.Mác về khả năng tự giải phóng của giai cấp công nhân, trong Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa, khi kêu gọi các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh giành quyền độc lập dân tộc, Người viết: “Hỡi anh em ở các thuộc địa... Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”².

Với thực tiễn thắng lợi năm 1945 ở Việt Nam cũng như phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đã thành công vào những năm 60, trong khi cách mạng vô sản ở chính quốc chưa nổ ra và thắng lợi, càng chứng minh luận điểm trên của Hồ Chí Minh là độc đáo, sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn.

e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

Trong bộ Tư bản, quyển I, tập thứ nhất, xuất bản lần đầu tiên năm 1867, C.Mác viết: “Bạo lực là bà đỡ của một chế độ xã hội cũ đang thai nghén một chế độ mới”. Năm 1878, trong tác phẩm Chồng Đuyrinh, Ph.Ăngghen nhắc lại: “Bạo lực còn đóng một vai trò khác trong lịch sử, vai trò cách mạng; nói theo C.Mác, bạo lực còn là bà đỡ cho mọi xã hội cũ đang thai nghén một xã hội mới; bạo lực là

công cụ mà sự vận động xã hội dùng để tự mở đường cho mình và đập tan tành những hình thức chính trị đã hóa đá và chết cứng. Trên cơ sở tiếp thu quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, với kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười Nga và cách mạng thế giới, V.I.Lênin khẳng định tính tất yếu của bạo lực cách mạng, làm sáng tỏ hơn vấn đề bạo lực cách mạng trong học thuyết về cách mạng vô sản: không có bạo lực thì không thể thay thế nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản được.

Dựa trên cơ sở quan điểm về bạo lực cách mạng của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lenin, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Hồ Chí Minh đã thấy rõ sự cần thiết phải sử dụng bạo lực cách mạng: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”¹. Tất yếu là vậy, vì ngay như hành động mang quân đi xâm lược của thực dân để quốc đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc, thì như Người vạch rõ: “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”².

Và sau khi xâm chiếm các nước thuộc địa, bọn thực dân để quốc đã thực hiện chế độ cai trị vô cùng tàn bạo: dùng bạo lực để đàn áp dã man các phong trào yêu nước, thủ tiêu mọi quyền tự do, dân chủ cơ bản của nhân dân, bóc lột và đẩy người dân thuộc địa vào bước đường cùng... Vậy nên, muốn đánh đổ thực dân - phong kiến giành độc lập dân tộc thì tất yếu phải sử dụng phương pháp bạo lực cách mạng, dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù.

Về hình thức bạo lực cách mạng, theo Hồ Chí Minh, bạo lực cách mạng ở đây là bạo lực của quần chúng được thực hiện dưới hai lực lượng chính trị và quân sự, hai hình thức đấu tranh: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; chính trị và đấu tranh chính trị của quần chúng là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang; đấu tranh vũ trang có ý nghĩa quyết định đối với việc tiêu diệt lực lượng quân sự và âm mưu thôn tính của thực dân để quốc, đi đến kết thúc chiến tranh. Việc xác định hình thức đấu tranh phải căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà áp dụng cho thích hợp, như Người đã chỉ rõ: “Tuỳ tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng”³. Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, với hình thức tổng khởi nghĩa của quần chúng nhân dân trong cả nước, chủ yếu dựa vào lực lượng chính trị, kết hợp với lực lượng vũ trang, nhân dân ta đã thắng lợi, giành chính quyền về tay nhân dân.

II. TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ

NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh không để lại một định nghĩa cố định về chủ nghĩa xã hội. Với cách diễn đạt dung dị, dễ hiểu, dễ nhớ, khái niệm “chủ nghĩa xã hội” được Người tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau bằng cách chỉ ra đặc trưng ở một lĩnh vực nào đó (như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, động lực, nguồn lực, v.v.) của chủ nghĩa xã hội, song tất cả đều hướng đến mục tiêu cơ bản của nó mà theo Người: “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”, là làm sao cho dân giàu nước mạnh¹.

So sánh các chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử để thấy sự khác nhau về bản chất giữa chủ nghĩa xã hội với các chế độ khác, Hồ Chí Minh viết: “Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người thuộc giai cấp thống trị là được thỏa mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Trái lại, trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện được thỏa mãn”². Người khẳng định mục đích của cách mạng Việt Nam là tiến đến chủ nghĩa xã hội, rồi đến chủ nghĩa cộng sản vì: Cộng sản có hai giai đoạn. Giai đoạn thấp, tức là chủ nghĩa xã hội. Giai đoạn cao, tức là chủ nghĩa cộng sản. Hai giai đoạn ấy giống nhau ở chỗ: sức sản xuất đã phát triển cao; nền tảng kinh tế thì tư liệu sản xuất đều là của chung; không có giai cấp áp bức bóc lột. Hai giai đoạn ấy khác nhau ở chỗ: chủ nghĩa xã hội vẫn còn chút ít vết tích xã hội cũ. Xã hội cộng sản thì hoàn toàn không còn vết tích xã hội cũ.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là xã hội ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Mặc dù còn tồn đọng tàn dư của xã hội cũ nhưng chủ nghĩa xã hội không còn áp bức, bóc lột, xã hội do nhân dân lao động làm chủ, trong đó con người sống ấm no, tự do, hạnh phúc, quyền lợi của cá nhân và tập thể vừa thống nhất, vừa gắn bó chặt chẽ với nhau.

b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác khẳng định sự phát triển của xã hội loài người là quá trình lịch sử - tự nhiên¹. Theo quá trình này, “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai

cấp vô sản là tất yếu như nhau”². Vận dụng học thuyết của C.Mác để nghiên cứu về tiến trình lịch sử, Hồ Chí Minh cho rằng: “Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển và biến đổi mãi, do đó mà tư tưởng của con người, chế độ xã hội, v.v., cũng phát triển và biến đổi. Chúng ta đều biết từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chõ dùng cành cây, búa đá đã phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ cộng sản chủ nghĩa. Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được”³. Tuy nhiên, ngay từ năm 1953, Hồ Chí Minh đã nhận thấy: Tùy hoàn cảnh mà các dân tộc phát triển theo con đường khác nhau. Có nước thì đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội như Liên Xô. Có nước thì phải kinh qua chế độ dân chủ mới, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam ta. Người giải thích: Chế độ dân chủ mới là chế độ dưới sự lãnh đạo của Đảng và giai cấp công nhân, nhân dân đã đánh đổ đế quốc và phong kiến; trên nền tảng công nông liên minh, nhân dân lao động làm chủ, nhân dân dân chủ chuyên chính theo tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tư tưởng trên đặt vào bối cảnh xã hội đương thời, Hồ Chí Minh muốn khẳng định, lịch sử xã hội loài người phát triển qua các chế độ công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa rồi tiến lên xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa; nhưng lộ trình này không bắt buộc đối với tất cả các nước mà nó diễn ra theo hai phương thức: có thể trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như Liên Xô và cũng có thể bỏ qua giai đoạn này như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình tất yếu, tuân theo những quy luật khách quan, trước hết là những quy luật trong sản xuất vật chất; song, tùy theo bối cảnh cụ thể mà thời gian, phương thức tiến lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia sẽ diễn ra một cách khác nhau; trong đó, những nước đã qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa sẽ “đi thẳng” lên chủ nghĩa xã hội. Những nước chưa qua giai đoạn phát triển này có thể đi lên chủ nghĩa xã hội sau khi đã “đánh đổ đế quốc và phong kiến” dưới sự lãnh đạo của Đảng vô sản và được tư tưởng Mác - Lênin dẫn đường.

Với nhận định trên, Hồ Chí Minh cho thấy tính chất chung của các quy luật phát triển xã hội và tính đặc thù trong sự thể hiện các quy luật đó ở những quốc gia cụ thể, trong những điều kiện cụ thể.

Đối với Việt Nam, hàng nghìn năm dưới ách thống trị tàn bạo của chế độ phong kiến, thực dân, nhiều khuynh hướng cứu dân, cứu nước đã được thử nghiệm nhưng đều không đem lại kết quả cuối cùng mà dân tộc khát khao đạt được. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới là nguồn gốc của tự do, bình đẳng, bác ái, xóa bỏ những bức tường dài ngăn cản con người yêu đoàn kết, yêu thương nhau⁴. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân loại nói chung, của Việt Nam nói riêng vừa là một tất yếu của lịch sử,

vừa đáp ứng được khát vọng của những lực lượng tiến bộ xã hội trong quá trình đấu tranh tự giải phóng mình.

c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa

Là xã hội có bản chất khác hẳn các xã hội khác đã từng tồn tại trong lịch sử, xã hội xã hội chủ nghĩa có nhiều đặc trưng; song, nếu tiếp cận từ những lĩnh vực lớn của xã hội, xã hội xã hội chủ nghĩa có một số đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, về chính trị: xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có chế độ dân chủ.

Chế độ dân chủ trong xã hội xã hội chủ nghĩa được thể hiện trước hết là xã hội do nhân dân làm chủ, nhân dân là chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trên nền tảng liên minh công - nông. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, địa vị cao nhất là nhân dân. Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Mọi quyền lợi, quyền lực, quyền hạn thuộc về nhân dân và mọi hoạt động xây dựng, bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ xã hội cũng thuộc về nhân dân.

Những tư tưởng cơ bản về đặc trưng chính trị trong xã hội xã hội chủ nghĩa nêu trên không chỉ cho thấy tính nhân văn cao cả của Hồ Chí Minh mà còn cho thấy Hồ Chí Minh nhận thức rất sâu sắc về sức mạnh, địa vị và vai trò của nhân dân; về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội khi Đảng lãnh đạo dựa vào nhân dân, huy động được nhân lực, tài lực, trí lực của nhân dân để đem lại lợi ích cho nhân dân.

Thứ hai, về kinh tế: xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản nên xã hội xã hội chủ nghĩa phải có nền kinh tế phát triển cao hơn nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản, đây là nền kinh tế dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ sở hữu tư liệu sản xuất tiên bội.

Lực lượng sản xuất hiện đại trong chủ nghĩa xã hội biểu hiện: Công cụ lao động, phương tiện lao động trong quá trình sản xuất “đã phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử”¹. Quan hệ sản xuất trong xã hội xã hội chủ nghĩa được Hồ Chí Minh diễn đạt là: Lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v. làm của chung; là tư liệu sản xuất thuộc về nhân dân². Đây là tư tưởng Hồ Chí Minh về chế độ công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, về văn hóa, đạo đức và các quan hệ xã hội: xã hội xã hội chủ nghĩa có trình độ phát triển cao về văn hóa và đạo đức, đảm bảo sự công bằng, hợp lý trong các quan hệ xã hội.

Văn hóa, đạo đức thể hiện ở tất cả các lĩnh vực của đời sống song trước hết là ở các quan hệ xã

hội. Sự phát triển cao về văn hóa, đạo đức của xã hội xã hội chủ nghĩa thể hiện: xã hội không còn hiện tượng người bóc lột người; con người được tôn trọng, được đảm bảo đối xử công bằng, bình đẳng và các dân tộc đoàn kết, gắn bó với nhau.

Hồ Chí Minh cho rằng: Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới “chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn”¹; “chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình”².

Chủ nghĩa xã hội là cơ sở, là tiền đề để tiến tới chế độ xã hội hòa bình, đoàn kết, ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, bác ái, việc làm cho mọi người và vì mọi người; không còn phân biệt chủng tộc, không còn gì có thể ngăn cản những người lao động hiểu nhau và thương yêu nhau³.

Chủ nghĩa xã hội bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong các quan hệ xã hội. Đây là xã hội đem lại quyền bình đẳng trước pháp luật cho mọi công dân; mọi cộng đồng người đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ; ai cũng phải lao động và ai cũng có quyền lao động⁴, ai cũng được hưởng thành quả lao động của mình trên nguyên tắc làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít thì hưởng ít, không làm thì không hưởng, tất nhiên là trừ những người chưa có khả năng lao động hoặc không còn khả năng lao động⁵.

Thứ tư, về chủ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội: chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Từ xã hội chiếm hữu nô lệ đến xã hội tư bản chủ nghĩa, cuộc đấu tranh của người lao động luôn diễn ra ngày càng quyết liệt nhằm thủ tiêu chế độ người bóc lột người. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa - chế độ của nhân dân, do nhân dân làm chủ, lợi ích của cá nhân gắn liền với lợi ích của chế độ xã hội nên chính nhân dân là chủ thể, là lực lượng quyết định tốc độ xây dựng và sự vững mạnh của chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp xây dựng này, Hồ Chí Minh khẳng định: “Cần có sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Chỉ có sự lãnh đạo của một đảng biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công”.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Mục tiêu về chế độ chính trị: Phải xây dựng được chế độ dân chủ.

Chế độ dân chủ trong mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Hồ Chí Minh khẳng định

và giải thích: “Chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ”⁶, “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”⁷.

Khi khẳng định “dân làm chủ” và “dân là chủ”, Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền lợi và quyền hạn, trách nhiệm và địa vị của nhân dân. Người chỉ rõ: tất cả lợi ích đều vì dân, tất cả quyền hạn đều của dân, công cuộc đổi mới là trách nhiệm của dân, sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước là công việc của dân, các cấp chính quyền do dân cử ra, các tổ chức đoàn thể do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

Mục tiêu về kinh tế: Phải xây dựng được nền kinh tế phát triển cao gắn bó mật thiết với mục tiêu về chính trị.

Khái quát mục tiêu về nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hồ Chí Minh xác định: Đây phải là nền kinh tế phát triển cao “với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến”¹, là “một nền kinh tế thuần nhất, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể”². Mục tiêu này phải gắn bó chặt chẽ với mục tiêu về chính trị vì “Chế độ kinh tế và xã hội của chúng ta nhằm thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, trên cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển”³. Theo Người, kinh tế quốc doanh lãnh đạo nền kinh tế quốc dân và kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động nên Nhà nước phải bảo đảm ưu tiên cho kinh tế quốc doanh phát triển và phải đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ kinh tế hợp tác xã⁴.

Mục tiêu về văn hóa: Phải xây dựng được nền văn hóa mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Hồ Chí Minh cho rằng, mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị và kinh tế là mối quan hệ biện chứng. Chế độ chính trị và kinh tế của xã hội là nền tảng và quyết định tính chất của văn hóa; còn văn hóa góp phần thực hiện mục tiêu của chính trị và kinh tế. Người đã từng nói: “Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy”; “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế? Tục ngữ ta có câu: có thực mới vực được đạo, vì thế kinh tế phải đi trước”.

Về vai trò của văn hóa, Người khẳng định: Trình độ văn hóa của nhân dân được nâng cao sẽ góp phần phát triển dân chủ, góp phần xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất độc lập, dân chủ và giàu mạnh; nền văn hóa phát triển là điều kiện cho nhân dân tiến bộ. Theo Người, “để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức”, “Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của

văn hóa tiên bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”.

Mục tiêu về quan hệ xã hội: Phải bảo đảm dân chủ, công bằng, văn minh.

Chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là chế độ “dân làm chủ”, “dân là chủ” nêu theo Hồ Chí Minh, với tư cách làm chủ, là chủ của đất nước, nhân dân phải làm tròn nhiệm vụ của người chủ để xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó mọi người đều có quyền làm việc; có quyền nghỉ ngơi; có quyền học tập; có quyền tự do thân thể; có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình; có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; có quyền bầu cử, ứng cử. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước đảm bảo quyền tự do dân chủ cho công dân, nhưng nghiêm cấm lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của nhân dân.

Những tư tưởng trên biểu hiện xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung, lợi ích chung của tập thể.

b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Để đạt được những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng, phải nhận thức, vận dụng và phát huy tối ưu các động lực. Trong tư tưởng của Người, hệ thống động lực thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa rất phong phú, bao hàm những động lực cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai; cả về vật chất và tinh thần, nội lực và ngoại lực, v.v... ở tất cả các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, giáo dục, v.v. Tất cả các động lực đều rất quan trọng và có mối quan hệ biện chứng với nhau nhưng giữ vai trò quyết định là nội lực dân tộc, là nhân dân nên để thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa phải đảm bảo lợi ích của dân, dân chủ của dân, sức mạnh đoàn kết toàn dân. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đây là những động lực hàng đầu của chủ nghĩa xã hội.

Về lợi ích của dân, Hồ Chí Minh quan tâm đến lợi ích của cả cộng đồng người và lợi ích của những con người cụ thể vì Người cho rằng đây là một trong những điểm khác nhau cơ bản giữa chủ nghĩa xã hội và những chế độ xã hội trước nó. Người nhận thấy trong xã hội xã hội chủ nghĩa mỗi người giữ một vị trí nhất định, đóng góp một phần công lao nhất định vì nhân dân lao động đã thoát khỏi bần cùng, có công ăn việc làm, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách và sở

trường riêng của mình, nên ngay từ những ngày đầu xây dựng chế độ xã hội mới, Người đã dạy: “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”, “phải đặt quyền lợi của dân lên trên hết”.

Về dân chủ, theo Hồ Chí Minh, dân chủ trong chủ nghĩa xã hội là dân chủ của nhân dân, là của quý báu nhất của nhân dân. Có dân chủ lợi ích mới vì dân; có dân chủ quyền hành và lực lượng mới ở nơi dân, công việc đổi mới và xây dựng mới là công việc của dân, là trách nhiệm của dân. Với tư cách là những động lực thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, lợi ích của dân và dân chủ của dân không thể tách rời nhau.

Về sức mạnh đoàn kết toàn dân, Hồ Chí Minh cho rằng đây là động lực mạnh nhất trong tất cả các lực lượng và chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ của nhân dân về quyền lợi và quyền hạn, trách nhiệm và địa vị dân chủ của mình; với sự lao động sáng tạo của hàng triệu quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, ngay trong buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc”.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lợi ích của dân, dân chủ của dân, đoàn kết toàn dân gắn bó hữu cơ với nhau, là cơ sở, là tiền đề của nhau, tạo nên động lực mạnh mẽ nhất trong hệ thống các động lực của chủ nghĩa xã hội. Song, những yếu tố trên chỉ có thể phát huy được sức mạnh của mình thông qua hoạt động của những cộng đồng người và những con người Việt Nam cụ thể.

Về hoạt động của những tổ chức, trước hết là Đảng Cộng sản, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội khác, trong đó sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản giữ vai trò quyết định. Theo Hồ Chí Minh, Đảng như người cầm lái, người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước là tổ chức đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân, thực hiện chức năng quản lý xã hội để biến đường lối, chủ trương của Đảng thành hiện thực. Các tổ chức chính trị - xã hội với tư cách là các tổ chức quần chúng tuy có những nội dung và phương thức hoạt động khác nhau nhưng đều có sự nhất quán về chính trị và tư tưởng dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; hoạt động vì lợi ích của các thành viên của mình trong sự thống nhất với lợi ích của dân tộc. Với những cộng đồng này, Người cũng luôn nhắc nhở phải không ngừng nêu cao cảnh giác, phải chống cả kẻ địch bên ngoài tìm cách phá hoại thành quả của cách mạng và phải chống cả kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân; chống tư tưởng “làm quan cách mạng”.

Về con người Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”. Đây là những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng

và tác phong xã hội chủ nghĩa. Trong bài nói chuyện tại Hội nghị bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cấp toàn miền Bắc do Ban Bí thư Trung ương Đảng triệu tập từ ngày 13 đến ngày 21-3-1961, Hồ Chí Minh giải thích rất chi tiết, cụ thể về tư tưởng, tác phong xã hội chủ nghĩa; cuối cùng Người khái quát: Những tư tưởng và tác phong mới mà mỗi người cần bồi dưỡng cho mình là: Có ý thức làm chủ nhà nước, có tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”; có quan điểm “tất cả phục vụ sản xuất”; có ý thức cần kiệm xây dựng nhà nước; có tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và phải chống lại những tư tưởng, tác phong xấu là: chủ nghĩa cá nhân; quan liêu, mệnh lệnh; tham ô, lãng phí; bảo thủ, rụt rè.

Như vậy, cùng với việc xác định và định hướng phát huy sức mạnh những động lực của chủ nghĩa xã hội, đối với các cộng đồng người và những con người Việt Nam cụ thể, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở phải ngăn chặn, loại trừ những lực cản của những động lực này. Nhìn chung, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, quan điểm “xây” đi đôi với “chống” cũng là một quan điểm xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh, là một trong những nét đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ

- Tính chất của thời kỳ quá độ: Đây là thời kỳ cải biến sâu sắc nhất nhưng phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ.

Theo Hồ Chí Minh, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là thời kỳ cải biến xã hội cũ thành xã hội mới - một xã hội hoàn toàn chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Thời kỳ dân tộc ta phải thay đổi triệt nhũng nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm; phải xóa bỏ giai cấp bóc lột; phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc trong điều kiện nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, mới thoát khỏi ách thực dân, phong kiến nên nó là công cuộc biến đổi sâu sắc nhất, khó khăn nhất, thậm chí nó còn khó khăn, phức tạp hơn cả việc đánh giặc². Vì vậy, tiến lên chủ nghĩa xã hội không thể một sớm một chiều, không thể làm mau được mà phải làm dần dần.

- Đặc điểm của thời kỳ quá độ: Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ quá độ, Việt Nam cũng có những đặc điểm giống như đặc điểm của các nước khác khi bước vào thời kỳ này, như sự tồn tại đan xen giữa các yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những

yếu tố của xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống; là giai đoạn đầu khi các yếu tố của xã hội cũ còn cụm lại thành một thế lực thì có khi nó còn chiến thắng những yếu tố của xã hội mới vừa xuất hiện, v.v...; song, từ thực tế của xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận thấy “đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”. Cũng với những đặc điểm khác và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, đặc điểm này quy định nhiệm vụ của dân tộc ta trong thời kỳ quá độ.

- Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ: Đầu tranh cải tạo, xóa bỏ tàn tích của chế độ xã hội cũ, xây dựng các yếu tố mới phù hợp với quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống; trong đó:

Về chính trị, phải xây dựng được chế độ dân chủ vì đây là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Muốn xây dựng được chế độ này, theo Hồ Chí Minh, phải chống tất cả các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, trước hết ở trong Đảng, trong bộ máy chính quyền từ cấp cơ sở đến Trung ương, đồng thời phải bồi dưỡng, giáo dục để nhân dân có tri thức, có năng lực làm chủ xã hội.

Về kinh tế, trong bối cảnh nền kinh tế của nước ta còn nghèo nàn, kỹ thuật lạc hậu, Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ quan trọng nhất của thời kỳ quá độ là phải cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại. Đây là quá trình xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Giữa cải tạo và xây dựng thì xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài và phải luôn gắn với việc thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Về văn hóa, phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc; đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ trên thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

Về các quan hệ xã hội, phải thay đổi triệt để những quan hệ xã hội cũ đã trở thành thói quen trong lối sống, nếp sống của con người; xây dựng được một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và đảm bảo cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung, với lợi ích chung của tập thể.

b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

Xác định xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình sâu sắc nhưng phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ, đòi hỏi tính năng động, sáng tạo, song, theo Hồ Chí Minh, tính năng động, sáng tạo ấy phải tuân

thủ nhiều nguyên tắc, trước hết là:

Thứ nhất, mọi tư tưởng, hành động phải được thực hiện trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin.

Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa Mác - Lê nin là khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bóc lột; là khoa học về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước; khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản nên theo Người, cuộc cách mạng mà giai cấp công nhân thực hiện chỉ có thể đạt được thành tựu trên cơ sở trung thành sắt đá với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Chính vì vậy Người luôn nhắc nhở, khuyến khích, động viên mọi người phải không ngừng “học lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê nin”², phải “cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lê nin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi”³.

Thứ hai, phải giữ vững độc lập dân tộc.

Tự do cho đồng bào, độc lập cho Tổ quốc là mục đích của Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước. Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Người đã khẳng định “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. Ngay cả điều mong muốn cuối cùng của Người trước khi từ trần cũng là đất nước thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh vì trong tư tưởng của Người, đối với một dân tộc thì “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Độc lập dân tộc là mục tiêu trước hết của mỗi dân tộc; còn đặt trong mối quan hệ với chủ nghĩa xã hội thì độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và, chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc trường tồn với đầy đủ ý nghĩa chân chính của nó.

Thứ ba, phải đoàn kết, học tập kinh nghiệm của các nước anh em.

Xác định “Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của lực lượng hòa bình, dân chủ, xã hội chủ nghĩa trên thế giới”, Hồ Chí Minh quan niệm “sự đoàn kết giữa lực lượng các nước xã hội chủ nghĩa và sự đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản và công nhân tất cả các nước có ý nghĩa quan trọng bậc nhất”⁴. Trong sự đoàn kết này, cách mạng Việt Nam phải học tập kinh nghiệm của các nước anh em song không được áp đặt những kinh nghiệm ấy một cách máy móc mà phải vận dụng nó một cách sáng tạo⁵. Mặc dù đánh giá rất cao thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, song Hồ Chí Minh khẳng định: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác.... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁶.

Thứ tư, xây phải đi đôi với chống.

Theo Hồ Chí Minh, muốn đạt được và giữ được thành quả cách mạng thì cùng với việc xây dựng các lĩnh vực của đời sống xã hội phải chống lại mọi hình thức câu các thế lực cản

trở, phá hoại sự phát triển của cách mạng.

Người căn dặn: “Đối với kẻ địch phải luôn tỉnh táo, giữ vững lập trường, quyết không vì hoàn cảnh hòa bình mà mất cảnh giác. Phải luôn sẵn sàng đập tan mọi âm mưu độc ác của kẻ địch, bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ lao động hòa bình của nhân dân”. Phải chống lại “căn bệnh” “Nghe những lời bình luận không đúng cũng làm thịnh, không biện bác. Ai nói sao, ai làm gì cũng mặc kệ”. Đối với tàn dư của xã hội cũ “phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm”. Đối với mỗi người phải đánh thằng kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân bởi chủ nghĩa cá nhân như một thứ vi trùng độc hại, sản sinh ra bệnh tham lam, bệnh kiêu ngạo, bệnh háo danh, bệnh vô tổ chức, vô kỷ luật, v.v. - những thứ bệnh không chỉ làm hại cho người đó mà còn làm hại đến nhân dân, đến tổ chức Đảng.

III. TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

Vận dụng một cách sáng tạo lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lê nin trong điều kiện của cách mạng Việt Nam, trong Chánh cương văn tắt của Đảng (1930), Hồ Chí Minh khẳng định phương hướng chiến lược của cách mạng nước ta là: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổi địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Như vậy, giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc sẽ là mục tiêu đầu tiên của cách mạng, là cơ sở, tiền đề cho mục tiêu tiếp theo - chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc bao gồm cả nội dung dân tộc và dân chủ; độc lập phải gắn liền với thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ và hơn nữa độc lập dân tộc cũng phải gắn liền với tự do, no đủ, áo ấm, hạnh phúc cho nhân dân. Vậy nên khi nêu lên mục tiêu giải phóng dân tộc, Người cũng đã định hướng đến mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

Khi đề cao mục tiêu độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh không coi đó là mục tiêu cuối cùng của cách mạng, mà là tiền đề cho một cuộc cách mạng tiếp theo - cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân càng sâu sắc, triệt để thì càng tạo ra những tiền đề thuận lợi, sức mạnh

to lớn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vả lại, cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đã được Hồ Chí Minh khẳng định là con đường cách mạng vô sản, vì vậy bản thân cuộc cách mạng này ngay từ đầu đã mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc vì vậy không những là tiền đề mà còn là nguồn sức mạnh to lớn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng trên của Hồ Chí Minh đúng đắn và sáng tạo vì không chỉ đáp ứng được yêu cầu khách quan, cụ thể của cách mạng Việt Nam mà còn phù hợp với quy luật phát triển của thời đại.

2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc

Chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của thời đại và phù hợp với lợi ích của nhân dân Việt Nam. Vì vậy, cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam phải mang tính xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn và triệt để. Năm 1960, Người khẳng định: chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa công sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Ở Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội trước hết là một chế độ dân chủ, do nhân dân làm chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chế độ dân chủ thể hiện trong tất cả mọi mặt của đời sống xã hội và được thể chế hóa bằng pháp luật, đây là điều kiện quan trọng nhất để đảm bảo nền độc lập dân tộc, tạo ra nền tảng ý thức xã hội bảo vệ chủ quyền dân tộc, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu thôn tính, đe doạ nền độc lập, tự do của dân tộc.

Chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh, còn là một xã hội tốt đẹp, không còn chế độ áp bức bóc lột. Đó là một xã hội bình đẳng, công bằng và hợp lý: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng, bảo đảm phúc lợi xã hội cho người già, trẻ em và những người còn khó khăn trong cuộc sống; mọi người đều có điều kiện để phát triển như nhau. Đó còn là một xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, là một xã hội có đạo đức và văn hóa..., hoà bình hữu nghị, làm bạn với tất cả các nước dân chủ trên thế giới.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng cơ sở cho sự phát triển của đất nước trên tất cả các lĩnh vực. Với một chế độ xã hội như trên, chủ nghĩa xã hội sẽ có khả năng làm cho đất nước phát triển mạnh mẽ, sẽ tạo nền tảng vững chắc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và hơn thế nữa, sẽ là một tấm gương cho các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia mới giành được độc lập dân tộc đang định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội hiện thực cũng sẽ góp phần hạn chế những cuộc chiến tranh phi nghĩa, bảo vệ được nền hoà bình trên thế giới, độc lập dân tộc sẽ được giữ vững.

3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Theo Hồ Chí Minh, cần có những điều kiện cơ bản sau:

Một là, phải bảo đảm vai trò lãnh đạo tuyệt đối của đảng cộng sản trong suốt tiến trình cách mạng. Không có sự lãnh đạo của Đảng thì cách mạng Việt Nam không thể nào đi theo con đường cách mạng vô sản và tất nhiên độc lập dân tộc sẽ không giành được. Và ngay trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, theo Hồ Chí Minh, càng phải củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nếu không Đảng sẽ đánh mất vai trò lãnh đạo và chủ nghĩa xã hội sẽ sụp đổ, tan rã.

Hai là, phải củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc mà nền tảng là khối liên minh công - nông, vì theo Người, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng.

Ba là, phải đoàn kết, gắn bó chặt chẽ với cách mạng thế giới. Đoàn kết quốc tế, theo Hồ Chí Minh, là để tạo ra một sức mạnh to lớn cho cách mạng và cũng để góp phần chung cho nền hoà bình, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Ba điều kiện trên phải được đảm bảo, gắn bó chặt chẽ với nhau sẽ góp phần bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định

Tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là quá trình hợp quy luật, phù hợp với khát vọng của nhân dân Việt Nam, là sự lựa chọn đúng đắn của Hồ Chí Minh và sự khẳng định của Đảng Cộng sản Việt Nam. Xuất phát từ bối cảnh trong nước và quốc tế, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã ban hành Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đến Đại hội XI, Cương lĩnh này được bổ sung và phát triển. Trong Cương lĩnh, từ thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam, Đảng đã rút ra những bài học mà đầu tiên là phải “năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ quang vinh mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau”. Cương lĩnh cũng xác định những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, những mối quan hệ cơ bản mà nhân dân ta phải giải quyết trong giai đoạn

hiện nay để từng bước những đặc trưng cơ bản đó trở thành hiện thực. Sự thống nhất giữa tính kiên định và đổi mới, khoa học và cách mạng, trí tuệ và tình cảm, hiện tại và tương lai của Cương lĩnh là định hướng cho cả dân tộc thực hiện mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng cơ sở, nền tảng cho sự phát triển của đất nước trên tất cả các lĩnh vực. Với một chế độ xã hội như trên, chủ nghĩa xã hội sẽ có khả năng làm cho đất nước phát triển mạnh mẽ, sẽ tạo nền tảng vững chắc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và hơn thế nữa, sẽ là một tấm gương cho các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia mới giành được độc lập dân tộc đang định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội hiện thực cũng sẽ góp phần hạn chế những cuộc chiến tranh phi nghĩa, bảo vệ được nền hoà bình trên thế giới, độc lập dân tộc sẽ được giữ vững.

2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa

Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa là phát huy sức mạnh bản chất ưu việt của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa; là bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; là dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội để nhân dân tham gia vào tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa không tách rời quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo tinh thần của Hiến pháp hiện hành.

Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa đi đôi với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân và đạo đức xã hội, phê phán những biểu hiện dân chủ cục đoan, dân chủ hình thức và xử lý nghiêm minh những hành vi lợi dụng dân chủ làm mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cũng như tất cả những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân¹.

3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị

Đặc điểm của hệ thống chính trị ở Việt Nam là tính nhất nguyên và tính thống nhất: Nhất nguyên về chính trị, về tổ chức, về tư tưởng; thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thống nhất về mục tiêu chính trị. Các tổ chức trong hệ thống chính trị ở Việt Nam có tính chất, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ khác nhau, phương thức hoạt động khác nhau nhưng gắn bó mật thiết với

nhau tạo nên một thể thống nhất, phát huy sức mạnh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

Như vậy, củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị thực chất là để nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy đầy đủ.

4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Đảng đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam thu được nhiều thành tựu vĩ đại trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và trong sự nghiệp đổi mới. Song, chỉ trong một thời gian rất ngắn so với lịch sử của Đảng, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã xuất hiện và trở nên nghiêm trọng. Nếu không ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái này sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng¹.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn này là phải tích cực thực hiện, thực hiện có kết quả các nghị quyết của Đảng, trong đó có các nghị quyết về xây dựng Đảng giữ vị trí cực kỳ quan trọng vì xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt trong sự nghiệp đổi mới.

Hồ Chí Minh chưa sử dụng những khái niệm như “suy thoái” tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhưng Người đã đề cập đến nhiều “căn bệnh” biểu hiện của nó và đã cảnh báo về tác hại của những “căn bệnh” này. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ là những hành động cụ thể, đặt trong bối cảnh cụ thể mà Đảng tiếp tục thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh để Đảng xứng đáng là Đảng cầm quyền, thực hiện được nhiệm vụ của Đảng cầm quyền trong sự nghiệp xây dựng đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh để giữ vững nền độc lập dân tộc trên con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Phân tích tính đúng đắn và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Nêu bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay và những yêu cầu cơ bản trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, các tập 1, 2, 4, 15, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
5. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, t.42, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1979 - 1981.
6. C.Mác và Ph.Ănghen: *Toàn tập*, t.29, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
7. Jean Lacouture: Ho Chi Minh. Ed. Seuil, Paris, 1967.
8. Pierre Brocheux: Ho Chi Minh, Presses des Sciences Politiques, Paris, 2000.

Chương IV

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

MỤC TIÊU

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước của dân, do dân, vì dân
- Về kỹ năng: Góp phần bồi dưỡng cho sinh viên kỹ năng phân tích một cách khoa học những vấn đề xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội

chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong thời kỳ đổi mới của đất nước.

- Về tư tưởng: Góp phần làm cho sinh viên tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước Việt Nam giai đoạn kinh tế thị trường, hội nhập, toàn cầu hóa.

1. TU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong tác phẩm Đường cách mệnh (năm 1927), Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng trước hết phải có “đảng cách mệnh, để trong thi vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thi liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹.

Khẳng định đảng cộng sản “như người cầm lái” cho con thuyền là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt cả quá trình cách mạng, cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu, vai trò lãnh đạo của Đảng cũng là một tất yếu - điều đó xuất phát từ yêu cầu phát triển của dân tộc Việt Nam. Thực tế quá trình cách mạng Việt Nam vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh đã nói lên rằng, sự bảo đảm, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt tiến trình phát triển của đất nước theo mục tiêu chủ nghĩa xã hội là một nguyên tắc vận hành của xã hội Việt Nam từ khi có Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện là một đảng chính trị tồn tại và phát triển theo những quan điểm của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

Hồ Chí Minh là người trung thành với học thuyết Mác - Lênin, trong đó có lý luận của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản, đồng thời vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận đó vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Trên thế giới, nói chung, sự ra đời của một đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Còn đối với Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Như vậy, so với học thuyết Mác - Lênin thì Hồ Chí Minh đưa thêm vào yếu tố thứ ba nữa, đó là phong trào yêu nước.

Quan điểm của Hồ Chí Minh trên đây là hoàn toàn phù hợp với xã hội thuộc địa và phong kiến như Việt Nam, khi mọi giai cấp, tầng lớp, trừ tư sản mại bản và đại địa chủ, còn đều có mâu thuẫn dân

tộc. Đó là mâu thuẫn cơ bản giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với các thế lực đế quốc và tay sai. Trong thực tế, những phong trào đấu tranh của công nhân đã kết hợp được rất nhuần nhuyễn với phong trào yêu nước. Một số người Việt Nam yêu nước lúc đầu đi theo xu hướng dân chủ tư sản, nhưng qua thực tế được sự tác động của chủ nghĩa Mác - Lê nin, đã dần dần tiến theo xu hướng cộng sản, rõ nhất là từ năm 1925 trở đi. Hàng loạt tổ chức yêu nước ra đời, trong đó nổi rõ nhất là tổ chức Hội Việt Nam Cách mệnh Thanh niên do Hồ Chí Minh lập ra. Đấu tranh giai cấp quyền chặt với đấu tranh dân tộc. Thật khó mà tách bạch mục tiêu cơ bản giữa các phong trào đó, tuy lực lượng, phương thức, khẩu hiệu đấu tranh có khác nhau, nhưng mục tiêu chung là: Giành độc lập, tự do cho dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tồn tại và phát triển chính là do nhu cầu tất yếu của xã hội Việt Nam từ đầu năm 1930 trở đi. Đảng đã được toàn dân tộc trao cho sứ mệnh lãnh đạo đất nước trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội.

3. Đảng phải trong sạch, vững mạnh

a. Đảng là đạo đức, là văn minh

Trong bài nói tại Lễ Kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng (1960), Hồ Chí Minh cho rằng: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”. Hồ Chí Minh coi đạo đức cách mạng là gốc, là nền tảng của người cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức của Đảng thể hiện ở những điểm sau đây:

(1) Mục đích hoạt động của Đảng là lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Đó là sự nghiệp cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lê nin, làm cho dân tộc được độc lập, nhân dân có cuộc sống ám no, tự do, hạnh phúc thật sự, đoàn kết hữu nghị với các dân tộc trên thế giới.

(2) Cương lĩnh, đường lối, chủ trương và mọi hoạt động thực tiễn của Đảng đều phải nhằm mục đích đó. Đảng phải luôn luôn trung thành với lợi ích toàn dân tộc vì Đảng không có mục đích riêng; sự ra đời và phát triển của Đảng đều vì mục đích làm cho đất nước hùng cường đi lên chủ nghĩa xã hội, đưa lại quyền lợi cho dân.

(3) Đội ngũ đảng viên phải luôn luôn thấm nhuần đạo đức cách mạng, ra sức tu dưỡng, rèn luyện, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của dân, của nước. Do vậy, một trong những biểu hiện rõ nhất của Hồ Chí Minh về rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam để cho Đảng trở thành Đảng của đạo đức, của văn minh là Người “rèn” đạo đức cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đảng viên càng phải là những người có lòng nhân ái, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”; trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân; có bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính và luôn luôn chí công vô tư; có tình thần quốc

tế trong sáng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng “là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Những người mà:

Giàu sang không thể quyến rũ Nghèo khó không thể chuyen lay, Uy lực
không thể khuất phục”¹.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thầm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”²; rằng, Đảng phải “sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tói tớ trung thành của nhân dân”³.

Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng có đạo đức cách mạng, về ý nghĩa cơ bản mà xét, cũng tức là xây dựng Đảng để Đảng trở thành một Đảng văn minh, hoặc Hồ Chí Minh hay gọi đó là “một Đảng cách mạng chân chính”. Điều này thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

- (4) Đảng văn minh là một Đảng tiêu biểu cho lương tâm, trí tuệ và danh dự của dân tộc.
- (5) Đảng ra đời là một tất yếu, phù hợp với quy luật phát triển văn minh tiến bộ của dân tộc và của nhân loại. Mọi hoạt động của Đảng đều xuất phát từ yêu cầu phát triển của dân tộc, lấy lợi ích tối cao của dân tộc làm trọng, mọi lợi ích giai cấp đều phải đặt dưới sự phát triển của dân tộc; mọi hoạt động của Đảng đều phải phù hợp với quy luật vận động của xã hội Việt Nam.
- (6) Đảng phải luôn trong sạch, vững mạnh, làm tròn sứ mệnh lịch sử do nhân dân, dân tộc giao phó là lãnh đạo giành độc lập cho Tổ quốc và đưa lại tự do, ám no, hạnh phúc cho nhân dân. Trong giai đoạn Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh càng chú trọng hơn việc phòng và chống các tiêu cực trong Đảng.
- (7) Xây dựng Đảng văn minh còn thể hiện trong giai đoạn cầm quyền, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, Đảng không phải là tổ chức đứng trên dân tộc.
- (8) Đảng văn minh còn là ở chỗ đội ngũ đảng viên, từ những đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, nhất là những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý chủ chốt, cho đến đảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải là những chiến sĩ tiên phong, gương mẫu trong công tác và cuộc sống hàng ngày.
- (9) Đảng văn minh phải là Đảng có quan hệ quốc tế trong sáng, hoạt động không những vì lợi ích dân tộc Việt Nam mà còn vì độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác; vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển của các dân tộc trên thế giới.

Nếu Đảng không đạo đức, văn minh thì Đảng sẽ bị mất quyền lãnh đạo và khi đó Đảng chứng tỏ là một tổ chức không trong sạch, vũng mạnh, đội ngũ cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất. Đến mức như thế và đến lúc như thế thì mọi thành quả của cách mạng Việt Nam sẽ bị tiêu tan đúng như cái lôgic tất yếu mà Hồ Chí Minh đã cảnh báo: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹.

Như vậy, xây dựng Đảng để cho Đảng xứng đáng là Đảng đạo đức, văn minh là một nội dung đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, là bước phát triển sáng tạo của Người so với lý luận của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Trong tác phẩm Đường cách mệnh (năm 1927), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Nay giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”³.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh phải trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng đồng thời phải luôn luôn sáng tạo, vận dụng cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh, từng lúc, từng nơi, không được phép giáo điều.

- Tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh đưa ra luận đề liên quan mật thiết với nhau: Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ phải đi đến tập trung. Như vậy, hàm lượng dân chủ càng cao, càng đậm đặc bao nhiêu trong hoạt động của Đảng thì tập trung trong Đảng càng đúng đắn bấy nhiêu. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, phải làm cho tất cả mọi đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình ở trong Đảng, tức là khơi dậy tinh thần trách nhiệm và tính tích cực chủ động của tất cả đảng viên. Khi đã thảo luận, bày tỏ ý kiến rồi thì đi đến tập trung, tức là đề cập ý chí thống nhất, hành động thống nhất, như thế mới có sức mạnh. Và, nói như Hồ Chí Minh, lúc ấy quyền tự do của đảng viên trở thành quyền phục tùng chân lý, mà chân lý là những điều có lợi cho dân, cho nước. Điều kiện tiên quyết khi thực hiện nguyên tắc này là tổ chức Đảng phải trong sạch, vũng mạnh.

Đối với tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, có lúc Hồ Chí Minh coi tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung. Để nhấn mạnh tính chất này, Hồ Chí Minh lưu ý hai điều cần tránh trong hoạt động của Đảng: (1) Độc đoán, chuyên quyền, coi thường tập thể; (2) Dựa dẫm tập thể,

không dám quyết đoán. Hai về tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách phải luôn luôn đi đôi với nhau.

- Tự phê bình và phê bình. Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là việc làm thường xuyên, “như mỗi ngày phải rửa mặt”¹. Người viết trong Di chúc: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng”². Người cho rằng, tự phê bình và phê bình là “thang thuốc” tốt nhất để làm cho phần tốt trong mỗi tổ chức và mỗi con người nẩy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mát dần đi; tự phê bình và phê bình phải trung thực, kiên quyết, đúng người, đúng việc, phải có văn hóa... Trong Đảng, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”³.

- Kỷ luật nghiêm minh, tự giác. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đảng tổ chức rất nghiêm, khác với các đảng phái khác và các hội quần chúng. Trong Đảng chỉ kết nạp những phần tử hăng hái nhất, cách mạng nhất. Đảng có những điều kiện kỷ luật bắt buộc mỗi đảng viên phải theo. Không có kỷ luật sắt không có Đảng. Đã vào Đảng thì phải theo tư tưởng của Đảng. Đảng đã chỉ thị nghị quyết là phải làm. Không làm thì đuổi ra khỏi Đảng”. Sức mạnh của một đảng cộng sản bắt nguồn từ kỷ luật, muôn người như một, cùng một ý chí và hành động. Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng ta tuy đông người, nhưng khi tiến đánh chỉ như một người. Điều đó là nhờ trong Đảng có kỷ luật. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, “Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí”⁵. Kỷ luật của Đảng là kỷ luật tự giác, “do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng”⁶; khi đã tự giác thì kỷ luật của Đảng mới nghiêm và mới bền lâu, thực sự tạo sức mạnh cho Đảng.

- Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn. Quyền lực của Đảng là do giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc giao phó. Đảng phải không ngừng tự chỉnh đốn bản thân mình. Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng không có mục đích tự thân, Đảng không phải là tổ chức để làm quan phát tài mà Đảng từ trong xã hội mà ra, hoạt động vì Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Thường xuyên tự chỉnh đốn, do đó, trở thành một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong xây dựng Đảng. Điều này càng đặc biệt quan trọng hơn khi Đảng đứng trước những thử thách lớn trong quá trình hoạt động, chẳng hạn, Hồ Chí Minh nêu ý kiến rằng, ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam hoàn toàn thắng lợi, “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”¹. Khi viết về tư cách của đảng chân chính cách mạng trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc, Hồ Chí Minh

nêu lên 12 điều, trong đó có Điều 9: “Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái”² và Điều số 10: “Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài”³. Nếu thực hiện được như thế, Đảng sẽ luôn luôn lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng.

- Đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đoàn kết trong Đảng là điều kiện để xây dựng khôi đại đoàn kết toàn dân tộc; đoàn kết, thống nhất trong Đảng trước hết là trong cấp uỷ, trong những cán bộ lãnh đạo chủ chốt; đoàn kết trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin, trên cơ sở cương lĩnh, đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân tộc ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹.

- Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của toàn thể dân tộc Việt Nam. Vấn đề mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản - Giai cấp công nhân - Nhân dân Việt Nam là mối quan hệ khắng khít, máu thịt. Mỗi một thành tố đều có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng tất cả những thành tố đó cũng như sự hoạt động, sự tương tác của chúng đều có tính hướng đích: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh theo ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh là ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, cũng như theo mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh đã ghi trong Di chúc: Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam "không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra"²; "Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng"³; "ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác"⁴, "Đảng ta là một đảng cách mạng, một đảng vì dân, vì nước"⁵. Ngay từ năm 1945, khi nước nhà vừa mới giành được độc lập, Hồ Chí Minh nêu lên một quan điểm: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁶. Người còn nói rõ thêm: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”⁷. Trong một bài nói chuyện ngày 10-5-1950, Hồ Chí Minh nói: “Đảng không phải làm quan, sai khiến quần chúng, mà phải làm đầy tớ cho quần chúng và phải làm cho ra trò, nếu không, quần chúng sẽ đá đít”¹. Từ đầu

những năm 20 của thế kỷ XX, Người viết: “Tiếng dân chính là truyền lại ý trời”². Ngay cả chức Chủ tịch nước của mình, Hồ Chí Minh cũng nói là “vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui”³.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần phê bình những cán bộ, đảng viên “vá mặt quan cách mạng” xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Hồ Chí Minh ý thức được rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất thiết phải là hiện thân của văn hóa dân tộc vì Đảng là đội tiên phong không những của giai cấp công nhân mà còn là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng viên không được cứ ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau; không phải cứ dán lên trán hai chữ “cộng sản” là dân tin, dân yêu, dân kính, dân phục, mà phải trong công tác hăng ngày cố gắng học dân, làm cho dân tin, tức là coi trọng chữ TÍN - dân tin Đảng và Đảng tin dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như lơ lửng giữa trời, nhất định sẽ thất bại. Mất lòng tin là mất tất cả. Hướng vào việc phục vụ dân - đó chính là yêu cầu của Hồ Chí Minh đối với Đảng. Đồng thời, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, Đảng “học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng”⁴, phải chú ý nâng cao dân chúng.

- Đoàn kết quốc tế. Đảng phải chú trọng giữ vững và tăng cường mối quan hệ quốc tế trong sáng. Điều này xuất phát từ tính chất quốc tế của giai cấp công nhân mà C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã nhiều lần đề cập. Đối với nguyên tắc này, Hồ Chí Minh coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới và trong Di chúc, Người mong Đảng “sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”⁵.

c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Hồ Chí Minh lưu ý phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa có đức vừa có tài, trong sạch, vững mạnh. Người đề cập những yêu cầu chủ yếu sau đây đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên:

- Phải tuyệt đối trung thành với Đảng

Cán bộ, đảng viên phải tuyệt đối trung thành với Đảng, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của cách mạng, vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, những người “đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết, vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc. Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau... Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi

ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng”¹.

- Phải là những người nghiêm chỉnh thực hiện cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng.

- Phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng.
- Phải luôn luôn học tập nâng cao trình độ về mọi mặt.
- Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân

Phải làm đầy tớ thật trung thành cho nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tiên phong, gương mẫu, chịu khó trước nhân dân và vui sau nhân dân, “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

- Phải luôn luôn chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo

Không bao giờ thụ động, không bao giờ lười biếng mà phải là những người “thắng không kiêu bại không nản”, luôn luôn có tinh thần sáng tạo, hăng hái, nêu cao trách nhiệm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân.

- Phải là những người luôn luôn phòng và chống các tiêu cực

Trong việc phòng và chống các tiêu cực, phải đặc biệt phòng và chống tham ô, lãng phí, quan liêu mà Hồ Chí Minh cho đó là giặc nội xâm, là những kẻ địch bên trong, “mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra”².

Hồ Chí Minh là người chỉ ra rất sớm, nêu rõ những tiêu cực của cán bộ, đảng viên và chỉ rõ những giải pháp khắc phục. Có thể đề cập sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên trên nhiều mặt: về tư tưởng chính trị, về đạo đức, lối sống, v.v. nhưng điều thường thấy nhất và trực tiếp nhất mà Hồ Chí Minh đề cập là về đạo đức, lối sống, về tinh thần trách nhiệm trong công việc. Hồ Chí Minh nghiêm khắc chỉ rõ: “Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi... thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi... thì phải hết sức sửa chữa... Chúng ta phải ghi sâu những chữ “công bình, chính trực” vào lòng”¹. Hồ Chí Minh còn cho rằng, một đảng giàu giément khuyết điểm của mình là một đảng hỏng, “Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ và đảng viên”². Trong các quan điểm của Hồ Chí Minh, có những về xử lý các mối quan hệ với những đức tính: nghiêm khắc và độ lượng; kỷ luật và khoan hòa; phòng đi trước và đi liền với chống; xử lý ba mối quan hệ đối với người, đối với việc và đối với mình đều trên cơ sở vừa có lý vừa có tình; có tấm lòng bao dung đi liền với xử lý một

cách đúng người, đúng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bất kể người đó là ai, đảng viên thường hay đảng viên là cán bộ giữ những chức vụ nào đó trong bộ máy của Đảng, Nhà nước cũng như trong bộ máy của hệ thống chính trị nói chung. Ở bài báo trong những tháng cuối cùng của cuộc đời Hồ Chí Minh là bài "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân" (đăng báo Nhân Dân, số 5409, ngày 3-2-1969), Người vẫn dành nhiều ý về vấn đề tư cách, đạo đức, chống sự suy thoái trong cán bộ, đảng viên. Sau khi nêu lên ưu điểm của đảng viên, Hồ Chí Minh chỉ ra "còn một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém". Những người này mang nặng chủ nghĩa cá nhân, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết; ngại gian khổ, sa vào tham ô, hủ hoá, lăng phí, xa hoa; tham danh, trực lợi, thích địa vị, quyền hành; coi thường tập thể, xem khinh quần chúng; độc đoán, chuyên quyền; mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh; không chịu học tập để tiến bộ; mắt đoàn kết, thiếu tính tổ chức, kỷ luật; kém tinh thần trách nhiệm; không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh viết: "Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân... Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên"".

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác cán bộ, vì Người cho rằng: "Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng"¹; cán bộ là gốc của mọi công việc, "muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém"². Trong công tác cán bộ, Hồ Chí Minh yêu cầu: Phải hiểu và đánh giá đúng cán bộ; phải chú trọng huấn luyện cán bộ, huấn luyện một cách thiết thực, có hiệu quả; phải đề bạt đúng cán bộ; phải sắp xếp, sử dụng cán bộ cho đúng; phải kết hợp "cán bộ cấp trên phái đến và cán bộ địa phương"³; phải chống bệnh địa phương cục bộ; phải kết hợp cán bộ trẻ với cán bộ cũ; phải phòng và chống các tiêu cực trong công tác cán bộ; phải thường xuyên kiểm tra, giúp đỡ cán bộ.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

1. Nhà nước dân chủ

a. Bản chất giai cấp của nhà nước

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam là nhà nước dân chủ, nhưng tuyệt nhiên nó

không phải là “Nhà nước toàn dân”, hiểu theo nghĩa là nhà nước phi giai cấp. Nhà nước ở đâu và bao giờ cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định. Nhà nước Việt Nam mới, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam thể hiện trên mấy phương diện:

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vị trí và vai trò cầm quyền. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Ngay trong quan điểm về nhà nước dân chủ, nhà nước do nhân dân là người chủ nắm chính quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh công - nông - trí, do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đảng cầm quyền bằng phương thức thích hợp sau đây: (1) Bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch; (2) Bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước; (3) Bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước. Đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu cách mạng nhất quán của Hồ Chí Minh. Việc giành lấy chính quyền, lập nên Nhà nước Việt Nam mới, chính là để giai cấp công nhân và nhân dân lao động có được một tổ chức mạnh mẽ nhằm thực hiện mục tiêu nói trên.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến cả hai mặt dân chủ và tập trung trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy, cơ quan nhà nước. Người nhấn mạnh đến sự cần thiết phải phát huy cao độ dân chủ, đồng thời cũng nhấn mạnh phải phát huy cao độ tập trung, Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Trong Nhà nước Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc. Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Trong tư tưởng của Người về Nhà nước mới ở Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc, thể hiện cụ thể như sau:

Một là, Nhà nước Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc. Từ giữa thế kỷ XIX, khi đất nước bị ngoại xâm, các tầng lớp nhân dân Việt Nam, hết thế hệ này đến thế hệ khác đã không quản hy sinh xương máu chiến

đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, với chiến lược đại đoàn kết đúng đắn, sức mạnh của toàn dân tộc đã được tập hợp và phát huy cao độ, chiến thắng ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhà nước Việt Nam mới, do vậy, không phải của riêng giai cấp, tầng lớp nào, mà là thuộc về nhân dân.

Hai là, Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Nhà nước Việt Nam mới là người đại diện, bảo vệ, đấu tranh không chỉ cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn của nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

Ba là, trong thực tế, Nhà nước mới ở Việt Nam đã đảm đương nhiệm vụ mà toàn thể dân tộc giao phó là tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đi đến chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định, cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước.

b. Nhà nước của nhân dân

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nhà nước của nhân dân là nhà nước mà tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Người khẳng định: “Trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân”¹. Nhà nước của dân túc là “dân là chủ”. Nguyên lý “dân là chủ” khẳng định địa vị chủ thể tối cao của mọi quyền lực là nhân dân.

Trong Nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp bởi đây là hình thức dân chủ hoàn bị nhất, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hành dân chủ trực tiếp.

Cùng với dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp hay dân chủ đại diện là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp:

- Quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của nhân dân. Tự bản thân nhà nước không có quyền

lực. Quyền lực của nhà nước là do nhân dân ủy thác cho. Do vậy, các cơ quan quyền lực nhà nước cùng với đội ngũ cán bộ của nó đều là “công bộc” của nhân dân, nghĩa là “gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”¹. Ở đây, Hồ Chí Minh đã xác định rõ vị thế và mối quan hệ giữa nhân dân với cán bộ nhà nước trên cơ sở nhân dân là chủ thể nắm giữ mọi quyền lực. Theo Hồ Chí Minh: “Dân làm chủ thì Chủ tịch, Bộ trưởng, thứ trưởng, uỷ viên này uỷ viên khác là làm gì? Làm đày tớ. Làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”²; “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đày tớ cho dân”³. Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán những cán bộ nhà nước thoái hóa, biến chất, từ chỗ là công bộc của dân đã trở thành “quan cách mạng”, đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, “cậy thế” với dân, “quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân”.

- Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên. Đây là quan điểm rõ ràng, kiên quyết của Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo cho mọi quyền lực, trong đó có quyền lực nhà nước, luôn nằm trong tay dân chúng. Một nhà nước thật sự của dân, theo Hồ Chí Minh, luôn “mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm trọn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”¹; trong Nhà nước đó, “nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”², thậm chí, “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”³.

- Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt căn bản của luật pháp trong Nhà nước Việt Nam mới với luật pháp của các chế độ tư sản, phong kiến là ở chỗ nó phản ánh được ý nguyện và bảo vệ quyền lợi của dân chúng. Luật pháp đó là của nhân dân, là công cụ thực thi quyền lực của nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.

c. Nhà nước do nhân dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước do nhân dân trước hết là nhà nước do nhân dân lập nên sau thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân “cử ra”, “tổ chức nên” nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết, v.v..

Nhà nước do nhân dân còn có nghĩa “dân làm chủ”. Người khẳng định rõ: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”⁴. Nếu “dân là chủ” xác định vị thế của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, thì “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân với tư cách là

người chủ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”⁵. Nhân dân làm chủ thì phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung, hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc, v.v..

Trong nhà nước do nhân dân làm chủ, nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được thực thi những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng dụng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Nhà nước do dân cùn coi trọng việc giáo dục nhân dân, đồng thời nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình. Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ”¹. Không chỉ tuyên bố quyền làm chủ của nhân dân, cũng không chỉ đưa nhân dân tham gia công việc nhà nước, mà còn chuẩn bị và động viên nhân dân chuẩn bị tốt năng lực làm chủ, quan điểm đó thể hiện tư tưởng dân chủ triệt để của Hồ Chí Minh khi nói về nhà nước do nhân dân.

d. Nhà nước vì nhân dân

Nhà nước vì nhân dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Hồ Chí Minh là một vị Chủ tịch vì dân và Người yêu cầu các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước đều phải vì nhân dân phục vụ. Người nói: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhắm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”². Theo Hồ Chí Minh, thước đo một Nhà nước vì dân là phải được lòng dân. Hồ Chí Minh đặt vấn đề với cán bộ Nhà nước phải “làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu”, đồng thời chỉ rõ: “muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư”³. Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đày tö, nhưng đồng thời phải vừa là người lãnh đạo nhân dân. Hai đòi hỏi này tưởng chừng như mâu thuẫn, nhưng đó là những phẩm chất cần có ở người cán bộ nhà nước vì dân. Là đày tö thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Như vậy, để làm người thay mặt nhân dân phải

gồm đủ cả đức và tài, phải vừa hiền lại vừa minh. Phải như thế thì mới có thể “chẳng những làm những việc trực tiếp có lợi cho dân, mà cũng có khi làm những việc mới xem qua như là hại đến dân”¹, nhưng thực chất là vì lợi ích toàn cục, vì lợi ích lâu dài của nhân dân.

2. Nhà nước pháp quyền

a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp

Hồ Chí Minh luôn chú trọng vấn đề xây dựng nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam mới. Người đã sớm thấy rõ tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội. Điều này thể hiện trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam của nhóm những người Việt Nam yêu nước tại Pháp do Người thay mặt nhóm gửi đến Hội nghị Vécxây (Pháp) năm 1919. Bản Yêu sách đó nêu ra yêu cầu “cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách làm cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những bảo đảm về mặt pháp luật như người Âu châu; xoá bỏ hoàn toàn các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam”; “Thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”².

Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh càng quan tâm sâu sắc hơn việc bảo đảm cho Nhà nước được tổ chức và vận hành phù hợp với pháp luật, đồng thời, căn cứ vào pháp luật để điều hành xã hội, làm cho tinh thần pháp quyền thẩm sâu và điều chỉnh mọi quan hệ và hoạt động trong Nhà nước và xã hội.

Chính vì thế, chỉ một ngày sau khi đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (ngày 3-9-1945), Hồ Chí Minh đã đề nghị: “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu”³ để lập nên Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy hợp hiến, thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân như vậy thì nước ta mới có cơ sở pháp lý vững chắc để làm việc với quân Đồng Minh, mới có quan hệ quốc tế bình đẳng, mới thiết lập được một cơ chế quyền lực hợp pháp theo đúng thông lệ của một Nhà nước pháp quyền hiện đại.

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6-1-1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như lần đầu tiên ở Đông Nam châu Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo... đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình tham gia Quốc hội. Ngày 2-3-1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch

Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

b. Nhà nước thương tôn pháp luật

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng Hiến pháp và pháp luật nói chung. Muốn vậy, trước hết, cần làm tốt công tác lập pháp. Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng hệ thống luật pháp dân chủ, hiện đại. Ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp (Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959), đã ký lệnh công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh trong đó có 243 sắc lệnh quy định về tổ chức Nhà nước và pháp luật, và nhiều văn bản dưới luật khác. Trong bối cảnh đất nước phải vừa kháng chiến, vừa kiến quốc vô cùng cùng khó khăn, sự ra đời của hệ thống luật pháp như trên thể hiện rất rõ nỗ lực của Hồ Chí Minh và Nhà nước Việt Nam trong công tác lập pháp.

Cùng với công tác lập pháp, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống, đảm bảo cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật.

Hồ Chí Minh chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực sử dụng luật của người dân, giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong nhân dân. Pháp luật là công cụ quyền lực của nhân dân, vì thế điều quan trọng là phải “làm sao cho dân biết hưởng quyền dân chủ, biến dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”¹. Người cho rằng, công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt cho thế hệ trẻ trở nên cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền, bảo đảm mọi quyền và nghĩa vụ công dân được thực thi trong cuộc sống. Việc thực thi pháp luật có quan hệ rất lớn đến trình độ dân trí của nhân dân, vì vậy, Hồ Chí Minh chú trọng đến vấn đề nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân, làm cho nhân dân có ý thức chính trị trong việc tham gia công việc của chính quyền các cấp.

Hồ Chí Minh luôn nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật. Người tuyên bố: “Pháp luật Việt Nam tuy khoan hồng với những người biết cải tà quy chính, nhưng sẽ thẳng tay trừng trị những tên Việt gian đầu sỏ đã bán nước buôn dân”². Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và phải đủ; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi pháp luật phải thật sự công tâm và nghiêm minh, v.v.. Người phê phán những hiện tượng thể hiện tính thiếu nghiêm minh của pháp luật, như: “thường có khi quá rộng, mà phạt thì

không nghiêm”³, lẩn lộn giữa công và tội.

Hồ Chí Minh luôn luôn khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của Nhà nước, giám sát quá trình Nhà nước thực thi pháp luật, đồng thời không ngừng nhắc nhở cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp. Trong thư gửi Hội nghị tư pháp toàn quốc, Người viết: “Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lẽ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” cho nhân dân noi theo”⁴. Bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Người tự giác khép mình vào kỷ luật, vào việc gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh.

c. Pháp quyền nhân nghĩa

“Pháp quyền nhân nghĩa” tức là trước hết Nhà nước phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền con người, chăm lo đến lợi ích của mọi người. Tiếp thu và vận dụng sáng tạo các lý thuyết hiện đại về quyền con người, Hồ Chí Minh tiếp cận quyền con người một cách toàn diện. Người đề cập đến các quyền tự nhiên của con người, trong đó quyền cao nhất là quyền sống; đồng thời cũng đề cập đến cả các quyền chính trị - dân sự, quyền kinh tế, văn hóa, xã hội của con người. Người chú trọng quyền của công dân nói chung, đồng thời cũng chú trọng đến quyền của những nhóm người cụ thể như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, v.v.. Sự nghiệp cách mạng chân chính cần đấu tranh cho quyền con người, vì thế, mục tiêu giải phóng con người, làm cho mọi người có được cuộc sống hạnh phúc, tự do xứng với phẩm giá con người, được hưởng dụng các quyền con người một cách đầy đủ nhất đã hòa quyện một cách hữu cơ và trở thành mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời luôn nhất quán quan điểm kiên quyết đấu tranh cho quyền con người. Hiến pháp của đất nước đã ghi nhận một cách toàn diện quyền con người ở Việt Nam. Đó là nền tảng pháp lý để bảo vệ và thực thi các quyền con người đó một cách triệt để.

Trong pháp quyền nhân nghĩa, pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện. Cho nên, ngay khi thành lập, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã lập tức tuyên bố xoá bỏ mọi luật pháp hà khắc của chính quyền thực dân phản động. Tính nhân văn của hệ thống luật pháp thể hiện ở việc ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người; ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng, tuyệt đối chống đối xử với con người một cách dã man. Ngay cả đối với những kẻ phản bội Tổ quốc, Hồ Chí

Minh tuyên bố rõ: “Chính phủ Việt Nam sẽ tha thứ hay trừng trị họ theo luật pháp tuỳ theo thái độ của họ hiện nay và về sau. Nhưng sẽ không có ai bị tàn sát”¹. Đặc biệt, hệ thống luật pháp đó có tính khuyến thiện, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lấy mục đích giáo dục, cảm hóa, thức tỉnh con người làm căn bản. Với Hồ Chí Minh, việc xây dựng và thi hành pháp luật phải dựa trên nền tảng đạo đức của xã hội và các giá trị đạo đức thâm sâu vào trong mọi quy định của pháp luật. Nói cách khác, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa phải là pháp luật vì con người.

3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh

a. Kiểm soát quyền lực nhà nước

Để giữ vững bản chất của Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước hoạt động có hiệu quả, phòng chống thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ Nhà nước, Hồ Chí Minh rất chú trọng vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, kiểm soát quyền lực nhà nước là tất yếu. Các cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước, dù ít hay nhiều đều nắm giữ quyền lực trong tay.

Quyền lực này là do nhân dân ủy thác cho. Nhưng một khi đã nắm giữ quyền lực, cơ quan nhà nước hay cán bộ nhà nước đều có thể trở nên lạm quyền. Người chỉ rõ: “dân ghét các ông chủ tịch, các ông Ủy viên vì cái tật ngông nghênh, cậy thế, cậy quyền. Những ông này không hiểu nhiệm vụ và chính sách của Việt Minh, nên khi nắm được chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng”¹. Vì thế, để đảm bảo tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân, cần kiểm soát quyền lực nhà nước.

Về hình thức kiểm soát quyền lực Nhà nước, theo Hồ Chí Minh, trước hết, cần phát huy vai trò, trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc, là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, chính vì vậy, Đảng có quyền và có trách nhiệm kiểm soát quyền lực Nhà nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Công việc của Đảng và Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng. Và muốn như vậy, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường công tác kiểm tra. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm trọn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân”². Để kiểm soát có kết quả tốt, theo Hồ Chí Minh, cần có hai điều kiện là việc kiểm soát phải có hệ thống và người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín. Người còn nêu rõ hai cách kiểm soát là từ trên xuống và từ dưới lên. Người nhấn mạnh, phải “khéo kiểm soát”.

Vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước dựa trên cách thức tổ chức bộ máy nhà nước và

việc phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước bước đầu cũng đã được Hồ Chí Minh đề cập đến. Hiến pháp năm 1946 do Hồ Chí Minh ghi rõ một số hình thức kiểm soát bên trong Nhà nước, trong đó nổi bật là kiểm soát của Nghị viện nhân dân đối với Chính phủ, chẳng hạn, Nghị viện nhân dân có quyền “Kiểm soát và phê bình Chính phủ”, “Bộ trưởng nào không được Nghị viện tín nhiệm thì phải từ chức”, v.v..

Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực Nhà nước, vì thế, nhân dân có quyền kiểm soát quyền lực Nhà nước. Đây là hình thức được Hồ Chí Minh đề cập rất cụ thể. Người nhấn mạnh: “Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”¹. Đảng cầm quyền cần chú ý phát huy vai trò kiểm soát quyền lực của nhân dân, bởi so với số nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu, hàng trăm người dân mới có một đảng viên. Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết. Đối với Nhà nước, là công bộc của dân, “mọi công tác phải dựa hẳn vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra”².

b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Việt Nam, Hồ Chí Minh thường nói đến những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục.

Đặc quyền, đặc lợi. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời để vơ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

Tham ô, lãng phí, quan liêu. Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng”, thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Người thường phê bình những người “lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức”³. Quan điểm của Hồ Chí Minh là: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến... Tối lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”⁴. Ngày 27-11-1946, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh án định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khốc sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26-1-1946, Hồ Chí Minh ký lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp đến mức cao nhất là tử hình.

Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh lên án gay gắt. Chính bản thân Người luôn làm gương, tích cực thực hành chống lãng phí trong cuộc sống và công việc hằng ngày. Người quý trọng từng đồng xu, bát gạo do dân đóng góp cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Lãng phí ở đây được Hồ

Chí Minh xác định là lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí tiền của. Chống lãng phí là biện pháp để tiết kiệm, là quốc sách của mọi quốc gia.

Bệnh quan liêu không những có ở cấp trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện mà còn có ngay ở cả cấp cơ sở. Hồ Chí Minh phê bình những người và các cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không đi sâu từng vấn đề. Bệnh quan liêu làm cho chúng ta chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn... thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững... Thế là bệnh *quan liêu* đã áp dù, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, đây là bệnh gốc sinh ra các bệnh tham ô, lãng phí; muốn trừ sạch bệnh tham ô, lãng phí thì trước hết phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

“*Tư túng*”, “*chia rẽ*”, “*kiêu ngạo*”. Những căn bệnh trên gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kéo bè, béo cánh, tệ nạn bà con bạn hữu mình không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Trong chính quyền, còn hiện tượng gây mất đoàn kết, không biết cách làm cho mọi người hoà thuận với nhau, còn có người “bệnh vực lợp này, chống lại lợp khác”. Ngoài bệnh cậy thế, có người còn kiêu ngạo, “tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi. cứ chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng””¹, làm mất uy tín của Chính phủ.

Để tìm ra biện pháp phòng, chống tiêu cực trong bộ máy nhà nước, Hồ Chí Minh đã dày công luận giải nguyên nhân này sinh tiêu cực. Những nguyên nhân này được Hồ Chí Minh tiếp cận rất toàn diện. Trước hết là nguyên nhân chủ quan, bắt nguồn từ căn “bệnh mệ” là chủ nghĩa cá nhân, từ sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện của bản thân cán bộ. Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khách quan, từ gần đến xa, là do công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước chưa tốt; do cách tổ chức, vận hành trong Đảng, trong Nhà nước, sự phối hợp giữa Đảng với Nhà nước chưa thật sự khoa học, hiệu quả; do trình độ phát triển còn thấp của đời sống xã hội; do tàn dư của những chính sách phản động của chế độ thực dân, phong kiến; do âm mưu chống phá của các lực lượng thù địch, v.v.. Các nguyên nhân này không tồn tại biệt lập với nhau, mà có sự kết hợp với nhau, tiến công vào đội ngũ cán bộ. Nếu Đảng và Nhà nước không có biện pháp phòng, chống tốt, không có chính sách bảo vệ cán bộ một cách có

hiệu quả, thì nguy cơ mất cán bộ là rất lớn.

Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước là nhiệm vụ hết sức khó khăn. Trong nhiều tác phẩm khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau, Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiều biện pháp khác nhau. Khái quát lại, có thể thấy nổi bật một hệ thống biện pháp cơ bản như sau:

Một là, nâng cao trình độ dân chủ trong xã hội, thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy quyền làm chủ của nhân dân đó là giải pháp căn bản và có ý nghĩa lâu dài.

Hai là, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra phải thường xuyên. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc và tự giác tuân thủ pháp luật, kỷ luật. Đối với những kẻ thoái hóa, biến chất, pháp luật phải “thẳng tay trùng trị”, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Trong Nhà nước “trăm điều phải có thần linh pháp quyền” thì tuyệt nhiên không có báu cứ vùng cấm nào.

Ba là, phạt nghiêm minh, nghiêm khắc, đúng người đúng tội là cần thiết, song việc gì cũng xử phạt thì lại không đúng. Cần coi trọng giáo dục, lấy giáo dục, cảm hóa làm chủ yếu. Chỉ có như vậy mới làm cho cái tốt trong mỗi người nảy nở như hoa mùa Xuân và cái xấu mất dần đi. Trong giáo dục cán bộ, phải coi trọng giáo dục đạo đức, xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức của người cầm quyền, khơi dậy lương tâm trong mỗi con người. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư””¹.

Bốn là, cán bộ phải đi trước làm gương, cán bộ giữ chức vụ càng cao, trách nhiệm nêu gương càng lớn. Cán bộ, người đứng đầu có ý thức nêu gương tu dưỡng đạo đức, chống tiêu cực, sẽ có tác động rất mạnh mẽ đến cấp dưới, đến nhân dân, góp phần gây nên những đức tính tốt trong nhân dân. Đây là một nét đặc sắc trong văn hóa chính trị Việt Nam.

Năm là, phải huy động sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước vào cuộc chiến chống lại tiêu cực trong con người, trong xã hội và trong bộ máy Nhà nước. Bất kỳ người Việt Nam nào có lòng tự hào, tự tôn dân tộc, thì dù là người dân bình thường, hay cán bộ, đảng viên, thì đều phải có trách nhiệm tu dưỡng và thực hành đạo đức cách mạng.

III. VẬN DỤNG TƯ TUỔNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC

1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh

Phải đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn. “Sai một ly thì đi một dặm”, đó là tầm quan trọng của đường lối, chủ trương của Đảng. Đường lối, chủ trương này phải dựa trên nền tảng

lý luận Mác - Lêin sáng tạo và tư tưởng Hồ Chí Minh; phải phù hợp với hoàn cảnh của đất nước từng giai đoạn, thời kỳ.

Phải tổ chức thực hiện thật tốt đường lối, chủ trương của Đảng. Phải thể chế hóa và phải biến thành hành động tích cực nhất của tất cả các tổ chức của hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt quan trọng là thực thi và phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đối với đội ngũ cán bộ chiến lược, đặc biệt quan trọng nữa là người đứng đầu phải nêu cao trách nhiệm làm gương tốt để mọi người noi theo.

Phải chú trọng hơn nữa công tác chỉnh đốn Đảng. Sự nghiệp cách mạng nói chung và sự nghiệp đổi mới đất nước có thành công hay không hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng, trong đó có sự trong sạch của bản thân Đảng. Thường xuyên chỉnh đốn nội bộ để Đảng xứng đáng là người cầm quyền, để đảng viên luôn xứng đáng vừa là người lãnh đạo vừa là người dày tớ thật trung thành của nhân dân. Phải làm cho Đảng luôn là “Đảng là đạo đức, là văn minh” như Hồ Chí Minh đã nêu. Cái thiếu nhất hiện nay là sự thống nhất giữa nói và làm trong Đảng. Phải quán triệt sâu sắc hơn nữa trong Đảng tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh về thống nhất giữa nói và làm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để Đảng sử dụng và phát huy tốt quyền lực do dân giao phó nhằm phục vụ sự phát triển của dân tộc, đưa đất nước tiến những bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cho đất nước hùng cường, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc như tiêu đề mà Hồ Chí Minh đã viết trong các văn bản hành chính.

Những sinh viên đang là đảng viên của Đảng cần chú trọng thực hiện thật tốt đường lối, quan điểm, chủ trương, điều lệ Đảng, phải là công dân gương mẫu và là sinh viên tốt. Những sinh viên chưa là đảng viên cần nghiên cứu, học tập thật tốt tư tưởng Hồ Chí Minh, phấn đấu trở thành người đảng viên hoặc người tích cực ủng hộ

Đảng, góp phần đưa nước nhà sánh vai với các cường quốc năm châu, như Hồ Chí Minh đã viết trong Thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tháng 9-1945.

2. Xây dựng Nhà nước

Phải xây dựng Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh. Cần đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát

quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

Phải xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng phải tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ, công chức. Đây mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp để thực thi đầy đủ trách nhiệm công vụ, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ

trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Bản chất, tính chất của Nhà nước gắn liền với vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền, do đó, đến lượt Đảng, một tiền đề tất yếu được đặt ra là sự trong sạch, vững mạnh của Đảng là yếu tố quyết định cho sự thành công của việc xây dựng Nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam để phân tích vấn đề phòng và chống các tiêu cực trong Đảng hiện nay.
2. Phân tích những điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Việt Nam.
3. Trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo giai đoạn hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cần chú ý những vấn đề gì?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng của Đảng ta, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2009.
4. Nguyễn Đình Lộc: Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
5. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
7. Song Thành: *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.

8. Mạch Quang Thắng: *Hồ Chí Minh - Con người của sự sống*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

Chương V

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

MỤC TIÊU

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp đổi mới đất nước.
- Về kỹ năng: Góp phần làm cho sinh viên rèn luyện kỹ năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế vào trong cuộc sống giai đoạn hiện nay.
- Về tư tưởng: Củng cố niềm tin của sinh viên vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc và sự kết hợp sức mạnh dân tộc Việt Nam với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc

- a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân tộc không phải là sách lược hay thủ đoạn chính trị mà là chiến lược lâu dài, nhất quán của cách mạng Việt Nam. Người nói rõ: “Sử dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”. Đây là vấn đề mang tính sống còn của dân tộc Việt Nam nên chiến lược này được duy trì cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp đại đoàn kết có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng khác nhau, song không bao giờ được thay đổi chủ trương đại đoàn kết dân tộc, vì đó là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng.

Từ thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã khái quát thành nhiều luận điểm mang tính chân lý về vai trò và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc: “Đoàn kết là sức

mạnh của chúng ta.”¹, “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”², “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”³, “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”⁴, “Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mèo. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết”. Người đã đi đến kết luận:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công”.

b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam

Đối với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu chiến lược mà còn là mục tiêu lâu dài của cách mạng. Đảng là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam nên tất yếu đại đoàn kết toàn dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng và nhiệm vụ này phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách, tới hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”¹.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng. Đại đoàn kết là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng bởi nếu không đoàn kết thì chính họ sẽ thất bại trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của chính mình. Nhận thức rõ điều đó, Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

2. Lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc

a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, theo Hồ Chí Minh bao gồm toàn thể nhân dân, tất cả những người Việt Nam yêu nước ở các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, các ngành, các giới, các lứa tuổi, các dân tộc, đồng bào các tôn giáo, các đảng phái, v.v.. “Nhân dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa được hiểu với nghĩa là con người Việt Nam cụ thể, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân và cả hai đều là chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nói đại đoàn kết toàn dân tộc cũng có nghĩa là phải tập hợp được tất cả mọi

người dân vào một khối thống nhất, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, ở trong nước hay ở ngoài nước cùng hướng vào mục tiêu chung, “ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”. Từ “ta” ở đây là chủ thể, vừa là Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, vừa là mọi người dân Việt Nam nói chung.

Hồ Chí Minh còn chỉ rõ, trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc để tập hợp lực lượng, không bỏ sót một lực lượng nào miễn là họ có lòng trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, không phản bội lại quyền lợi của nhân dân. Tư tưởng của Người đã định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Muốn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải xác định rõ đâu là nền tảng của khối đoàn kết dân tộc và những lực lượng nào tạo nên nền tảng đó. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền, gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”¹. Như vậy, lực lượng làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo quan điểm của Hồ Chí Minh là công nhân, nông dân và trí thức. Nền tảng này ngày càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng có thể mở rộng, khi ấy không có thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải đặc biệt chú trọng yếu tố “hạt nhân” là sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng vì đó là điều kiện cho sự đoàn kết ngoài xã hội. Sự đoàn kết của Đảng càng được củng cố thì sự đoàn kết toàn dân tộc càng được tăng cường, Đảng đoàn kết, dân tộc đoàn kết và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân đã tạo nên sức mạnh bên trong của cách mạng Việt Nam để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, chiến thắng mọi kẻ thù, đi tới thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quy tụ, đoàn kết được mọi giai cấp, tầng

lớp cần phải bảo đảm các điều kiện sau:

Một là, phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc. Truyền thống này được hình thành, củng cố và phát triển trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của dân tộc và đã trở thành giá trị bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam, được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Truyền thống đó là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng mọi thiên tai địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

Hai là, phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người. Theo Hồ Chí Minh, trong mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu... Cho nên, vì lợi ích của cách mạng, cần phải có lòng khoan dung độ lượng, trân trọng cái phần thiện dù nhỏ nhất ở mỗi người, có vậy mới tập hợp, quy tụ rộng rãi mọi lực lượng. Người từng căn dặn đồng bào: “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này hay thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng, đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối làm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vang”.

Ba là, phải có niềm tin vào nhân dân. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, phấn đấu vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao trong cuộc sống. Nguyên tắc này vừa là sự tiếp nối truyền thống dân tộc “Nước lấy dân làm gốc”, “Chở thuyền và lật thuyền cũng là dân”, đồng thời là sự quán triệt sâu sắc nguyên lý mácxit “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Dân là chỗ dựa vững chắc, đồng thời cũng là nguồn sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyết định thắng lợi của cách mạng. Vì vậy, muốn thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, phải có niềm tin vào nhân dân.

4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất

a. Mặt trận dân tộc thống nhất

Khối đại đoàn kết toàn dân tộc chỉ trở thành lực lượng to lớn, có sức mạnh khi được tập hợp, tổ chức lại thành một khối vững chắc, đó là Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi người dân nước Việt, cả trong nước và kiều

bào sinh sống ở nước ngoài. Hồ Chí Minh rất chú trọng đến việc tập hợp quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp như các hội ái hữu hay tương trợ, công hội hay nông hội, đoàn thanh niên hay hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng hay phụ lão, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước hay những nghiệp đoàn... trong đó bao trùm là Mặt trận dân tộc thống nhất.

Tùy theo từng thời kỳ và căn cứ vào nhiệm vụ của từng chặng đường cách mạng, Mặt trận dân tộc thống nhất có những tên gọi khác nhau như: Hội phản đế đồng minh (1930), Mặt trận Dân chủ (1936), Mặt trận nhân dân phản đế (1939), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận Liên Việt (1951), Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955, 1976). Tuy nhiên, thực chất chỉ là một, đó là tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức, cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất cần được xây dựng và hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc:

Một là: Phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân - trí thức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hồ Chí Minh xác định mục đích chung của Mặt trận dân tộc thống nhất là nhằm tập hợp tối mức cao nhất của lực lượng dân tộc vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mặt trận là một khối đoàn kết chặt chẽ, có tổ chức trên nền tảng khối liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là nguyên tắc cốt lõi trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó để mở rộng Mặt trận, làm cho Mặt trận thực sự quy tụ được cả dân tộc, kết thành một khối vững chắc trong Mặt trận. Người viết: “Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông cho, nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất”. Người chỉ rõ rằng, sở dĩ phải lấy liên minh công nông làm nền tảng “vì họ là người trực tiếp sản xuất tất cả mọi tài phú làm cho xã hội sống. Vì họ đói hơn hết, mà cũng bị áp bức bóc lột nặng nề hơn hết. Vì chí khí cách mạng của họ chắc chắn, bền bỉ hơn của mọi tầng lớp khác”. Người căn dặn, không nên chỉ nhấn mạnh vai trò của công nông, mà còn phải thấy vai trò và sự cần thiết phải liên minh với các giai cấp khác, nhất là với đội ngũ trí thức.

Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo, Đảng không có lợi ích riêng, mà gắn liền với lợi ích toàn xã hội, toàn dân tộc. Đảng lãnh đạo đối với Mặt Trận thể hiện ở khả

năng nắm bắt thực tiễn, phát hiện ra quy luật khách quan sự vận động của lịch sử để vạch đường lối và phương pháp cách mạng phù hợp, lãnh đạo Mặt trận hoàn thành nhiệm vụ của mình là đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội

Hai là: Phải xuất phát từ mục tiêu vì nước vì dân.

Mục đích chung của Mặt trận được Hồ Chí Minh xác định cụ thể, phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, nhằm tập hợp tới mức cao nhất lực lượng dân tộc vào khối đại đoàn kết. Theo Người, đại đoàn kết phải xuất phát từ mục tiêu vì nước, vì dân, trên cơ sở yêu nước, thương dân, chống áp bức bóc lột, nghèo nàn lạc hậu. Người cho rằng, nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì. Vì vậy, đoàn kết phải lấy lợi ích tối cao của dân tộc, lợi ích căn bản của nhân dân lao động làm mục tiêu phấn đấu, đây là nguyên tắc bất di bất dịch, là ngọn cờ đoàn kết và là mẫu số chung để quy tụ các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, dân tộc và tôn giáo vào trong Mặt trận.

Ba là: Phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc, bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo khác nhau, với nhiều lợi ích khác nhau. Do vậy, hoạt động của Mặt trận phải dựa trên nguyên tắc hiệp thương dân chủ. Mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức. Những lợi ích riêng chính đáng, phù hợp với lợi ích chung của đất nước, của dân tộc cần được tôn trọng, những gì riêng biệt, không phù hợp sẽ dần được giải quyết bằng lợi ích chung của dân tộc, bằng sự nhận thức ngày càng đúng đắn hơn của mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Do vậy, hoạt động của Mặt trận phải theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ mới quy tụ được các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo vào Mặt trận dân tộc thống nhất.

Bốn là: Phải đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết trong Mặt trận phải là lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Trong Mặt trận, các thành viên có những điểm tương đồng nhưng cũng có những điểm khác biệt, nên cần có sự bàn bạc để đi đến nhất trí. Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “cầu đồng tồn dị”, lấy cái chung để hạn chế cái

riêng, cái khác biệt; đồng thời Người nêu rõ: “Đoàn kết thực sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân” để tạo nên sự đoàn kết gắn bó chặt chẽ, lâu dài tạo tiền đề mở rộng khối đại đoàn kết trong mặt trận dân tộc thống nhất.

5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Một là, làm tốt công tác vận động quần chúng (Dân vận)

Hồ Chí Minh coi đoàn kết, đại đoàn kết như một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của Đảng. Để thực hiện mục tiêu đó thì phải làm tốt công tác vận động quần chúng. Vận động quần chúng để thu hút quần chúng chính là để đoàn kết mọi người, tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa. Theo Người, để phát huy đầy đủ vai trò, trí tuệ, khả năng to lớn của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước cũng như mọi cán bộ, đảng viên phải biết làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ và vận động quần chúng nhân dân thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; phải giúp nhân dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của người công dân đối với Đảng, với Tổ quốc và với dân tộc, từ đó họ tích cực, chủ động, tự giác phấn đấu và cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Người dặn: “cần phải chịu khó tìm đủ cách giải thích cho họ hiểu rằng: những việc đó là vì lợi ích của họ mà làm”. Theo Hồ Chí Minh, mọi phương pháp tiếp cận và vận động quần chúng đều phải phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của quần chúng; đồng thời phải xuất phát từ thực tế trình độ dân trí và văn hóa, theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp, bao gồm các phong tục, tập quán và cụ thể đối với từng địa phương, từng đối tượng của nhân dân.

Hai là, thành lập đoàn thể, tổ chức quần chúng phù hợp với từng đối tượng để tập hợp quần chúng.

Theo Hồ Chí Minh, để tập hợp quần chúng nhân dân một cách có hiệu quả, cần phải tổ chức đoàn thể, tổ chức quần chúng. Đây là những tổ chức để tập hợp, giáo dục, rèn luyện quần chúng cho phù hợp với từng giai cấp, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, vùng miền... như các tổ chức: Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ. Các đoàn thể, tổ chức quần chúng có nhiệm vụ giáo dục, động viên và phát huy tính tích cực của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ của cách mạng trong từng giai đoạn.

Các đoàn thể, tổ chức quần chúng ra đời, dưới sự lãnh đạo của Đảng, có nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia cách mạng, đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Chính vì vậy mà trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, xây dựng và bảo vệ đất nước, các tổ chức đoàn thể không ngừng lớn mạnh về số lượng, hoạt động ngày càng có hiệu quả, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng, là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân.

Ba là, các đoàn thể, tổ chức quần chúng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Theo Hồ Chí Minh, các đoàn thể, tổ chức quần chúng hợp thành Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi, càng chặt chẽ, thống nhất bao nhiêu thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng mạnh mẽ, càng bền vững bấy nhiêu. Các đoàn thể, tổ chức quần chúng và Mặt trận dân tộc thống nhất là sợi dây gắn kết Đảng với nhân dân. Người khẳng định: “Những đoàn thể ấy là tổ chức của dân, phần đầu cho dân, bênh vực quyền của dân, liên lạc mật thiết nhân dân với Chính phủ”. Như vậy, bản chất của đoàn thể nhân dân, các tổ chức quần chúng là tổ chức của dân, do đó vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là phải vận động quần chúng bao gồm các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội tham gia vào các tổ chức của mình. Công tác vận động quần chúng phải dựa trên chiến lược: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”. Đối với các đoàn thể, tổ chức quần chúng, Hồ Chí Minh cho rằng, được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất, do vậy đều có sự chỉ đạo trong công tác vận động, thu hút, tập hợp quần chúng tham gia sinh hoạt trong tổ chức của mình. Người chỉ rõ: “Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam... Phải đoàn kết tốt các đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tiến bộ. Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc. Phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận, ấm no, xây dựng Tổ quốc”.

II. TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế

a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

Theo Hồ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam. Đây là một trong những

nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế và cũng là một trong những bài học quan trọng nhất, mang tính thời sự sâu sắc nhất của cách mạng Việt Nam.

Sức mạnh dân tộc là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực, tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do... Sức mạnh đó đã giúp cho dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thử thách, khó khăn trong dựng nước và giữ nước.

Sức mạnh thời đại là sức mạnh của phong trào cách mạng thế giới, đó còn là sức mạnh của chủ nghĩa Mác - Lê nin được xác lập bằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Trong quá trình hoạt động cách mạng, nhờ chú ý tổng kết thực tiễn dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lê nin, Hồ Chí Minh đã từng bước phát hiện ra sức mạnh vĩ đại tiềm ẩn trong các phong trào cách mạng thế giới mà Việt Nam cần tranh thủ. Các phong trào đó nếu được liên kết, tập hợp trong khối đoàn kết quốc tế sẽ tạo nên sức mạnh to lớn.

Hồ Chí Minh đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới ngay từ khi tìm thấy con đường cứu nước. Người cho rằng, cách mạng Việt Nam chỉ có thể thành công khi thực hiện đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; đại đoàn kết toàn dân tộc là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế. Cùng với quá trình phát triển thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong quan hệ với tình hình quốc tế, tư tưởng đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới đã được Hồ Chí Minh phát triển ngày càng đầy đủ, rõ ràng và cụ thể hơn.

b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải được gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; thực hiện đoàn kết quốc tế không chỉ vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vì các mục tiêu cách mạng của thời đại.

Thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động chính trị là thời đại đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng cho các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người.

Ngay sau khi năm được đặc điểm của thời đại mới, Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để

phá thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Trong suốt quá trình đó, Người không chỉ phát huy triệt để sức mạnh chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc mình mà còn kiên trì đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng thế giới đấu tranh cho mục tiêu chung: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, muốn tăng cường đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung, các đảng cộng sản trên thế giới phải kiên trì chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sôvanh... - những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết, thống nhất các lực lượng cách mạng thế giới. Nói cách khác, các đảng cộng sản phải tiến hành có hiệu quả việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cho nhân dân.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh, thắng lợi của độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhờ kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đã được bổ sung nguồn lực mới. Nhờ giường cao ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế, huy động được sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, làm cho sức mạnh dân tộc được nhân lên gấp bội, chiến thắng được những kẻ thù có sức mạnh to lớn hơn mình về nhiều mặt.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của dân tộc và thời đại. Bởi lẽ, nhân dân Việt Nam không chỉ chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước mình mà còn vì độc lập, tự do của các nước khác, không chỉ bảo vệ lợi ích sống còn của dân tộc mình mà còn vì những mục tiêu cao cả của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

a. Các lực lượng cần đoàn kết

Lực lượng đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm: Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và phong trào hoà bình, dân chủ thế giới, trước hết là phong trào chống chiến tranh của nhân dân các nước đang xâm lược Việt Nam.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh cho rằng, sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân quốc tế là một bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Chủ trương đoàn kết giai cấp công nhân quốc tế, đoàn kết giữa các đảng cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh

xuất phát từ tính tất yếu về vai trò của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay. Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa tư bản là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động toàn thế giới. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có sức mạnh của sự đoàn kết, nhất trí, sự đồng tình và ủng hộ lẫn nhau của lao động toàn thế giới theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em” mới có thể chống lại được những âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã thấy rõ âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc. Chính vì vậy, Người đã lưu ý Quốc tế Cộng sản về những biện pháp nhằm “làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phuong Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”¹. Thêm vào đó, để tăng cường đoàn kết giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản chính quốc, Hồ Chí Minh còn đề nghị Quốc tế Cộng sản, bằng mọi cách phải “làm cho đội quân tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phuong Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành thắng lợi cuối cùng”².

Đối với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hoà bình, dân chủ, tự do và công lý, Hồ Chí Minh cũng tìm mọi cách để thực hiện đoàn kết. Trong xu thế mới của thời đại, sự thức tỉnh dân tộc gắn liền với sự thức tỉnh giai cấp, Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với mục tiêu bảo vệ hòa bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

Gắn cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc với mục tiêu hòa bình, tự do và công lý, Hồ Chí Minh đã khơi gợi lương tri của loài người tiến bộ tạo nên những tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ của các tổ chức quần chúng, các nhân sĩ trí thức và từng con người trên hành tinh. Thật hiếm có những cuộc đấu tranh giành được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi và lớn lao như vậy. Đã nhiều lần, Hồ Chí Minh khẳng định: Chính vì đã biết kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và của các dân tộc bị áp bức, mà Đảng đã vượt qua được mọi khó khăn, đưa giai cấp công nhân và nhân dân ta đến những thắng lợi vẻ vang.

b. Hình thức tổ chức

Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là vấn đề sách lược, một thủ đoạn chính trị nhất thời mà là vấn đề có tính nguyên tắc, một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam. Từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm về thành lập “Mặt trận

thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa”¹ chống chủ nghĩa đế quốc, đồng thời kiên nghị Quốc tế Cộng sản cần có giải pháp cụ thể để quan điểm này trở thành sự thật.

Đối với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt. Cả ba dân tộc đều là láng giềng gần gũi của nhau, có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa và cùng chung một kẻ thù là thực dân Pháp. Năm 1941, để khơi dậy sức mạnh và quyền tự quyết của mỗi dân tộc, theo đúng quan điểm của Hồ Chí Minh về tập hợp lực lượng cách mạng, Đảng quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh); giúp Lào và Campuchia lập mặt trận yêu nước. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc hình thành Mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương.

Hồ Chí Minh chăm lo củng cố mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc - nước láng giềng có quan hệ lịch sử văn hóa lâu đời với Việt Nam; thực hiện đoàn kết với các dân tộc châu Á và châu Phi đấu tranh giành độc lập. Với các dân tộc châu Á, Người chỉ rõ, các dân tộc châu Á có độc lập thì nền hoà bình thế giới mới thực hiện. Vận mệnh dân tộc châu Á có quan hệ mật thiết với vận mệnh dân tộc Việt Nam. Do vậy, từ những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với việc sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa tại Pháp, Hồ Chí Minh đã tham gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức tại Trung Quốc. Đây là hình thức sơ khai của mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức theo xu hướng vô sản, lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Với việc tham gia sáng lập các tổ chức này, Hồ Chí Minh đã góp phần đặt cơ sở cho sự ra đời của Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam.

Những năm đấu tranh giành độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh tìm mọi cách xây dựng các quan hệ với mặt trận dân chủ và lực lượng đồng minh chống phátxít, nhằm tạo thế và lực cho cách mạng Việt Nam. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, bằng hoạt động ngoại giao không mệt mỏi, Hồ Chí Minh đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, của bạn bè quốc tế và nhân loại tiến bộ, trong đó có cả nhân dân yêu chuộng hòa bình Pháp trong kháng chiến chống Pháp và cả nhân dân yêu chuộng hòa bình Mỹ trong kháng chiến chống Mỹ, hình thành Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược.

Như vậy, tư tưởng đoàn kết vì thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận đoàn kết Việt Nam - Lào - Campuchia; Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam; Mặt trận nhân

dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Đây thực sự là sự phát triển rực rỡ nhất và thắng lợi to lớn nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết.

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình

Cũng như xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, muốn thực hiện được đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động quốc tế, phải tìm ra được những điểm tương đồng về mục tiêu và lợi ích giữa các dân tộc, các lực lượng tiến bộ và phong trào cách mạng thế giới. Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra sự tương đồng này nhờ đặt cách mạng Việt Nam trong bối cảnh chung của thời đại, kết hợp lợi ích của cách mạng Việt Nam với trào lưu cách mạng thế giới và nhận thức về nghĩa vụ của Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình. Là một chiến sĩ cách mạng quốc tế kiên định, Hồ Chí Minh đã suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong cách mạng thế giới, trước hết là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, lực lượng tiên phong của cách mạng thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Hồ Chí Minh không chỉ suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập, tự do cho các dân tộc khác. Trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, Hồ Chí Minh thực hiện nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc: Dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của tất cả các dân tộc - quốc gia trên thế giới, đồng thời mong muốn các nước trên thế giới quan hệ hợp tác, hữu nghị với Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc đó. Những quan điểm trên được Người thể chế hóa sau khi Việt Nam giành được độc lập. Tháng 9 năm 1947, trả lời nhà báo Mỹ S. Eli Maysi, Hồ Chí Minh tuyên bố: Chính sách đối ngoại của nước Việt Nam là “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”¹.

Thời đại Hồ Chí Minh sống là thời đại của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc

diễn ra mạnh mẽ trên hầu khắp các châu lục của thế giới. Trong tiến trình đó, Người không chỉ là nhà tổ chức, người cỗ vũ mà còn là người ủng hộ nhiệt thành cuộc đấu tranh của các dân tộc vì các quyền dân tộc cơ bản của họ. Nêu cao tư tưởng độc lập và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh trở thành người khởi xướng, người cầm cờ và là hiện thân của những khát vọng của nhân dân thế giới trong việc khẳng định cốt cách dân tộc, đồng thời thúc đẩy sự đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

Đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ hoà bình, chống chiến tranh xâm lược. Tư tưởng đó bắt nguồn từ truyền thống hoà hiếu của dân tộc Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và những giá trị nhân văn nhân loại. Trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh luôn giương cao ngọn cờ hoà bình, đấu tranh cho hoà bình, một nền hoà bình thật sự cho tất cả các dân tộc - “hoà bình trong độc lập, tự do”². Nền hòa bình đó không phải là một nền hoà bình trùu tượng, mà là “một nền hoà bình chân chính xây trên công bình và lý tưởng dân chủ”³, chống chiến tranh xâm lược vì các quyền dân tộc cơ bản của các quốc gia. Trong suốt hai cuộc kháng chiến, quan điểm hoà bình trong công lý, lòng thiết tha hoà bình trong sự tôn trọng độc lập và thống nhất đất nước của Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã làm rung động trái tim nhân loại. Nó có tác dụng cảm hoá, lôi kéo các lực lượng tiến bộ thế giới đứng về phía nhân dân Việt Nam đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hoà bình. Trên thực tế, đã hình thành một mặt trận nhân dân thế giới, có cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ, đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược, góp phần kết thúc thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ

Đoàn kết quốc tế là để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế nhằm tăng thêm nội lực, tạo sức mạnh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đã đặt ra. Để đoàn kết tốt phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Chính vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nêu cao khẩu hiệu: “Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”, “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”. Trong đấu tranh giành chính quyền, Người chủ trương “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người chỉ rõ: “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”¹. Trong

quan hệ quốc tế, Người nhấn mạnh: phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to tiếng mới ló'11...

Hồ Chí Minh chỉ rõ, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn. Trả lời một phóng viên nước ngoài, Người nói: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”². Trong quan hệ giữa các Đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: “Các Đảng dù lớn dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau”³. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng giành thắng lợi. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, với đường lối độc lập, tự chủ, kết hợp hài hòa giữa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế, Đảng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ của phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam, nhận được sự giúp đỡ vô cùng to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng

Phải khơi dậy và phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc và sức mạnh quốc tế, trong đó đặt lợi ích của dân tộc, của đất nước lên hàng đầu, lấy đó làm cơ sở để xây dựng các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội. Trước đây, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh để chiến thắng giặc ngoại xâm. Hiện nay, sức mạnh ấy phải là sức mạnh để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu. Phải xuất phát từ lợi ích dân tộc mà mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được để xây dựng, phát triển đất nước.

Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc, ngày 2-11-1993, Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa VII đã ra Nghị quyết 07/NQ-TW “Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất”. Nghị quyết này đã phản ánh tập trung nhất sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong sự nghiệp đổi mới. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996), vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc đã được đặt ở một tầm cao mới, nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội Đảng lần thứ IX, X, XI tiếp tục bổ sung nhấn mạnh hơn nữa vai trò, tầm quan trọng của

đoàn kết dân tộc trong thời đại mới. Đại hội lần thứ XII của Đảng (2016) khẳng định: “Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹. Để phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, Đại hội XII đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ tăng cường khôi đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khôi đại đoàn kết dân tộc.

Cùng với việc phát huy tối đa sức mạnh của khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, qua hơn 30 năm đổi mới, tư tưởng đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được Đảng ta vận dụng một cách sáng tạo trong việc hoạch định chủ trương, đường lối. Từ tuyên bố “muốn là bạn” (Đại hội Đảng lần thứ VII), “sẵn sàng là bạn” (Đại hội Đảng lần thứ VIII), “là bạn và đối tác tin cậy” (Đại hội Đảng lần thứ IX), đến Đại hội Đảng lần thứ XII, Đảng ta khẳng định: “Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có hiệu quả. Vì thế, uy tín quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng cao”. Tinh thần đoàn kết quốc tế, huy động tối đa sức mạnh toàn dân tộc kết hợp sức mạnh thời đại để bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

2. Xây dựng khôi đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc, từ chỗ là tư tưởng của lãnh tụ đã trở thành quan điểm xuyên suốt đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng đó cồn thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm của tất cả những người Việt Nam yêu nước và phải biến thành hành động cách mạng của hàng triệu, hàng triệu con người, tạo thành sức mạnh vô địch trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự thật lịch sử đã chứng tỏ rằng, Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi thì liên minh công - nông - trí càng mạnh, sự lãnh đạo của Đảng càng vững. Đồng thời, khôi liên

minh này càng được củng cố, sự lãnh đạo của Đảng càng được tăng cường thì Mặt trận dân tộc thống nhất càng được mở rộng và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được nhân lên to lớn hơn. Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động; phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội; thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước”.

Để tiếp tục tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau đây:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền để các cấp, ngành, lực lượng nhận thức sâu sắc về sự cần thiết phải tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, giải quyết tốt quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và toàn xã hội.

Bốn là, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Năm là, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, việc phát huy bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải nhất quán coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới, tiếp tục đoàn kết, ủng hộ các phong trào cách mạng, các xu hướng và trào lưu tiến bộ của thời đại vì các mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, Đảng, Nhà nước ta chủ trương nêu cao nguyên tắc độc lập tự chủ, tự lực tự cường, chủ trương phát huy mạnh mẽ sức mạnh dân tộc - sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, sức mạnh của người làm chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, trên cơ sở sức mạnh bên trong mà tranh thủ và tận dụng sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của các lực lượng

bên ngoài.

Trước tình hình quốc tế và trong nước hiện nay biến chuyển nhanh chóng và sâu sắc đặt ra những điều kiện mới đòi hỏi phải rút ra những bài học trong chiến lược đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh để vận dụng cho phù hợp. Trước hết, làm rõ đoàn kết để thực hiện mục tiêu cách mạng trong giai đoạn hiện nay là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, xã hội công bằng, văn minh. Hai là, mở cửa, hội nhập quốc tế, là bạn của tất cả các nước, phản đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, đồng thời phải tham gia những vấn đề toàn cầu hiện nay của quốc tế. Ba là, phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Bốn là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh làm hạt nhân đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng cho ngang tầm nhiệm vụ của dân tộc và của thời đại.

Những quan điểm cơ bản cùng những giá trị thực tiễn của tư tưởng đoàn kết quốc tế Hồ Chí Minh là những bài học quý báu cần được nhận thức và vận dụng sáng tạo cho phù hợp với cách mạng Việt Nam và thế giới tiến bộ trong giai đoạn hiện nay.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay.
3. Phân tích quan điểm Hồ Chí Minh về sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phúc Luân: Ngoại giao Hồ Chí Minh - Lấy chí nhân thay cường bạo, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003.
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, 15 tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
3. Nguyễn Dy Niên: Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
4. Phùng Hữu Phú (chủ biên): Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

5. Song Thành: Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.
6. Lê Văn Yên: Hồ Chí Minh với chiến lược đoàn kết quốc tế trong cách mạng giải phóng dân tộc, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

Chương VI

TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI

MỤC TIÊU

- Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. Trên cơ sở đó, người học biết vận dụng vào thực tiễn, thể hiện trách nhiệm xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Về kỹ năng: Góp phần giúp cho sinh viên có phương pháp tư duy mới trong học tập, nghiên cứu; tự mình biết đào sâu lý luận gắn với thực tiễn với tinh thần độc lập, sáng tạo.
- Về tư tưởng: Trên cơ sở nhận thức khoa học, sinh viên có niềm tin về giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi; đồng thời chối lại các quan điểm sai trái, luận điệu thù địch nhằm phủ nhận, xóa bỏ tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng của Người về văn hóa, đạo đức, con người nói riêng.

I. TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

Hồ Chí Minh được tổ chức UNESCO ghi nhận là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất Việt Nam trong Nghị quyết 24C/18.6.5 của Khóa họp 24 Đại hội đồng UNESCO từ 20-10-1987 đến 20-11-1987.

Nghị quyết khẳng định: “Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại một dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; Người có sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, nghệ thuật; tư tưởng của Người là sự kết tinh truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam và hiện thân cho khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”.

Công hiến của nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh còn thể hiện ở việc sáng tạo văn hóa văn nghệ, xác lập hệ thống quan điểm về văn hóa và xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam. Cả cuộc đời Người chủ trọng chống giặc dốt, phát triển văn hóa, nâng cao dân trí.

Nền văn hóa mà Hồ Chí Minh chủ trương kết hợp những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc được phát triển và nâng cao với tinh hoa văn hóa của nhân loại, thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Người cho rằng, phải làm cho văn hóa đi sâu vào tâm lý quốc dân, đi vào cuộc sống mới; “văn hóa phải sửa đổi tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ; văn hóa phải làm thế nào cho mọi người dân Việt Nam, từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mà mình nên được hưởng.

1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa

Hồ Chí Minh có bốn cách tiếp cận chủ yếu về văn hóa: 1) Tiếp cận theo nghĩa rộng, tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt của con người; 2) Tiếp cận theo nghĩa hẹp là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng; 3) Tiếp cận theo nghĩa hẹp hơn là bàn đến các trường học, số người đi học, xóa nạn mù chữ, biết đọc biết viết (thường xuất hiện trong các bài nói với đồng bào miền núi); 4) Tiếp cận theo “phương thức sử dụng công cụ sinh hoạt”.

Tháng 8-1943, khi còn ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm nhấn mạnh ý nghĩa của văn hóa. Người viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Quan niệm văn hóa nêu trên của Hồ Chí Minh xuất hiện trong một bối cảnh thời gian và không gian đặc biệt, khi UNESCO chưa thành lập, cả nước đang tập trung cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Đây là quan niệm văn hóa duy nhất theo nghĩa rộng. Từ sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh có bàn đến văn hóa nhưng theo nghĩa hẹp, với ý nghĩa là kiến trúc thượng tầng, là toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

Quan hệ giữa văn hóa với chính trị. Hồ Chí Minh cho rằng trong đời sống có bốn vấn đề phải

được coi là quan trọng ngang nhau và có sự tác động qua lại lẫn nhau, đó là chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhưng ở nước Việt Nam thuộc địa, trước hết phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, xóa ách nô lệ, thiết lập nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó chính là sự giải phóng chính trị để mở đường cho văn hóa phát triển. Tuy nhiên, văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong chính trị, tức là văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị; đồng thời mọi hoạt động của tổ chức và nhà chính trị phải có hàm lượng văn hóa.

Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế. Trong mối quan hệ với kinh tế, Hồ Chí Minh giải thích rằng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng. Vì vậy, những cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và có đủ điều kiện phát triển được. Tuy nhiên, văn hóa cũng không thể đứng ngoài mà phải đứng trong kinh tế, nghĩa là văn hóa không hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế, mà có vai trò tác động tích cực trở lại kinh tế. Tóm lại, sự phát triển của chính trị, kinh tế, xã hội, sẽ thúc đẩy văn hóa phát triển; ngược lại, mỗi bước phát triển của kinh tế, chính trị, xã hội đều có sự khai sáng của văn hóa.

Quan hệ giữa văn hóa với xã hội. Giải phóng chính trị đồng nghĩa với giải phóng xã hội, từ đó văn hóa mới có điều kiện phát triển. Xã hội thế nào văn hóa thế ấy. Văn học, nghệ thuật của dân tộc Việt Nam rất phong phú, nhưng trong chế độ nô lệ của kẻ áp bức, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tòi tàn không thể phát triển được. Vì vậy phải làm cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, đưa Đảng Cộng sản Việt Nam lên địa vị cầm quyền, thì mới giải phóng được văn hóa.

Về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại. Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị văn hóa bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; là thành quả của quá trình lao động, sản xuất, chiến đấu và giao lưu của con người Việt Nam.

Bản sắc văn hóa dân tộc được nhìn nhận qua hai lớp quan hệ. Về nội dung, đó là lòng yêu nước, thương nòi; tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc... Về hình thức, cốt cách văn hóa dân tộc biểu hiện ở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội, truyền thống, cách cảm và nghĩ...

Bản sắc văn hóa dân tộc chứa đựng giá trị lớn và có một ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nó phản ánh những nét đặc đáo, đặc tính dân tộc. Nó là ngọn nguồn đi tới chủ nghĩa Mác - Lê nin. Hồ Chí Minh nói rằng, âm nhạc dân tộc ta rất đặc đáo, phải khai thác và phát triển lên; rằng, những người cộng sản chúng ta rất quý trọng cổ điển. Có nhiều dòng suối tiến bộ chảy từ những ngọn nguồn cổ điển đó. Vì vậy, trách nhiệm của con người Việt Nam là phải trân trọng,

khai thác, giữ gìn, phát huy, phát triển những giá trị của văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng của từng giai đoạn lịch sử. Theo Người, “dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”; “càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê nin càng phải coi trọng những truyền thống tốt đẹp của cha ông”. “Mỗi dân tộc cần phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật”. Chăm lo cốt cách dân tộc, đồng thời cần triệt để tẩy trừ mọi di hại thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc, tôn trọng phong tục tập quán, văn hóa của các dân tộc ít người.

Trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phải biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Tiếp biến văn hóa (tiếp nhận và biến đổi) là một quy luật của văn hóa. Theo Hồ Chí Minh, “văn hóa Việt Nam ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại... Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và văn hóa nay, trau dồi cho văn hóa Việt Nam thật có tinh thần thuần túy Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ”¹.

Hồ Chí Minh chú trọng chắt lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Trao đổi với một nhà văn Liên Xô, Người nhấn mạnh rằng “các bạn chớ hiểu là tôi cho rằng chúng tôi cần dứt bỏ văn hóa nào đó, dù là văn hóa Pháp đi nữa. Ngược lại, tôi muốn nói điều khác. Nói đến việc mở rộng kiến thức của mình về văn hóa thế giới, mà đặc biệt hiện nay là văn hóa Xôviết - chúng tôi thiếu - nhưng đồng thời tránh nguy cơ trở thành kẻ bắt chước... Văn hóa của các dân tộc khác cần phải được nghiên cứu toàn diện, chỉ có trong trường hợp đó mới có thể được nhiều hơn cho văn hóa của chính mình”². Nhận diện về hiện tượng văn hóa Hồ Chí Minh, một nhà báo Mỹ viết: “Cụ Hồ không phải là một người dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi, mà cụ là một người yêu mến văn hóa Pháp trong khi chống thực dân Pháp, một con người biết coi trọng những truyền thống cách mạng Mỹ trong khi Mỹ phá hoại đất nước cụ”¹.

Hồ Chí Minh chỉ rõ mục đích tiếp thu văn hóa nhân loại là để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, xây dựng văn hóa Việt Nam hợp với tinh thần dân chủ. Nội dung tiếp thu là toàn diện bao gồm Đông, Tây, kim, cổ, tất cả các mặt, các khía cạnh. Tiêu chí tiếp thu là có cái gì hay, cái gì tốt là ta học lấy. Mỗi quan hệ giữa giữ gìn cốt cách văn hóa dân tộc và tiếp thu văn hóa nhân loại là phải lấy văn hóa dân tộc làm gốc, đó là điều kiện, cơ sở để tiếp thu văn hóa nhân loại.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng

- Văn hóa là mục tiêu. Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Như vậy, cùng với chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa nằm trong mục tiêu chung của toàn bộ tiến trình cách mạng.

Theo quan điểm Hồ Chí Minh, văn hóa là mục tiêu - nhìn một cách tổng quát - là quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do, quyền muu cầu hạnh phúc; là khát vọng của nhân dân về các giá trị chân, thiện, mĩ. Đó là một xã hội dân chủ (dân là chủ và dân làm chủ), công bằng, văn minh, ai cũng cóm ăn áo mặc, ai cũng được học hành; một xã hội mà đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn luôn được quan tâm và không ngừng nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Hồ Chí Minh đã đặt cơ sở cho một xã hội phát triển bền vững với ba trụ cột là bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Chúng ta có thể nhận thức ở những mức độ khác nhau trong di sản Hồ Chí Minh về các mục tiêu của Chương trình nghị sự XXI², một phần quan trọng của chiến lược phát triển bền vững.

- Văn hóa là động lực. Động lực là cái thúc đẩy làm cho phát triển. Di sản Hồ Chí Minh cho ta một nhìn nhận về động lực phát triển đất nước, bao gồm động lực vật chất và tinh thần; động lực cộng đồng và cá nhân; nội lực và ngoại lực. Tất cả quy tụ ở con người và đều có thể được xem xét dưới góc độ văn hóa. Tuy nhiên, nếu tiếp cận các lĩnh vực văn hóa cụ thể trong tư tưởng Hồ Chí Minh, động lực có thể nhận thức ở các phương diện chủ yếu sau:

Văn hóa chính trị là một trong những động lực có ý nghĩa soi đường cho quốc dân đi, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ. Tư duy biện chứng, độc lập, tự chủ, sáng tạo của cán bộ, đảng viên là một động lực lớn dẫn đến tư tưởng và hành động cách mạng có chất lượng khoa học và cách mạng.

Văn hóa văn nghệ góp phần nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng, tình cảm cách mạng, sự lạc quan, ý chí, quyết tâm và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Văn hóa giáo dục diệt giặc dốt, xóa mù chữ, giúp con người hiểu biết quy luật phát triển của xã hội. Với sứ mệnh “trồng người”, văn hóa giáo dục đào tạo con người mới, cán bộ mới, nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp cách mạng.

Văn hóa đạo đức, lối sống nâng cao phẩm giá, phong cách lành mạnh cho con người, hướng con người tới các giá trị chân, thiện, mĩ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, đạo đức là gốc của người cách mạng. Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thâm nhuần

đạo đức cách mạng hay là không. Nhận thức như vậy để thấy văn hóa đạo đức là một động lực lớn thúc đẩy cách mạng phát triển.

Văn hóa pháp luật bảo đảm dân chủ, trật tự, kỷ cương, phép nước.

b. Văn hóa là một mặt trận

Văn hóa là một trong bốn nội dung chính của đời sống kinh tế - xã hội, quan trọng ngang các vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội. Nói mặt trận văn hóa là nói đến một lĩnh vực hoạt động có tính độc lập, có mối quan hệ mật thiết với các lĩnh vực khác, đồng thời phản ánh tính chất cam go, quyết liệt của hoạt động văn hóa. Mặt trận văn hóa là cuộc đấu tranh cách mạng trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng.

Nội dung mặt trận văn hóa phong phú, đấu tranh trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... của các hoạt động văn nghệ, báo chí, công tác lý luận, đặc biệt là định hướng giá trị chân, thiện, mỹ của văn hóa nghệ thuật.

Mặt trận văn hóa là cuộc chiến đấu trên lĩnh vực văn hóa. Vì vậy anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy; cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Để làm tròn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật phải có lập trường tư tưởng vững vàng; ngòi bút là vũ khí sắc bén trong sự nghiệp “phò chính trừ tà”. Phải bám sát cuộc sống thực tiễn, đi sâu vào quần chúng, để phê bình nghiêm khắc những thói xấu như tham ô, lười biếng, lãng phí, quan liêu, và ca tụng chân thật những người tốt việc tốt để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay và giáo dục con cháu đời sau. Đó chính là “chất thép” của văn nghệ theo tinh thần “kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.

Theo Hồ Chí Minh, dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, thời đại ta là một thời đại vẻ vang. Vì vậy chiến sĩ văn nghệ phải có những tác phẩm xứng đáng với dân tộc anh hùng và thời đại vẻ vang.

c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng hạnh phúc của nhân dân. Tư tưởng văn hóa của Người cũng vì nhân dân, phục vụ nhân dân. Theo Người, mọi hoạt động văn hóa phải trở về với cuộc sống thực tại của quần chúng, phản ánh được tư tưởng và khát vọng của quần chúng.

Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân là phải miêu tả cho hay, cho thật, cho hùng hồn; phải trả lời được các câu hỏi: Viết cho ai? Mục đích viết? Lấy tài liệu đâu mà viết? Cách viết như thế nào? Viết phải thiết thực, tránh cái lối viết rau muống mà ham dùng chữ. Nói cũng vậy. Nói ít, nhưng nói cho thấu thía, nói cho chắc chắn, thì quần chúng thích hơn. Tóm lại “tù trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng”. Trên cơ sở đó để định hướng giá trị cho quần chúng.

Chiến sĩ văn hóa phải hiểu và đánh giá đúng quần chúng. Quần chúng là những người sáng tác rất hay. Họ cung cấp cho những nhà hoạt động văn hóa những tư liệu quý. Và chính họ là những người thẩm định khách quan, trung thực, chính xác các sản phẩm văn nghệ. Nhân dân phải là những người được hưởng thụ các giá trị văn hóa.

3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tháng 8-1943, cùng với việc đưa ra quan niệm về ý nghĩa của văn hóa, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng nền văn hóa dân tộc với năm nội dung:

Xây dựng tinh thần: Tinh thần độc lập tự cường.

Xây dựng luân lý: Biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân.

Xây dựng chính trị: dân quyền.

Xây dựng kinh tế.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Khi cả dân tộc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ, Hồ Chí Minh khẳng định lại quan điểm của Đảng từ năm 1943 trong Đề cương văn hóa Việt Nam về phương châm xây dựng nền văn hóa mới. Đó là một nền văn hóa có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ nhân dân miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.

Tóm lại, quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, đó là là một nền văn hóa toàn diện, giữ gìn được cốt cách văn hóa dân tộc, bảo đảm tính khoa học, tiến bộ và nhân văn.

II. TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng

a. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng

Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, lãnh tụ cách mạng thế giới bàn nhiều về vấn đề đạo đức và giáo dục, thực hành đạo đức. Khi đánh giá vai trò của đạo đức trong đời sống, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nêu rõ đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người. Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định đạo đức là gốc, là nền tảng, là sức mạnh, là tiêu chuẩn hàng đầu của người cách mạng. Người coi đạo đức rất quan trọng như gốc cây, như ngọn nguồn của sông, suối. Trong tác phẩm

Sửa đổi lối làm việc (1947), Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”¹. Trong tác phẩm Đạo đức cách mạng (1958), Hồ Chí Minh viết: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”¹.

Người chỉ rõ, cán bộ, đảng viên muôn cho dân tin, dân phục, thì cần nhớ rằng: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức”².

Đạo đức trở thành nhân tố quyết định của sự thành bại của mọi công việc, phẩm chất mỗi con người. Trong bài Người cán bộ cách mạng (1955), Hồ Chí Minh yêu cầu “Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng... Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thẩm nhuần đạo đức cách mạng hay là không”³. Bởi vì, có đạo đức cách mạng trong sáng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang. Người quan niệm, “Việc nước lấy Đoàn thể làm cốt cán. Việc Đoàn thể lấy cán bộ làm cốt cán. Cán bộ lấy đạo đức làm cốt cán”. Theo Hồ Chí Minh, “Đại đa số chiến sĩ cách mạng là người có đạo đức: Cả đời hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, sinh hoạt ngày thường thì làm gương mẫu: gian khổ, chất phác, kính trọng của công. Đạo đức ấy có ảnh hưởng lớn đến sự nghiệp đổi xã hội cũ thành xã hội mới và xây dựng mỹ tục thuần phong”. Theo Hồ Chí Minh đã nói, đạo đức cách mạng là chỗ dựa giúp cho con người vững vàng trong mọi thử thách. Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước..., khi gặp thuận lợi và thành công vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn”.

Hồ Chí Minh thường nhắc lại tinh thần của V.I.Lênin: Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại. Trong Di chúc, Người viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thẩm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³. “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên và thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa

“chuyên””. “Bồi dưỡng thể hê cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế. Người nói: “Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất”⁴.

Đức và tài phải là những phẩm chất thống nhất của con người. Nếu đạo đức là tiêu chuẩn cho mục đích hành động thì tài là phương tiện thực hiện mục đích đó. Vì vậy, con người cần có cả đức và tài, nếu thiếu tài thì làm việc gì cũng khó, nhưng thiếu đạo đức thì vô dụng, thậm chí có hại. Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, đức và tài, hòng và chuyên, phẩm chất và năng lực phải thống nhất làm một. Trong đó, đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng. Người đòi hỏi tài năng phải gắn chặt và đặt vững trên nền tảng đạo đức. Hồ Chí Minh khuyên: “Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng”¹.

Vai trò của đạo đức còn thể hiện là thước đo lòng cao thượng của con người. Trong bài Đạo đức cách mạng (1955), Hồ Chí Minh viết: “Tuy năng lực và công việc của mỗi người khác nhau, người làm việc to, người làm việc nhỏ, nhưng ai giữ được đạo đức đều là người cao thượng”. Thực hành tốt đạo đức cá nhân không chỉ có tác dụng tôn vinh nâng cao giá trị của mình mà còn tạo ra sức mạnh nội sinh giúp ta vượt qua mọi thử thách.

Hồ Chí Minh hết sức quan tâm giáo dục toàn diện cho các em học sinh, sinh viên cả “Đức, Trí, Thể, Mỹ”. Trong đó, đức là gốc, là trước hết; tài là cực kỳ quan trọng, không có tài thì không xây dựng, phát triển được đất nước. Đức bao gồm nếp ăn ở, sinh hoạt hàng ngày, trước hết là với gia đình, anh em, bạn bè, rộng ra là với quốc gia, dân tộc; học để làm việc, làm người, làm cán bộ.

b. Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh cho rằng, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội chưa phải là ở mức sống vật chất dồi dào, ở tư tưởng được tự do, giải phóng, mà trước hết là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, ở phẩm chất của những người cộng sản ưu tú, bằng tấm gương sống và hành động của mình, chiến đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa thành hiện thực.

Trong bài Xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội (1961), Người viết: “Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những người lao động. Vậy nông dân, công nhân, trí thức cách mạng cần nhận rõ ràng: Hiện nay, nhân dân lao động ta là những người làm chủ nước ta, chứ không phải là những

người làm thuê cho giai cấp bóc lột như thời cũ nữa. Chúng ta có quyền và có đủ điều kiện để tự tay mình xây dựng đời sống tự do, hạnh phúc cho mình. Nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hóa, đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Bởi vậy mọi người đều phải thầm nhuần sâu sắc tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình””. Người nói rõ: “Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo. Khác hẳn với trước kia, công nhân bây giờ là người chủ đất nước, chủ xã hội, chủ cuộc sống. Bởi vậy mọi người đều phải thầm nhuần sâu sắc ý thức làm chủ tập thể và đạo đức cách mạng “mình vì mọi người”.

Hồ Chí Minh quan niệm, phong trào công sản công nhân quốc tế trở thành lực lượng quyết định vận mệnh của loài người không chỉ do chiến lược và sách lược thiên tài của cách mạng vô sản, mà còn do phẩm chất đạo đức cao quý làm cho chủ nghĩa cộng sản trở thành một sức mạnh vô địch.

Hồ Chí Minh là tượng trưng cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam, cho ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam suốt hàng nghìn năm lịch sử. Tấm gương đạo đức và nhân cách cao đẹp của Hồ Chí Minh có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Tấm gương sáng của Người từ lâu đã là nguồn cội vũ động viên tinh thần quan trọng đối với nhân dân Việt Nam và nhân loại tiến bộ đoàn kết đấu tranh vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

a. Trung với nước, hiếu với dân

Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất đạo đức bao trùm quan trọng nhất và chi phối các phẩm chất khác.

Trung và hiếu là những khái niệm đạo đức cũ đã có từ lâu trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông, phản ánh mối quan hệ lớn nhất và cũng là phẩm chất bao trùm nhất: “Trung với vua, hiếu với cha mẹ”. Phẩm chất này được Hồ Chí Minh sử dụng với những nội dung mới, rộng lớn: “Trung với nước, hiếu với dân”, đã tạo nên một cuộc cách mạng sâu sắc trong lĩnh vực đạo đức. Người nói: “Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chổng lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngẩng lên trời”¹. Đầu năm 1946, Người chỉ rõ: “Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với toàn dân, với đồng bào”².

Tư tưởng “trung với nước, hiếu với dân” của Hồ Chí Minh không những kế thừa giá trị yêu nước truyền thống của dân tộc, mà còn vượt qua những hạn chế của truyền thống đó. Trung với nước là

trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Khi Hồ Chí Minh đặt vấn đề “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân... Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”; Đảng và Chính phủ là “đầy tớ nhân dân” chứ không phải “quan nhân dân để đâu cưỡi cổ nhân dân”, thì quan niệm về nước và dân đã hoàn toàn đảo lộn so với trước; rất ít lãnh tụ cách mạng đã nói về dân như vậy, điều này càng làm cho tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vượt xa lên phía trước. Thư gửi thanh niên (1965), Người viết: “Phải luôn luôn nâng cao chí khí cách mạng “trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Luận điểm đó của Hồ Chí Minh vừa là lời kêu gọi hành động, vừa là định hướng chính trị - đạo đức cho mỗi người Việt Nam không chỉ trong cuộc đấu tranh cách mạng trước đây, hôm nay, mà còn lâu dài về sau nữa.

Hồ Chí Minh cho rằng, trung với nước phải gắn liền hiếu với dân. Trung với nước, là phải yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng, phải làm cho “dân giàu, nước mạnh . Hiếu với dân, là phải thương dân, tin dân, thân dân, học hỏi dân, lấy trí tuệ ở dân, kính trọng dân, lấy dân làm gốc, “hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Phải yêu kính nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt “làm quan cách mạng” ra lệnh ra oai”.

b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nội dung cốt lõi của đạo đức cách mạng, đó là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hằng ngày của mỗi người. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã đề cập phẩm chất này nhiều nhất, thường xuyên nhất, phản ánh ngay từ cuốn sách Đường cách mệnh đến bản Di chúc cuối đời.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Bạn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân”². Với ý nghĩa như vậy, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cũng là một biểu hiện cụ thể của phẩm chất “trung với nước, hiếu với dân”.

“Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” cũng là những khái niệm cũ trong đạo đức truyền thống dân tộc, được Hồ Chí Minh lọc bỏ những nội dung không phù hợp và đưa vào những nội dung mới đáp ứng yêu cầu của cách mạng.

“Cần túc là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai”. “Muốn cho chữ Cần có nhiều kết quả hơn,

thì phải có kế hoạch cho mọi công việc”³. Cần túc là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng. Phải thấy rõ, “Lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta”⁴.

“Kiệm là thế nào? Là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”⁵. Kiệm túc là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thời giờ, tiết kiệm tiền của của dân, của nước, của bản thân mình; không phô trương hình thức, không liên hoan chè chén lu bù. “Tiết kiệm không phải là bẩn xỉn. Khi không nên tiêu xài thì một đồng xu cũng không nên tiêu. Khi có việc đáng làm, việc ích lợi cho đồng bào, cho Tổ quốc, thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng. Như thế mới đúng là kiệm. Việc đáng tiêu mà không tiêu, là bẩn xỉn, chứ không phải là kiệm. Tiết kiệm phải kiên quyết không xã xỉ”.

“Cần với kiệm, phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người”⁶. Hồ Chí Minh yêu cầu “Phải cần kiệm xây dựng nước nhà”⁷.

Liêm “là trong sạch, không tham lam”⁸; là liêm khiết, “luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công, của dân”, “Liêm là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tăng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ”⁹. “Chữ Liêm phải đi đôi với chữ Kiệm. Cũng như chữ Kiệm phải đi với chữ Cần. Có Kiệm mới Liêm được”.

Chính “nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đúng đắn. Điều gì không đúng đắn, thẳng thắn, tức là tà”. Chính được thể hiện rõ trong ba mối quan hệ: “Đối với mình - Chớ tự kiêu, tự đại”. “Đối với người:... Chớ nịnh hót người trên. Chớ xem khinh người dưới. Thái độ phải chân thành, khiêm tốn,. Phải thực hành chữ Bác - Ái”¹⁰. “Đối với việc: Phải để công việc nước lên trên, trước việc tư, việc nhà”; “việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm. Việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh”.

Hồ Chí Minh cho rằng, các đức tính cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau, ai cũng phải thực hiện, song cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm kiểu mẫu cho dân. Người thường nhắc nhở cán bộ, công chức, những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hạn. Nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân.

Chí công vô tư là hoàn toàn vì lợi ích chung, không vì tư lợi; là hết sức công bằng, không chút thiên tư, thiên vị, công tâm, luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân, của dân tộc lên trên hết, trước hết; chỉ biết vì Đảng, vì dân tộc, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Chí công vô tư là chống chủ nghĩa cá nhân. Người nói: “Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc”; “khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước,... khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”.

Chí công vô tư về thực chất là sự nối tiếp cần, kiệm, liêm, chính. Người giải thích: “Trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dã công vi tư”. Vì vậy, cán bộ phải thực hành chữ Liêm trước, để làm kiêu mẫu cho dân”¹.

Hồ Chí Minh quan niệm: “Một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm, là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh, tiến bộ”. Cần, kiệm, liêm, chính còn là nền tảng của đời sống mới, của các phong trào thi đua yêu nước. Để trở thành người có phẩm chất đạo đức tốt, phải hội đủ các yếu tố cần, kiệm, liêm, chính. Hồ Chí Minh coi cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính cơ bản của con người, giống như bốn mùa của trời, bốn phương của đất; “Thiếu một đức, thì không thành người”².

c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa

Kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, tiếp thu tinh thần nhân văn của nhân loại qua nhiều thập niên, cùng với việc thể nghiệm chính bản thân mình qua hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã xác định tình thương yêu con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất.

Theo Hồ Chí Minh, người cách mạng là người giàu tình cảm, có tình cảm cách mạng mới đi làm cách mạng. Vì yêu thương nhân dân, yêu thương con người mà Hồ Chí Minh sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh để đem lại độc lập cho dân tộc, tự do hạnh phúc cho con người.

Tình yêu thương con người là tình cảm nhân ái sâu sắc, rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị mất quyền, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt màu da, dân tộc. Người cho rằng, nếu không có tình yêu thương như vậy thì không thể nói đến cách mạng, càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Tình thương người, yêu đồng loại, yêu đồng bào, yêu đất nước mình là tư tưởng lớn, là mục tiêu phấn đấu của Hồ Chí Minh, đã được thể hiện ở sự ham muốn tốt bậc của Người là “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹. Đây là yếu tố cốt lõi đầu tiên tạo nên nền tảng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đó cũng là lý tưởng chính trị, lý tưởng đạo đức và là lý tưởng nhân văn của Người.

Tình thương yêu con người theo Hồ Chí Minh phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công nhân, thể hiện trong các mối quan hệ hằng ngày với bạn bè, đồng chí, anh em, phải được thể hiện ở hành động cụ thể thiết thực. Nó đòi hỏi mỗi người phải chắt chẽ và nghiêm khắc với mình; rộng rãi,

độ lượng và giàu lòng vị tha đối với người khác; phải có thái độ tôn trọng những quyền của con người, tạo điều kiện cho con người phát huy tài năng; nâng con người lên, kể cả những người nhất thời làm lạc, chứ không phải là thái độ “dĩ hòa vi quý”, không phải hạ thấp, càng không phải vùi dập con người. Bằng hành động và ứng xử của mình, Hồ Chí Minh truyền lại cho chúng ta một đạo lý làm người là phải biết yêu thương và sống với nhau có tình, có nghĩa. Theo Hồ Chí Minh, “hiểu chủ nghĩa Mác - Lenin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lenin được”¹. Trong Di chúc, Người viết: “Đầu tiên là công việc đối với con người,... Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”².

d. Tinh thần quốc tế trong sáng

Chủ nghĩa quốc tế là một trong những phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Điều này được bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn vượt ra khỏi giới hạn quốc gia dân tộc.

Hồ Chí Minh là tượng trưng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng, hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với các dân tộc bị áp bức, với tất cả các dân tộc và nhân dân các nước, với những người tiến bộ trên toàn cầu, chống lại mọi sự chia rẽ, hận thù, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc; chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sôvanh, biệt lập và chủ nghĩa bành trướng bá quyền. Hồ Chí Minh nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, nhưng luôn luôn kêu gọi phải tăng cường đoàn kết và hợp tác quốc tế, đồng thời phải ra sức ủng hộ và giúp đỡ đối với các cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh theo tinh thần quốc tế trong sáng:

“Quan sơn muôn dặm một nhà,
Bốn phương vô sản đều là anh em!”

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã dày công xây đắp tinh thần đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới, đã tạo ra một kiểu quan hệ quốc tế mới: đối thoại thay cho đối đầu, nhằm kiến tạo một nền văn hóa hòa bình cho nhân loại; đó là di sản thời đại vô giá của Người về hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển giữa các dân tộc.

3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

Nói đi đôi với làm, là nét đẹp trong đạo đức truyền thống của dân tộc được Hồ Chí Minh nâng lên một tầm cao mới, Người coi đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng nền đạo đức mới. Nguyên tắc cơ bản này là sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, nó đã trở thành phương pháp luận trong cuộc sống và là nền tảng triết lý sống hết sức bình dị mà vô cùng sâu sắc của Người. Trong tác phẩm Đường cách mệnh, khi đề cập đến tư cách một người cách mệnh, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Nói thì phải làm”. Trong bài Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, Người viết: “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã giáo dục mọi người và chính Người đã thực hiện điều đó một cách nghiêm túc và đầy đủ nhất.

Hồ Chí Minh là tấm gương trong sáng tuyệt vời về lời nói đi đôi với việc làm. “Nói đi đôi với làm” là đặc trưng bản chất của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Nói đi đôi với làm đối lập hoàn toàn với thói đạo đức giả, nói một đảng làm một nோ, nói nhiều làm ít, thậm chí nói mà không làm. Ngay sau thắng lợi Cách mạng Tháng Tám 1945, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những biểu hiện của thói đạo đức giả ở một số cán bộ “váy mặt làm quan cách mạng”. Sau này, Người đã nhiều lần bàn đến việc tẩy sạch căn bệnh quan liêu, coi thường quần chúng của một số cán bộ, đảng viên “Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối “quan” chủ. Miệng thì nói “phụng sự quần chúng”, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng, trái ngược với phương châm, chính sách của Đảng và Chính phủ”¹, làm tổn hại đến uy tín của Đảng và Chính phủ trước nhân dân.

Nêu gương về đạo đức là một nét đẹp của truyền thống văn hóa phương Đông. Để đạo đức cách mạng thấm sâu, bám chắc vào đời sống xã hội và trở thành nền tảng tinh thần của nhân dân, Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, đảng viên: “Trước hết, mình phải làm gương, gắng làm gương trong anh em, và khi đi công tác, gắng làm gương cho dân. Làm gương về cả ba mặt: Tinh thần, vật chất và văn hóa”². Sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong lời nói và việc làm không chỉ là cách thức để giáo dục đạo đức cho quần chúng, mà còn là một phương pháp để tự giáo dục bản thân mình. Lời nói đi đôi với việc làm phải gắn liền với nêu gương về đạo đức. Hồ Chí Minh đã viết: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”¹. Với ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh đã đào tạo các thế hệ cán bộ cách mạng Việt Nam không chỉ bằng lý luận cách mạng tiền phong mà còn bằng chính tấm gương đạo đức cao cả của mình.

Theo Hồ Chí Minh, hơn bất cứ một lĩnh vực nào khác, trong việc xây dựng một nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải đặc biệt chú trọng “đạo làm gương”. Đối với cán bộ, đảng viên, Người nêu luận điểm quan trọng: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta

được ho yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”². Người nói: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”³. Muốn làm được như vậy, phải chú ý phát hiện, xây dựng những điển hình “người tốt, việc tốt” rất gần gũi trong đời thường, trong các lĩnh vực lao động, sản xuất, chiến đấu, học tập, nghiên cứu... bởi vì, theo Người: “Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông. Biết bao nhiêu giọt nước nhỏ hợp lại mới thành biển cả”⁴. Không nhận thức được điều này là “chỉ thấy ngọn mà quên gốc”. Theo Hồ Chí Minh, “Người tốt, việc tốt” nhiều lắm. Ở đâu cũng có. Ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có”⁵.

Như vậy, một nền đạo đức mới chỉ được xây dựng trên một cái nền rộng lớn, vững chắc, khi những chuẩn mực đạo đức trở thành hành vi đạo đức hằng ngày của mỗi người và của toàn xã hội.

b. Xây đi đôi với chống

Hồ Chí Minh cho rằng, nguyên tắc xây đi đôi với chống là đòi hỏi của nền đạo đức mới, thể hiện tính nhận đạo chiến đấu vì mục tiêu của sự nghiệp cách mạng; xây tucus là xây dựng các giá trị, các chuẩn mực đạo đức mới; chống là chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức, suy thoái đạo đức.

Để xây dựng một nền đạo đức mới, cần phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. Trong đời sống hằng ngày, những hiện tượng tốt - xấu, đúng - sai, cái đạo đức và cái vô đạo đức thường đan xen nhau, đối chọi nhau thông qua hành vi của những con người khác nhau, thậm chí trong mỗi con người. Theo Hồ Chí Minh, “Không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay”¹. Chính vì vậy, việc xây và chống trong lĩnh vực đạo đức rõ ràng không đơn giản. Xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây, lấy xây làm chính.

Vấn đề quan trọng trong việc giáo dục đạo đức là phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mỗi người, để mọi người tự giác nhận thức được trách nhiệm đạo đức của mình, như Hồ Chí Minh đã nói, cảm nhận thấy sâu sắc sự trau dồi đạo đức cách mạng là việc làm “sung sướng và vang nhất trên đời”. Tiếp nhận sự giáo dục đạo đức là vấn đề nhát thiết không thể thiếu được, nhưng sự tự giáo dục, tự trau dồi đạo đức ở mỗi người còn quan trọng hơn.

Xây dựng đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới. Việc giáo dục đạo đức mới phải được tiến hành phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, phù hợp với từng lứa tuổi, ngành nghề, giai cấp, tầng lớp và trong từng môi

trường khác nhau; phải khơi dậy được ý thức đạo đức lành mạnh ở mỗi người. Hồ Chí Minh quan niệm, “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người này nở như hoa mùa Xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng”². Bản thân sự tự giác cũng là một phẩm chất đạo đức cao quý đối với mỗi người và mỗi tổ chức, trước hết là đối với đảng viên, cán bộ.

Hồ Chí Minh cho rằng, trên con đường đi tới tiến bộ và cách mạng, đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng thành công trên cơ sở kiên trì mục tiêu chống chủ nghĩa đế quốc, chống những thói quen và tập tục lạc hậu, phải loại trừ chủ nghĩa cá nhân. Đây thực sự là một cuộc cách mạng khó khăn, lâu dài, gian khổ, sâu sắc giữa tiến bộ và lạc hậu, giữa cách mạng và phản cách mạng. Muốn giành được thắng lợi trong cuộc chiến đấu này, điều quan trọng là phải phát hiện sớm, phải tuyên truyền, vận động hình thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự lành mạnh, trong sạch về đạo đức; phải chú trọng kết hợp giáo dục đạo đức với tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật.

Xây dựng đạo đức mới cho cán bộ, đảng viên và hàng triệu, hàng triệu con người, trước tiên phải chăm lo bồi dưỡng những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức mới ngay từ trong gia đình, đến nhà trường và xã hội; chống lại cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức. Trong bài Chống quan liêu, tham ô, lãng phí (1952), Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Quan liêu, tham ô, lãng phí là tội ác. Phải tẩy sạch nó để thực hiện cần kiệm liêm chính”¹. Nguồn gốc của mọi thứ tệ nạn là chủ nghĩa cá nhân. Trong bài Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân (1969), Người viết: “do cá nhân chủ nghĩa mà phạm nhiều sai lầm... Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật”². Tuy nhiên, Người lưu ý: “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là “giày xéo lên lợi ích cá nhân””.

c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời

Theo Hồ Chí Minh, tu dưỡng đạo đức như một cuộc cách mạng trường kỳ, gian khổ. Một nền đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở tự giác tu dưỡng đạo đức của mỗi người. Hồ Chí Minh hăng háing quan tâm phải làm thế nào để mỗi người tự nhận thấy sâu sắc việc trau dồi đạo đức cách mạng là một việc phải kiên trì, thường xuyên, liên tục. Người nhắc lại luận điểm của Khổng Tử “chính tâm, tu thân”; “tè gia, trị quốc, bình thiên hạ”, và nêu rõ: “Chính tâm tu thân tức là cải tạo. Cải tạo cũng phải trường kỳ gian khổ, vì đó là một cuộc cách mạng trong bản thân của mỗi người. Bồi dưỡng

tư tưởng mới để đánh thắng tư tưởng cũ, đoạn tuyệt với con người cũ để trở thành con người mới không phải là một việc dễ dàng... Dù khó khăn gian khổ, nhưng muốn cải tạo thì nhất định thành công”¹.

Đạo đức cách mạng thể hiện trong hành động của người Việt Nam yêu nước vì độc lập tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Chỉ có trong hành động, đạo đức cách mạng mới bộc lộ rõ những giá trị của nó. Do vậy, đạo đức cách mạng đòi hỏi mỗi người phải tự giác rèn luyện thông qua các hoạt động thực tiễn, trong công việc, trong các mối quan hệ của mình, phải nhìn thẳng vào mình, không tự lừa dối, huyễn hoặc; phải thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện của mình để phát huy và thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác của mình để khắc phục; phải kiên trì rèn luyện liên tục, tu dưỡng suốt đời, trong đó, thời tuổi trẻ đặc biệt quan trọng. Đạo đức không phải là cái gì đó có tính “nhất thành bất biến”, mà nó được hình thành, phát triển do môi trường giáo dục, do sự rèn luyện, phấn đấu và tu dưỡng bản thân của mỗi người. Từ thực tiễn, Người tổng kết sâu sắc: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”². Do vậy, Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi người phải thường xuyên được giáo dục và tự giáo dục về mặt đạo đức. Người chỉ rõ, “Muốn cải tạo thế giới và cải tạo xã hội thì trước hết phải cải tạo bản thân chúng ta”. Thực hiện việc này phải kiên trì, bền bỉ. Nếu không kiên trì rèn luyện, thì ở thời kỳ trước là người có công, nhưng thời kỳ sau có thể lại là người có tội, lúc trẻ giữ được đạo đức, nhưng lúc già lại thoái hóa biến chất, hư hỏng. Từ rất sớm, Người đã lưu ý: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”³.

III. TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

Theo Hồ Chí Minh, con người là một chỉnh thể, thống nhất về trí lực, tâm lực, thể lực, đa dạng bởi mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội (quan hệ gia đình, dòng tộc, làng xã, quan hệ giai cấp, dân tộc...) và các mối quan hệ xã hội (quan hệ chính trị, văn hóa, đạo đức, tôn giáo...). Trong mỗi con người đều có tính tốt và tính xấu. Người giải thích “chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bè bạn; nghĩa rộng là đồng bào cả nước; rộng hơn nữa là cả loài người”. Con người có tính xã hội, là con người xã hội, thành viên của một cộng đồng xã hội.

Hồ Chí Minh cũng cho ta những hiểu biết về yếu tố sinh vật của con người. Theo Người, “dân dĩ thực vi thiên”; “dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”. Theo Người, trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách, nhiệm vụ phải thực hiện ngay làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, có học hành.

Trong thực tiễn, con người có nhiều chiều quan hệ: quan hệ với cộng đồng xã hội (là một thành viên); quan hệ với một chế độ xã hội (làm chủ hay bị áp bức); quan hệ với tự nhiên (một bộ phận không tách rời).

Xa lạ với con người trừu tượng, phi nguồn gốc lịch sử, Hồ Chí Minh nhìn nhận con người lịch sử - cụ thể về giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, vị trí, đảng viên, công dân..., trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Nét đặc sắc trong quan niệm của Hồ Chí Minh về con người là nhìn nhận đặc điểm con người Việt Nam với những điều kiện lịch sử cụ thể, với những cấu trúc kinh tế, xã hội cụ thể. Cách tiếp cận này đi đến việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp rất sáng tạo, không chỉ về mặt đường lối cách mạng mà cả về mặt con người.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

Con người là mục tiêu của cách mạng. Con người là chiến lược số một trong tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh. Mục tiêu này được cụ thể hóa trong ba giai đoạn cách mạng (giải phóng dân tộc - xây dựng chế độ dân chủ nhân dân - tiến dần lên chủ nghĩa xã hội) nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Giải phóng dân tộc là xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giành lại độc lập cho dân tộc. Con người trong giải phóng dân tộc là cả cộng đồng dân tộc Việt Nam. Phạm vi thế giới là giải phóng các dân tộc thuộc địa.

Giải phóng xã hội là đưa xã hội phát triển thành một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội có nền sản xuất phát triển cao và bền vững, văn hóa tiên tiến, mọi người là chủ và làm chủ xã hội, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, một xã hội văn minh, tiến bộ. Xã hội đó phát triển cao nhất là xã hội cộng sản, giai đoạn đầu là xã hội chủ nghĩa.

Giải phóng giai cấp là xóa bỏ sự áp bức, bóc lột của giai cấp này đối với giai cấp khác; xóa bỏ sự bất công, bất bình đẳng xã hội; xóa bỏ nền tảng kinh tế - xã hội để ra sự bóc lột giai cấp; dần dần thu tiêu sự khác biệt giai cấp, các điều kiện dẫn đến sự phân chia xã hội thành giai cấp và xác lập một xã hội không có giai cấp. Con người trong giải phóng xã hội là các giai cấp cần lao, trước hết là giai cấp

công nhân và giai cấp nông dân. Phạm vi thế giới là giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động các nước.

Giải phóng con người là xóa bỏ tình trạng áp bức, bóc lột, nô dịch con người; xóa bỏ các điều kiện xã hội làm tha hóa con người, làm cho mọi người được hưởng tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát huy năng lực sáng tạo, làm chủ xã hội, làm chủ tự nhiên và làm chủ bản thân, phát triển toàn diện theo đúng bản chất tốt đẹp của con người. Con người trong giải phóng con người là cá nhân mỗi con người. Phạm vi thế giới là giải phóng loài người.

Các “giải phóng” đó kết hợp chặt chẽ với nhau, giải phóng dân tộc đã có một phần giải phóng xã hội và giải phóng con người; đồng thời nối tiếp nhau, giải phóng dân tộc mở đường cho giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Con người là động lực của cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, con người là vốn quý nhất, động lực, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Người nhấn mạnh “mọi việc đều do người làm ra”; “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân”. “Ý dân là ý trời”. “Dẽ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nhân dân là những người sáng tạo chân chính ra lịch sử thông qua các hoạt động thực tiễn cơ bản nhất như lao động sản xuất, đấu tranh chính trị - xã hội, sáng tạo ra các giá trị văn hóa. Nói đến nhân dân là nói đến lực lượng, trí tuệ, quyền hành, lòng tốt, niềm tin, đó chính là gốc, động lực cách mạng.

3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng con người

Ý nghĩa của việc xây dựng con người. Xây dựng con người là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, vừa cấp bách vừa lâu dài, có ý nghĩa chiến lược. Xây dựng con người là một trọng tâm, bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển đất nước, có mối quan hệ chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Hồ Chí Minh nêu hai quan điểm nổi bật làm sáng tỏ sự cần thiết xây dựng con người.

Vì lợi ích trăm năm thì phải “trồng người”. “Trồng người” là công việc lâu dài, gian khổ, vừa vì lợi ích trước mắt vừa vì lợi ích lâu dài, là công việc của văn hóa giáo dục. “Trồng người” phải được tiến hành thường xuyên trong suốt tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội và phải đạt được những kết quả cụ thể trong từng giai đoạn cách mạng. Nhiệm vụ “trồng người” phải được tiến hành song song với nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. “Trồng người” phải được tiến hành bền bỉ, thường xuyên trong suốt cuộc đời mỗi người, với ý nghĩa vừa là quyền lợi vừa là trách

nhiệm của cá nhân đối với sự nghiệp xây dựng đất nước. Công việc “trồng người” là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội kết hợp với tính tích cực, chủ động của từng người.

“Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa”. Chủ nghĩa xã hội sẽ tạo ra những con người xã hội chủ nghĩa, con người xã hội chủ nghĩa là động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không phải chờ cho kinh tế, văn hóa phát triển cao rồi mới xây dựng con người xã hội chủ nghĩa; cũng không phải xây dựng xong những con người xã hội chủ nghĩa rồi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa được đặt ra ngay từ đầu và phải được quan tâm trong suốt tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. “Trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa” cần được hiểu trước hết cần có những con người với những nét tiêu biểu của xã hội xã hội chủ nghĩa như lý tưởng, đạo đức, lối sống, tác phong xã hội chủ nghĩa. Đó là những con người đi trước, làm gương lôi cuốn người khác theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong bất cứ phong trào cách mạng nào, tiên tiến là số ít và số đông là trung gian, muốn củng cố và mở rộng phong trào, cần phải nâng cao hơn nữa trình độ giác ngộ của trung gian để kéo chật tiến”¹.

Nội dung xây dựng con người. Hồ Chí Minh quan tâm xây dựng con người toàn diện vừa “hồng” vừa “chuyên”. Đó là những con người có mục đích và lối sống cao đẹp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng, tác phong và đạo đức xã hội chủ nghĩa và năng lực làm chủ. Xây dựng con người toàn diện với những khía cạnh chủ yếu sau:

- Có ý thức làm chủ, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”.
- Cần kiệm xây dựng đất nước, hăng hái bảo vệ Tổ quốc.
- Có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần quốc tế trong sáng.
- Có phương pháp làm việc khoa học, phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân; bồi dưỡng về năng lực trí tuệ, trình độ lý luận chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, sức khỏe.

Phương pháp xây dựng con người. Mỗi người tự rèn luyện, tu dưỡng ý thức, kết hợp chặt chẽ với xây dựng cơ chế, tính khoa học của bộ máy và tạo dựng nền dân chủ. Việc nêu gương, nhất là người đứng đầu, có ý nghĩa rất quan trọng. Hồ Chí Minh thường nói đến “tu thân, chính tâm” thì mới có thể “trị quốc, bình thiên hạ” (làm những việc có lợi cho nước, cho dân). Văn hóa phương Đông cho thấy

“một tấm gương sống có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” và “tiên trách kỷ, hậu trách nhân”. Hồ Chí Minh thường nhắc lại những điều ấy trong khi bàn biện pháp xây dựng con người. Người nói rằng “lấy gương người tốt, việc tốt hằng ngày để giáo dục lẫn nhau” là rất cần thiết và bổ ích.

Biện pháp giáo dục có một vị trí quan trọng. Hồ Chí Minh nhắc nhở rằng “hiền, dũng của con người không phải là tính sẵn. Phận nhiều do giáo dục mà nêu”. Theo Người, các cháu mẫu giáo, tiểu học như tờ giấy trắng. Chúng ta vẽ xanh thì xanh, vẽ đỏ thì đỏ. Nói như vậy để thấy giáo dục rất quan trọng trong việc xây dựng con người.

Chú trọng vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng. Thông qua các phong trào cách mạng như “Thi đua yêu nước”, “Người tốt việc tốt”. Đặc biệt phải dựa vào quần chúng theo quan điểm “dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta”¹.

IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Qua hơn 30 năm đổi mới, đất nước Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định trong việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người. Tuy nhiên, việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người còn nhiều khuyết điểm. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: “So với những thành quả trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành quả trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng, chưa đủ tầm mức để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại”¹. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu, khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại những biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong, mỹ tục; tệ nạn xã hội và một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng. Do đó, phải chú trọng hơn nữa việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn hiện nay.

1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (7-1998) nêu những quan điểm chỉ đạo cơ bản: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định phải xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ. Làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Ké thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hóa. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Theo tinh thần các nghị quyết của Đảng, chúng ta phải nhận thức sâu sắc, đúng đắn, đầy đủ vai trò, sứ mệnh của văn hóa đối với sự phát triển bền vững. Mỗi bước đi lên, phát triển của đất nước đều có dấu ấn và sự khai sáng của văn hóa. Cần phải nhận thức những yếu tố bản chất của văn hóa như văn hóa gắn với con người, phản ánh những mặt cốt như tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách, tâm hồn, cách ứng xử. Văn hóa còn thì chế độ còn, văn hóa mất thì chế độ mất; không gì đáng sợ bằng văn hóa lâm nguy. Phát triển nền văn hóa toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền

tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Muôn việc thành công hay thất bại của cá nhân, tổ chức, cộng đồng, đất nước đều do có văn hóa hay tha hóa về văn hóa. Tập trung xây dựng văn hóa chính trị và các lĩnh vực văn hóa khác như văn hóa bốn phận, văn hóa công bộc, văn hóa ứng xử, văn hóa phê bình... Nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị, xã hội.

Phát huy và trọng dụng nhân tố con người với tư cách là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Trọng dụng trí thức, nhân tài. Thực hiện chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người, tạo động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về xây dựng con người Việt Nam, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (7-1998) nêu nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam với những hệ giá trị chung thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đó là con người có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phán đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Có ý thức tập thể, đoàn kết, phán đấu vì lợi ích chung. Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội. Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định “con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9-6-2014) và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1- 2016) của Đảng nêu phương hướng: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc

Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹. Đại hội XII nêu các nhiệm vụ cụ thể: 1) Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện là mục tiêu của chiến lược phát triển. Tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật. Đầu tranh phê phán đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. 2) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa trong hệ thống chính trị, trong các địa phương, làng bản... Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. 3) Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. 4) Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa. 5) Làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản. 6) Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa. 7) Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. 8) Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa.

2. Về xây dựng đạo đức cách mạng

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức của một bậc “đại nhân, đại trí, đại dũng”, của một vĩ nhân, một lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người cộng sản ưu tú; đồng thời, cũng là tấm gương đạo đức của một người chân chính, bình thường, gần gũi ai cũng có thể học tập và làm theo để trở thành người cách mạng, người công dân tốt hơn. Hồ Chí Minh “là tấm gương sáng, là hiện thân của nền đạo đức cách mạng Việt Nam, mãi mãi là ngọn đèn pha chiếu rọi con đường rèn luyện, phấn đấu để trở nên “tốt” hơn, đạt đến “chân thiện mỹ” của con người Việt Nam ngày nay và mai sau”².

Xuất phát từ bản chất con người luôn có khát vọng hướng tới chân, thiện, mỹ nhằm hoàn thiện bản thân, để vươn tới sự hoàn thiện, trước hết con người phải tự tu dưỡng hoàn thiện mình về đạo đức. Hồ Chí Minh cho rằng, đối với các dân tộc phương Đông vốn giàu tình cảm, trọng đạo lý, việc tu dưỡng đạo đức của mỗi cá nhân, mỗi con người có vai trò vô cùng quan trọng. Đạo đức là yếu tố cơ bản của nhân cách tạo nên giá trị con người, vì vậy ai cũng phải tu dưỡng hoàn thiện mình về đạo đức. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh thường xuyên chú trọng quan tâm giáo dục đạo đức, chăm lo rèn luyện đạo đức cho sinh viên. Người hằng mong muốn: “Thanh niên phải có đức, có tài”.

Việc tu dưỡng trau dồi đạo đức rất quan trọng đối với con người Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Đối với thế hệ trẻ cũng vậy. Thế hệ trẻ là “người chủ tương lai của nước nhà... Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”¹. “Thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách, dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai”². Vì vậy, cần phải chú trọng chăm lo giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, văn hóa cho sinh viên, hình thành thế hệ thanh niên mới có những phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động, có trách nhiệm với Tổ quốc, với nhân dân, với chế độ xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh nói: “Đối với thanh niên trí thức như các cháu ở đây thì cần đặt lại câu hỏi: Học để làm gì? Học để phục vụ ai? Đó là hai câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát thì mới có phương hướng để sửa chữa khuyết điểm của mình”. Học tập và làm theo đạo đức Hồ Chí Minh là đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế; nhằm làm cho mỗi người trở thành những công dân tốt hơn, xứng đáng là những người làm chủ đất nước, biết trọng danh dự, lương tâm, trách nhiệm. Đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội.

Trong sự nghiệp đổi mới, đi vào nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, tác động của kinh tế tri thức, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, một nền đạo đức mới đang hình thành, là nguồn động lực quan trọng của sự nghiệp phát triển đất nước. Nhờ đó, con người Việt Nam, trong đó có phần lớn sinh viên, thanh niên trí thức vẫn giữ được lối sống nhân hậu, tình nghĩa, trong sạch, lành mạnh; khiêm tốn, luôn cẩn cù và sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học, có chí lập thân, lập nghiệp, năng động, nhạy bén, dám đổi mới với những khó khăn, thách thức, dám chịu trách nhiệm, không ỷ lại; sống có bản lĩnh, luôn gắn bó với nhân dân, đồng hành cùng dân tộc, phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bên cạnh đó, đất nước còn có những biểu hiện tiêu cực. Đó là: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng”¹. “Tôi phạm và tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; đạo đức xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng.... kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm”. Một bộ phận sinh viên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, không có chí lập thân, lập nghiệp; chạy theo lối sống thực dụng, thiếu trách nhiệm, thờ ơ với gia đình và xã hội, sa vào hàng loạt tiêu cực. Do đó, cần phải tiếp tục đẩy mạnh việc học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Học tập đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh là phải trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh

cho sự nghiệp cách mạng. Học tập đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh là học phẩm chất con người trọn đời vì nước vì dân, là học tập khí phách anh hùng, ý chí độc lập tự cường, kiên trì mục tiêu lý tưởng, sáng tạo và quyết thắng, không chịu khuất phục trước mọi kẻ thù. Ngay từ thuở thiếu thời, Hồ Chí Minh đã lựa chọn một cách rõ ràng và dứt khoát mục tiêu hiến dâng cả cuộc đời mình cho cách mạng. Người đã chấp nhận một sự hy sinh, luôn kiên định, dũng cảm và sáng suốt để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, “thắng không kiêu, bại không nản”, “giàu sang thê khôn quyến rũ, nghèo khó khôn thê chuyển lay, uy lực khôn thê khuất phục”¹ nhằm thực hiện bằng được mục tiêu cách mạng. Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng và thống nhất Tổ quốc, giải phóng giai cấp công nhân và dân tộc bị áp bức, cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, cho sự hợp tác anh em và hoà bình giữa các dân tộc. Ở Hồ Chí Minh, “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”¹. Đến trước lúc qua đời, Người không có gì phải hối hận, nhưng tiếc thì có, đó là chỉ tiếc không được phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Học tập đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh là phải tu dưỡng, rèn luyện theo tấm gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đức khiêm tốn, trung thực. Hồ Chí Minh thường dạy cán bộ, đảng viên, đoàn viên và thanh niên phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, ít lòng ham muôn vật chất, đó là tư cách người cán bộ cách mạng, và tự mình Người đã gương mẫu thực hiện. Theo Hồ Chí Minh, “Muốn hoàn thành nhiệm vụ được tốt thì chúng ta phải học tập, chúng ta phải trau dồi tư tưởng,... phải trau dồi đạo đức cách mạng, trước hết là đức khiêm tốn”. “Khiêm tốn là một đạo đức mà mọi người cách mạng phải luôn trau dồi”; phải chân thành, khiêm tốn, không được tự mãn, chơ kiêu ngạo, luôn luôn cầu tiến bộ, phải “khiêm tốn, trong sạch và chính trực”. Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về trung thực, trách nhiệm với mình, với người, với việc, thể hiện trong tư tư0ng và lẽ sống của Người. Trung thực là phẩm chất hàng đầu của cán bộ, đảng viên và của mỗi người. Trung thực trong tư tư0ng đạo đức Hồ Chí Minh mang nội dung đạo đức cao quý của người cộng sản, những người đã công khai nói về sự tự nguyện hy sinh, cống hiến cả cuộc sống của mình cho mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong công việc, trung thực phải luôn luôn gắn bó với trách nhiệm. Hồ Chí Minh coi trách nhiệm là việc phải làm, phải gánh vác, không thể thoái thác. Trách nhiệm là bỗn phận của mỗi người, dù ở cương vị nào. Ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân là sự tự ý thức về các công việc phải làm, “nhận rõ phải, trái, đúng, sai”, tự mình xác định việc cần làm. Mọi người dân Việt Nam đều có ý thức dân tộc, nhưng trước hết là lớp trẻ, tương lai của đất nước. Trong lớp trẻ ấy, đặc biệt sinh viên

phải có sự vun đắp tinh thần dân tộc, ý thức trách nhiệm với Tổ quốc thân yêu. Trên cơ sở có ý thức đúng đắn, tự giác, tích cực thực hiện trách nhiệm của mình là “có tinh thần trách nhiệm cao”. Với cán bộ, đảng viên và mỗi một người cần nhận thức rõ: Trung thực, trách nhiệm, trước hết là trách nhiệm với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân, sau đó là trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương. Xây dựng, rèn luyện bản lĩnh vững vàng, có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng, phấn đấu vì cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Học tập đạo đức Hồ Chí Minh là phải có đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người. Phải có tình thương yêu đối với con người. Tình thương đó gắn liền với niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh và trí tuệ của nhân dân. Hồ Chí Minh luôn dạy cán bộ, đảng viên việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân, dù nhỏ, cũng phải hết sức tránh; phải gần dân, hiểu dân, phải học dân, kính trọng nhân dân; hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Người phê phán quyết liệt đầu óc “quan cách mạng” và tự mình thường xuyên đi xuống cơ sở để tìm hiểu “lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người không quan trọng”. Là người có uy tín rất cao và sức hấp dẫn rất lớn, song không bao giờ Hồ Chí Minh đặt mình cao hơn nhân dân, chỉ tâm niệm suốt đời là công bộc của nhân dân, “cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận”³.

Với tình thương yêu bao la, Hồ Chí Minh dành cho tất cả, chia sẻ với mọi người những nỗi đau riêng. Tháng 7 năm 1969, khi tiếp và trả lời nữ đồng chí Mácta Rôhát, phóng viên báo *Granma* (Cuba), Người nói: “Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi...; Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”¹. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công cũng là lúc Việt Nam vừa trải qua nạn đói khủng khiếp, Hồ Chí Minh chủ trương tăng gia sản xuất, mỗi tháng mỗi người nhịn ăn ba bữa để góp gạo cứu đói và Người cũng đóng góp lon gạo của mình như mọi người dân. Đi thăm trại tù binh trong chiến dịch Biên giới về, Người không còn áo khoác ngoài vì Người đã cho tên quan ba thày thuộc Pháp bị rét共青.

Lòng nhân ái, khoan dung, nhân hậu của Hồ Chí Minh bắt nguồn từ đại nghĩa của dân tộc, nên có sức mạnh và cảm hóa to lớn trong việc xây dựng và tái tạo lương tri. Ở Hồ Chí Minh, thương người là một tình cảm lớn, sâu sắc.

Học tập đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh còn là học tập và làm theo tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc

sóng. Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thế giới. Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ. Học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là học tập đức tính bình tĩnh, kiên cường, chủ động vượt qua thử thách, gian nguy, kiên trì mục đích cuộc sống, bảo vệ chân lý, giữ vững quan điểm cách mạng của mình.

“Muốn nêu sự nghiệp lớn,

Tinh thần càng phải cao”¹.

Học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh còn phải học tấm gương về chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. Hồ Chí Minh chẳng những là một nhà yêu nước vĩ đại, mà còn là một chiến sĩ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX. Hồ Chí Minh thường dạy chúng ta phải chăm lo bảo vệ sự đoàn kết quốc tế, vì sự nghiệp của cách mạng Việt Nam, vì nghĩa vụ cao cả đối với cách mạng thế giới. Do vậy, sinh viên rất cần phải học tập phẩm chất đạo đức kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với tinh thần quốc tế trong sáng. Thanh niên, sinh viên phải ra sức trau dồi đạo đức trở thành những con người làm chủ đất nước, đoàn kết thành một khối, quyết làm tròn nghĩa vụ cao cả vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Sinh viên Việt Nam quyết tâm học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh, thi đua học tập, rèn luyện, vì ngày mai lập nghiệp, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu như Hồ Chí Minh hằng mong muôn.

Tham khảo: Học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh

Phong cách có liên quan chặt chẽ với đạo đức. “Phong cách Hồ Chí Minh”³ là phong cách của một người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, một lãnh tụ thiên tài của Đảng và của dân tộc, một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một nhà văn hoá kiệt xuất của nhân loại. Phong cách Hồ Chí Minh cũng là phong cách của một nhà chính trị già dặn, một nhà ngoại giao từng trải, một trí thức uyên bác, một nhà nho sâu sắc của Xứ Nghệ, một hiền triết “đại trí, đại nhân, đại dũng”. Có Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết: “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại”⁴.

Hồ Chí Minh đã thuyết phục, chinh phục mọi người bằng chính phong cách của mình khi Người còn sống. Sức thuyết phục, chinh phục của phong cách Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục mãi khi Người đã đi

xa. Bất cứ ai đã được gặp Người hoặc đã đến tìm hiểu những gì mà cuộc đời thường của Người còn để lại đều cảm nhận cái vĩ đại, cái bất tử của Hồ Chí Minh không phải chỉ thuộc về những tư tưởng lớn, mà còn ở cả phong cách mầu mực, mãi mãi như một tấm gương cho nhiều thế hệ. Một số nội dung cơ bản cần học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh:

Thứ nhất, học phong cách tư duy, nét đặc sắc nhất của phong cách tư duy Hồ Chí Minh là tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo. Điều này được thể hiện trên các vấn đề: Mọi suy nghĩ của Hồ Chí Minh đều xuất phát từ thực tế Việt Nam; rộng mở tư duy, nghiên cứu mọi tư tưởng, học thuyết đã có; hướng tầm nhìn ra thế giới, không ngừng học tập nâng cao trình độ văn hoá làm giàu trí tuệ của mình bằng những kiến thức rất phong phú và sâu rộng, đây chính là điều kiện không thể thiếu để có một tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh.

Thứ hai, học phong cách làm việc, bao gồm tác phong quần chúng, tác phong tập thể - dân chủ, tác phong khoa học.

Thứ ba, học phong cách diễn đạt, xác định rõ chủ đề, đối tượng, mục đích của việc nói và viết; diễn đạt chân thực, ngắn gọn; trong sáng, giản dị, dễ hiểu.

Thứ tư, học phong cách ứng xử, phong cách ứng xử văn hoá; rất tự nhiên, bình dị, rất cởi mở, chân tình, vừa chủ động, linh hoạt, lại vừa ân cần, tế nhị; yêu thương, quý mến, trân trọng con người.

Thứ năm, học phong cách sinh hoạt, giản dị, thanh đạm, thanh cao; cách sống chừng mực, điều độ, ngăn nắp; yêu lao động, quý trọng thời gian, chẳng có ham muồn danh lợi cho riêng mình; tình yêu thương con người i hòa quyện với tình yêu thiên nhiên.

Trong tình hình hiện nay, để Cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” của sinh viên có hiệu quả, đòi hỏi phải có sự phối kết hợp của nhiều nhân tố: sự giáo dục và việc tự bồi dưỡng, rèn luyện của sinh viên; sự nêu gương của mọi người trong xã hội, của bố mẹ trong gia đình, của cán bộ, đảng viên, của các thầy giáo, cô giáo, các cán bộ quản lý giáo dục và sự hướng dẫn của dư luận xã hội và tính nghiêm minh của pháp luật. Nếu coi thường một trong những nhân tố trên, việc học tập, rèn luyện và làm theo sẽ khó đạt được kết quả như mong muốn. Sinh viên, tuổi trẻ Việt Nam nguyện thực hiện và làm theo lời Bác Hồ kính yêu: “Có gì sung sướng vê vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người”¹.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Phân tích những yếu tố tác động đến việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay.
2. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về những chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức cách mạng. Liên hệ tới sự nghiệp đổi mới hiện nay ở Việt Nam.
3. Nêu lên và phân tích những yêu cầu cơ bản đối với sinh viên hiện nay trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
2. Phạm Văn Đồng: Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
3. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
4. Trần Văn Giàu: “Nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, trong: Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
5. Hồ Chí Minh: Toàn tập, các tập 4, 5, 10, 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
6. Bùi Đình Phong: Hồ Chí Minh văn hóa soi đường cho quốc dân đi, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2016.